

NHÂN QUẢ BÁO ỨNG HIỆN ĐỜI

Tác giả: Đường Tương Thanh biên soạn

Đạo Quang dịch, Nguyễn Minh Tiến hiệu đính

MỤC LỤC

LỜI NGƯỜI DỊCH	7
1. LÝ SĨ KHIÊM THÍCH BỐ THÍ	11
2. THẦY GIÁO HẾT LÒNG GIÚP NGƯỜI	14
3. GIA LUẬT SỞ TÀI CAN VUA	17
4. NHAN PHU NHÂN QUẢ QUYẾT CỨU NGƯỜI	20
PHẦN 1	24
5. KHÉO TU TRONG CHỖN PHỦ ĐƯỜNG	24
6. MỘT LỜI CỨU VẠN NGƯỜI.....	30
7. CỨU NGƯỜI ĐƯỢC TĂNG TUỔI THỌ	32
8. CHUYỂN TƯỚNG XẤU THÀNH TỐT	38
9. CHỊU ĐÓI GIÚP NGƯỜI	40
PHẦN 2	43
10. LÀM LÀNH ĐƯỢC BÁO ĐÁP.....	43
11. SINH LÀM CON ĐỂ ĐỀN ƠN.....	47
12. BẠCH KHỎI LẠM SÁT PHẢI TỰ SÁT	50
13. GIẾT HÀNG BINH GẶP ĐẠI HỌA	52
14. LẠM SÁT BỊ UNG NHỌT	53
15. HỒN MA ÁM ẢNH.....	54
PHẦN 3	73
16. HỒN MA BÁO MỘNG	73
17. GIẾT NGƯỜI ĐỀN MẠNG	74
18. SAI DỊCH TÀN ÁC CHỊU QUẢ BÁO.....	77
19. MẸ KẾ ĐỘC ÁC BỊ SÉT ĐÁNH.....	78
20. BỨC CUNG DÂN LÀNH BỊ ĐỘT TỬ	80

21. HAI MƯƠI SÁU NHẤT DAO	82
22. OAN NGHIỆT SANH MỤT NHOT	84
23. QUỐC SƯ NGỘ ĐẠT	87
24. THẤY CHẾT KHÔNG CỨU ĐỜI SAU LÀM HEO.....	92
25. THAM TIỀN MẤT CON.....	93
26. CHA MẸ LÀ PHẬT.....	94
PHẦN 4	96
27. LÒNG HIẾU CẢM ĐỘNG MÃNH HỒ	96
28. LIỀU CHẾT CỨU CHA	98
29. NÀNG DÂU HIẾU THOÁT HỎA HOẠN	99
30. LÒNG HIẾU CẢM ĐỘNG HÀI CỐT CHA.....	101
31. GƯƠNG HIẾU THUẬN.....	103
PHẦN 5	126
32. NIỆM PHẬT CỨU MẸ.....	126
33. HIẾU NGHĨA THÀNH DANH.....	127
34. CON HIẾU KHÔNG DỐI CHA.....	140
35. XIN ĂN NUÔI CHA MẸ.....	141
36. HIẾU DƯỠNG MẸ SINH CON TRAI QUÝ.....	143
37. CHU THỌ XƯƠNG HẾT LÒNG TÌM MẸ	144
38. TU THÂN VÀ GIÚP NGƯỜI ĐỂ BÁO ÂN	147
39. HIẾU THUẬN THOÁT NẠN SÉT ĐÁNH	148
40. CON HIẾU XẢ THÂN CỨU CHA.....	150
41. NÀNG DÂU HIẾU THẢO MẸ CHỒNG.....	151
42. ĐỔI TUỔI THỌ CHO CHA	152
43. THAY NHAU NUÔI CHA MẸ.....	153
PHẦN 6	155

44.	CẦN SÁM HỐI KỊP THỜI	155
45.	TƯ MÃ QUANG SỬA CHỮA SAI LẦM.....	156
46.	QUỶ DƯỚI ĐỊA NGỤC ĂN GÌ?.....	157
47.	TRỜI XANH KHÔNG PHỤ LÒNG NGƯỜI TỐT	163
	Chuyện thứ nhất.....	163
	Chuyện thứ hai.....	165
	Chuyện thứ 3.....	166
48.	HÌNH BÓNG THAY ĐỔI KÌ DI DO ÁC NIÊM	169

LỜI NGƯỜI DỊCH

Mỗi tôn giáo đều có cách riêng để giải thích mối quan hệ của những sự việc diễn ra trong cuộc sống, tuy cũng đều khuyên người làm lành lánh dữ nhưng sự lập luận thật không hoàn toàn giống nhau. Chỉ riêng Phật giáo đưa ra thuyết nhân quả báo ứng, phủ nhận mọi yếu tố thưởng phạt siêu hình, mà chỉ dựa vào tính chất thiện ác trong hành vi của tự thân mỗi người. Thuyết nhân quả này từ khi được đức Phật Thích-ca thuyết giảng đến nay đã trải qua hơn 25 thế kỷ, ngày càng có nhiều bằng chứng xác thực hơn trong thực tế đời sống và cũng ngày càng tỏ ra gần gũi, phù hợp hơn với những hiểu biết, khám phá mới của khoa học hiện đại. Chính vì thế mà số người hoài nghi về những việc thiện ác báo ứng đã ngày càng giảm hẳn, trong khi số người tin chắc vào nhân quả ngày càng tăng thêm, đặc biệt là còn có không ít người thuộc hàng ngũ các nhà khoa học hiện đại nữa.

Sở dĩ như thế là vì thuyết nhân quả báo ứng của Phật giáo đưa ra một quan điểm thấu triệt và hợp lý hơn hết. Theo quan điểm này thì mỗi một sự việc xảy đến cho mỗi người chúng ta trong cuộc sống đều có một nguyên nhân sâu xa, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ những hành vi mà chính ta đã từng thực hiện. Chúng ta không thể mong rằng sẽ gặt hái được những quả báo tốt đẹp nếu như ta chỉ gieo trồng toàn những hạt giống xấu bằng các hành vi xấu ác, trái đạo lý. Ngược lại, nếu ta biết làm lành lánh dữ, thường giúp đỡ người khác thì những điều tốt đẹp sẽ tự nhiên tìm đến với ta, cho dù ta chẳng hề để tâm mong cầu.

Tuy vậy, đối với những sự việc nhân quả báo ứng trải dài trong dòng thời gian vô thủy vô chung thì mỗi chúng ta đều không có khả năng nhận biết hết. Chúng ta chỉ có thể nhìn thấy những gì đang xảy ra trước mắt mà không thể biết được những gì đã từng xảy ra trong một quá khứ mờ mịt xa xôi. Chính vì vậy mà đã có không ít kẻ lớn tiếng phủ nhận nhân quả để rồi tự mình lao vào những việc làm sai trái, bất chấp đạo lý, rốt cuộc phải chuốc lấy những nghiệp quả nặng nề, đau khổ.

Tập truyện này sẽ mang đến cho các bạn những bằng chứng hiển nhiên về nhân quả đã từng xảy ra và được người xưa ghi chép lại. Với những chi tiết cụ thể và xác thực được ghi nhận trong từng trường hợp, đây chắc chắn sẽ là những chứng cứ thuyết phục để chúng ta thấy rõ rằng lời dạy của ông cha ta từ nhiều đời nay quả thật không hề sai trái. Đó chính là đạo lý căn bản trong sự hành xử ở đời: “Gieo gió gặt bão, ở hiền gặp lành.”

Theo đạo Phật, luật nhân quả không chỉ giới hạn trong một đời sống hiện tại này, mà là một quy luật chi phối trong suốt dòng thời gian, hay nói một cách khác là có sự liên hệ chặt chẽ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Chính vì vậy, có những hành vi gieo nhân mang đến kết quả tức thời trước mắt, hoặc ngay trong đời sống này, gọi là hiện báo; nhưng cũng có những hành vi được thực hiện trong đời sống này mà qua đời sống kế tiếp mới nhận lãnh quả báo, gọi là sanh báo; lại cũng có những hành vi được thực hiện trong đời sống này nhưng phải qua 2, 3 hoặc nhiều đời sống sau đó mới nhận lãnh quả báo, gọi là hậu báo.

Mặc dù có sự khác nhau về sự nhận lãnh quả báo như thế, nhưng qua tất cả các trường hợp nhân quả báo ứng chúng ta có thể thấy được một nguyên lý nhất quán là một khi đã tạo nghiệp thì không thể tránh đâu cho khỏi sự báo ứng. Đây chính là lời Phật dạy trong kinh Pháp cú:

*“Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả ác nghiệp.”*

(Kệ số 127, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu). Và cũng chính do ý nghĩa này mà đức Phật dạy rằng:

**Giả sử bách thiên kiếp,
Sở tác nghiệp bất vong,
Nhân duyên hội ngộ thời,
Quả báo hoàn tự thọ.**

Tạm dịch:

*Dù trải trăm ngàn kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất.
Khi nhân duyên đầy đủ,
Phải tự chịu quả báo.*

Do có sự khác nhau về nhân duyên nên không phải mọi hành vi đều có quả báo như nhau, cho dù dưới mắt người đời chúng có vẻ như không khác gì nhau. Hơn thế nữa, sự khởi tâm của người tạo nghiệp cũng đóng một vai

trò quyết định. Chẳng hạn, một hành vi cố ý làm hại người khác sẽ mang đến một quả báo nặng nề hơn so với một hành vi vô tình gây hại cho người khác.

Khi biên soạn tập truyện này, tiên sinh Đường Tương Thanh hẳn đã có ý muốn giúp cho những ai còn hoài nghi về vấn đề nhân quả báo ứng sẽ không còn hoài nghi, bởi những câu chuyện được ghi chép lại nơi đây là những bằng chứng rất rõ ràng khiến cho mọi người không sao ngờ vực được nữa.

Nhận thấy sự lợi ích và tính chất giáo dục luân lý đạo đức rất cao của tập truyện này nên chúng tôi không ngại sở học kém cỏi đã cố gắng hết sức để chuyển dịch sang Việt ngữ, ngõ hầu có thể mang lại đôi chút kết quả tốt đẹp, góp phần nâng cao và phát huy tính hướng thiện cho tất cả mọi người. Hơn thế nữa, với rất nhiều tình tiết thú vị trong những câu chuyện kể, chắc chắn quý độc giả sẽ có được những giây phút thư giãn đầy hứng khởi khi đọc qua tập sách này.

Mong sao những tấm gương của người xưa vẫn có thể giúp nhiều người đời nay sớm thức tỉnh và quay về con đường hướng thiện. Nếu được vậy thì đây chính là niềm vui lớn lao nhất dành cho người dịch.

Nam mô A-di-đà Phật!

Đạo Quang

Cẩn chí

1. LÝ SĨ KHIÊM THÍCH BỐ THÍ

Vào đời Tùy có vị cư sĩ tên Lý Sĩ Khiêm, từ nhỏ đã hết sức hiếu thuận. Ông mồ côi cha từ bé, rồi sau khi mẫu thân theo cha về thế giới bên kia thì ông buồn thương thọ tang thủ hiếu trọn ba năm. Kỳ hạn thọ tang vừa xong liền sửa sang ngôi nhà đang ở thành một ngôi chùa, và từ đó lập chí nguyện không tiếp tục làm quan nữa. Cả đời ông không hề nhấm môi dù chỉ một giọt rượu, không ăn thịt cá, hành vi lúc nào cũng đoan chính, khẩu nghiệp hết sức thanh tịnh, từ xưa đến nay chưa từng nói ra lời nào có liên quan đến sự giết hại.

Tiên sinh được kế thừa gia sản kékch xù do cha mẹ để lại nhưng sự sinh hoạt, chi tiêu hằng ngày lại tiết kiệm, dè sẻn hơn cả người nghèo. Ông mặc y phục thô cũ, ăn cơm rau đạm bạc, lúc nào cũng xem việc giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, nghèo đói là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Nếu trong thôn xóm có gia đình nào khó khăn, chẳng hạn như người chết không có quan tài, tiên sinh liền bố thí quan tài. Anh em cãi nhau vì phân chia tài sản không đồng đều, ông tự lấy tiền nhà thêm vào cho đủ chia để không ai thấy thiệt thòi. Cũng không ít trường hợp khi đó cả hai anh em đều cảm động và xấu hổ, tự thay đổi tâm tánh không còn tranh chấp mà biết nhường nhịn lẫn nhau, yêu thương và tha thứ cho nhau, nhờ đó mà cả hai đều trở thành người tốt.

Một hôm, tiên sinh phát hiện có người đang cắt trộm lúa trong ruộng của mình. Ông chẳng những không hô hoán để bắt tên trộm, ngược lại chỉ lặng lẽ bỏ tránh đi nơi

khác. Mọi người trong gia đình thấy khó hiểu trước hành động của tiên sinh liền theo hỏi, ông giải thích:

– Con người không ai không có sĩ diện, nào ai thích làm kẻ trộm? Nhưng bởi thiên tai hoạn họa, nghèo đói bức bách nên mới bất đắc dĩ rơi vào đường xấu. Do đó chúng ta nên khoan dung tha thứ cho anh ta đi!

Không lâu sau, người cắt trộm lúa biết được tấm lòng nhân từ của tiên sinh, cảm động sâu sắc liền phát tâm hối cải, từ đó thề với lòng thà chết đói chứ không làm kẻ trộm nữa. Quả thật, nhờ đó mà anh trở thành người tốt.

Một năm nọ, mất mùa đói kém, rất nhiều người rơi vào cảnh thiếu trước hụt sau, gia đình đói khát. Lý tiên sinh liền mở kho xuất hơn ngàn bao gạo cứu giúp dân chúng. Đến năm sau, mùa màng lại tiếp tục thất bát, những người mượn nợ năm trước đều không đủ khả năng trả nợ, cùng kéo đến nhà Lý tiên sinh xin khất nợ. Lý tiên sinh chẳng những không một lời làm khó mà còn nấu cơm thết đãi, sau đó đem tất cả giấy nợ ra đốt sạch và nói mọi người một cách hết sức từ ái:

– Ngũ cốc trong nhà tôi được chứa trữ vốn là để cứu tế, giúp đỡ mọi người khi hoạn nạn, tuyệt đối không có ý đầu cơ để thừa nước đục thả câu. Hiện tại nợ nần của các vị đã hết, vậy mọi người hãy yên tâm làm ăn đừng nên lo lắng nữa!

Mấy năm sau, lại tiếp tục gặp năm mất mùa rất nặng nề, Lý tiên sinh đem hết tất cả gia sản ra để tổ chức việc bố thí lương thực với qui mô lớn, cứu sống hơn vạn người đang đứng trước cái chết vì đói thiếu.

Mùa xuân năm sau, Lý tiên sinh lại tiếp tục bố thí một số lượng rất lớn hạt giống để giúp nông dân trồng tía vụ mùa mới.

Có người thấy việc làm của tiên sinh như thế, liền nói:

– Lý tiên sinh! Ông đã cứu sống được rất nhiều người, quả thật âm đức không nhỏ!

Ông cười xòa đáp:

– Ý nghĩa của âm đức cũng giống như việc bị ù tai, chỉ bản thân mình biết, người khác không nghe biết được. Hiện tại những việc tôi đã làm, anh đều biết cả, như vậy sao có thể gọi là âm đức được chứ?

Sau đó, con cháu của Lý tiên sinh đều làm ăn phát đạt, mọi người cho rằng đây là quả báo tích đức của tiên sinh. Nhưng lúc đó lại có người không tin đạo lý nhân quả, đưa ra lập luận rằng chẳng có sách vở thánh hiền nào ghi chép về nhân quả cả. Lý tiên sinh ôn tồn nói:

– Ông sai rồi, đức Khổng Tử tán thán Kinh Dịch, mà trong Kinh Dịch có nói: “Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương.” (Nhà tích chứa điều thiện ắt sẽ có niềm vui; nhà tích chứa điều bất thiện ắt sẽ gặp tai ương). Như vậy có thể thấy trong sách Nho cũng nói đến đạo lý nhân quả, sao bảo là không?

Người đó hiểu ra, rất tán phục sở học của tiên sinh, lại thừa hỏi về chỗ khác biệt giữa Tam giáo. Lý tiên sinh giải thích:

– Phật giáo giống như mặt trời, Đạo giáo giống như ánh trăng, Nho giáo giống như những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời.

Người ấy nghe được những lý luận cao thâm của Lý tiên sinh bỗng chốc liền khởi tâm hoan hỉ, tin phục.

Vào năm 66 tuổi, Lý tiên sinh thuận theo lẽ vô thường, an nhiên xả bỏ xác thân. Người người nghe tin đều đau buồn khóc than thảm thiết. Người đến tham dự lễ tang và tiễn đưa linh cữu có đến hơn hàng vạn.

Một đời của Lý Sĩ Khiêm được nuôi dưỡng trong giáo lý giải thoát của Phật-đà, thấm nhuần Phật pháp, cho nên đối với gia đình hết lòng hiếu thuận song thân, làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ, tình thương; còn đối với xã hội cũng thực hành hạnh nguyện lợi tha rộng lớn, cứu độ chúng sinh chẳng khác hàng Bồ Tát. Ông đã mang toàn bộ tài sản của mình ra để thực hành hạnh bố thí, song trong lòng không khởi chút ý niệm tham cầu danh thơm tiếng tốt hay kể lể công lao. Hành động này có thể nói là những người bình thường không dễ gì làm được. Tầm gương cuộc đời của Lý tiên sinh có thể nói là: “Sống được mọi người kính mến, lúc chết được mọi người thương xót.”

(trích Tùy Sử – truyện Lý Sĩ Khiêm)

2. THẦY GIÁO HẾT LÒNG GIÚP NGƯỜI

Tỉnh Giang Tây có tiên sinh Thư Lão dạy trường tư thực, có xây dựng các trường tư thực ở hai tỉnh Hồ Nam và Quảng Đông, lấy việc dạy học làm niềm vui và kế mưu sinh.

Ngày nọ, tiên sinh cùng với rất nhiều người đồng hương Giang Tây đáp thuyền trở về làng. Lúc thuyền vừa cập bến, tiên sinh lên bờ tản bộ, hốt nhiên nghe có tiếng khóc rất thê thảm liền đến gần để xem, thì ra đó là tiếng khóc của một người thiếu phụ vào độ tuổi trung niên.

Tiên sinh Thư Lão liền gạn hỏi nguyên do vì sao cô ta lại khóc lóc bi ai như vậy. Người thiếu phụ đáp:

– Chồng tôi thiếu quan phủ 13 lượng bạc, hiện nay quan phủ thúc ép rất gấp, cho nên vạn bất đắc dĩ đành phải bán tôi cho người khác lấy tiền trả nợ. Nhưng nếu tôi bị bán đi, nhất định đứa con mới chào đời sẽ chết vì không có sữa bú. Thưa tiên sinh, như vậy bảo tôi làm sao không đau lòng xót dạ?

Nói xong, nàng ta không cầm được lòng, tiếp tục khóc nức nở. Thư Lão bèn an ủi:

– Chúng tôi cùng đi trên thuyền đều là các thầy giáo trường tư thực, gốc ở Giang Tây, chỉ cần mỗi người giúp cô một lượng bạc thì có thể giải quyết xong vấn đề này rồi. Cô hãy lau nước mắt đi, không nên khóc lóc như vậy nữa.

Nói xong, tiên sinh trở về thuyền kêu gọi bạn bè, nhưng mọi người không ai chịu bỏ tiền ra. Tiên sinh Thư Lão bèn gom hết tiền bạc dành dụm được trong suốt hai năm dạy học, vừa đúng 13 lượng bạc, đưa cả cho người thiếu phụ đang gặp hoàn cảnh bi đát kia.

Công đức của số bạc này thật không thể nói hết, đã cứu sống được cả một gia đình. Người thiếu phụ rơi lệ vui mừng, nói lời cảm tạ rồi ra đi.

Nhưng thuyền chưa về đến Giang Tây mà lương thực mang theo của Thư Lão đã hết, mà tiền thì đã mang ra giúp người hết sạch. Lúc đó, những người đi chung thuyền đều chế nhạo ông:

– Liệu mình đủ sức mới có thể cứu người! Không ai lại ngu ngốc đến như ông, tiền ăn của mình còn chưa đủ mà dám mang ra đưa hết cho người khác. Bây giờ có chịu đói khát cũng chỉ có thể tự trách mình thôi.

Dù vậy, trong số những người đi chung thuyền ấy vẫn còn có một người nhận biết được điều hay lẽ phải, rất tán phục việc làm hy sinh cao cả của ông. Vì thế, cứ đến bữa ăn thì người ấy đều đến mời tiên sinh cùng ăn.

Nhưng Thư Lão phải ăn nhờ cơm người khác, làm sao có thể dám ăn no? Vì thế mà phải cam chịu đói khát trong suốt lộ trình hai ngày.

Về đến nhà, Thư Lão vội bảo vợ:

– Tôi đói quá, mau nấu cơm cho tôi ăn.

Người vợ thở dài nói nhà không còn gạo, vẫn đang đợi ông mang tiền về để mua. Thư Lão đành bảo vợ sang nhà hàng xóm mượn, nhưng vợ ông nói:

– Tôi vốn đã mượn của hàng xóm rất nhiều rồi, lại hứa khi ông về là có tiền, nhất định sẽ trả hết nợ nần cho họ. Bây giờ ông đã về mà nợ cũ còn chưa trả, có lý nào họ lại tiếp tục cho tôi mượn?

Tiên sinh Thư Lão liền kể lại tường tận chuyện mình đem tiền dành dụm được trong mấy năm qua để giúp đỡ

người thiếu phụ nghèo gặp cảnh khốn cùng cho vợ nghe. Người vợ nghe xong vui vẻ nói:

– Nếu đã như vậy, giờ tôi sẽ vào núi hái ít rau dại về, chúng ta cùng ăn qua bữa cũng không sao.

Nói xong, liền xách giỏ tre đi thẳng vào núi. Nhưng lúc ấy đang mùa khô, tìm chẳng có rau gì ngon ngọt, chỉ hái được một ít rau đắng căn cỗi, đành mang về nhà nấu luôn cả rễ, rồi hai vợ chồng cùng vui vẻ ngồi ăn với nhau.

Tối hôm đó, hai vợ chồng đang ngủ bỗng nghe có tiếng nói trên không trung:

– Vợ chồng Thu Lão biết làm thiện tích phước, hôm nay phải ăn rau đắng, năm sau ắt sinh được trạng nguyên.

Cả hai vợ chồng đều nghe rất rõ giọng nói ấy, vội vàng tung chăn bước xuống giường, quì gối chấp tay hướng lên không trung bái tạ.

Năm sau, quả nhiên người vợ sinh được một cậu con trai kháu khỉnh, đặt tên là Tố Phương. Về sau lớn lên thi đỗ trạng nguyên, đúng như lời báo trước!

(trích Đức dụ cổ giám)

3. GIA LUẬT SỞ TÀI CAN VUA

Gia Luật Sở Tài là đại thần nổi tiếng triều Nguyên. Ông học rộng biết nhiều, bình sinh không có sách vở nào lại chưa từng nghiên cứu qua, học vấn uyên thâm, lại đặc biệt tinh thông kinh luận Phật giáo...

Nguyên Thái tổ Thành Cát Tư Hãn mỗi khi xuất binh, trước tiên đều mời Sở Tài đến để thỉnh vấn. Những sự luận bàn phân tích của tiên sinh thấy đều sâu xa và ứng nghiệm như thần, cho nên Thành Cát Tư Hãn hết sức kính trọng và tin cậy.

Có một lần, quân Nguyên chinh phạt phía đông Ấn Độ, hành quân đến Thiết Môn Quan thì phát hiện một con thú rất kì lạ, chỉ có một sừng, thân hình giống như nai, đuôi lại giống như ngựa, biết nói tiếng người, bảo người thị vệ của Nguyên Thái tổ rằng:

– Không nên tiến công vào vùng này, hãy xin hoàng đế của ông sớm ra lệnh thu binh mới là thượng sách.

Thành Cát Tư Hãn nghe báo việc này cảm thấy hết sức kinh ngạc và khó hiểu, liền thỉnh giáo Sở Tài. Sở Tài đáp:

– Muôn tâu bệ hạ! Đây là con thú tốt lành, người ta gọi nó là giác thụ, có khả năng nói tất cả các thứ tiếng, biết yêu thích sự sống, chán ghét cái chết. Đây là điềm lành ngầm ý bảo hoàng thượng hãy thuận theo lòng trời, thực tập từ bi, bảo hộ bá tính vạn dân và sinh mạng của muôn vật.

Thành Cát Tư Hãn nghe tiên sinh nói thế, lập tức ra lệnh rút binh về nước.

Lúc đó, phần lớn quan sử ở các châu quận đều bạo ngược vô đạo, thường giết người một cách vô tội vạ, thậm chí xảo trá lấy vợ người, cướp đoạt tài sản... Sở Tài nghe biết tình hình chính trị ở các nơi đồi bại như thế, không cảm được nỗi đau rơi lệ... Tiên sinh liền dâng biểu lên Nguyên Thái tổ xin hạ lệnh chấn chỉnh quan sử các châu

quận, nghiêm cấm việc xâm hại dân chúng và tùy tiện giết người, lại yêu cầu tất cả các trường hợp dùng đến án tử hình đều phải trình lên hoàng đế xét duyệt, nếu ai trái lệnh sẽ bị xử chém.

Sau khi Nguyên Thái tổ chuẩn y và ra chiếu chỉ, hành động bạo ác của quan sử ở các địa phương mới dần dần giảm bớt.

Lúc Nguyên Thái tổ xuất binh Nam chinh, Sở Tài dâng sớ xin phát lời kêu gọi những người trong hàng ngũ quân địch đầu hàng, đồng thời đề xuất ý kiến dùng cớ đầu hàng để phát cho những người chịu hàng thuận, rồi cho phép họ trở về quê hương chứ không giết hại, do đó bảo toàn được rất nhiều sinh mạng, mà việc chinh phạt cũng trở nên dễ dàng hơn vì giảm bớt sự kháng cự.

Sau đó, Nguyên Thái tổ mang quân đánh Biện Lương (nay là Khai Phong, Hà Nam), vị tướng cầm binh vì muốn trả thù sự chống trả quyết liệt của người Kim nên muốn ra lệnh phóng hỏa thiêu rụi cả thành, không để ai sống sót. Sở Tài biết chuyện liền lập tức dâng sớ lên Nguyên Thái tổ nói rõ:

“Mục đích xuất chinh của hoàng thượng là vì muốn mở rộng bờ cõi và nhân dân. Nếu như chúng ta thiêu rụi hết cả thành, như vậy mình chỉ được đất chứ không được người, thế thì đâu có tác dụng gì?”

Thành Cát Tư Hãn xem tấu sớ rồi vẫn còn do dự chưa quyết định, Sở Tài liền tiếp tục trực tiếp can ngăn:

– Tâu bệ hạ, trong thành này có biết bao những công trình kì xảo xinh đẹp, biết bao ngôi nhà chứa đầy vàng bạc

châu báu, nếu như ta thiêu rụi hết cả thành, như vậy sẽ chẳng thu hoạch được gì cả, há không đáng tiếc lắm sao?

Nguyên Thái tổ ngẫm nghĩ một lát, cho rằng lời của tiên sinh rất hợp lý, liền bác bỏ đề nghị đốt thành, lại hạ lệnh chỉ bắt tội những người chống đối, còn những ai đã quy thuận thì không truy cứu nữa. Nhờ đó đã bảo toàn được gần 150 vạn mạng người.

Lúc đó, số tù binh vượt ngục rất nhiều, quân Nguyên liền hạ lệnh bắt cứ ai che giấu hoặc giúp đỡ tù binh chạy trốn đều bị giết sạch cả nhà. Sở Tài lại dâng sớ tâu lên Nguyên Thái tổ:

“Ngày nay Hà Nam đã được bình định, dân chúng đều là con của hoàng thượng. Những người tù binh vượt ngục cũng không biết trốn về nơi đâu, lẽ nào chỉ vì một người bỏ trốn mà giết oan rất nhiều người vô tội?”

Nguyên Thái tổ xem xong tấu sớ của Sở Tài, lập tức bãi bỏ mệnh lệnh đã ban ra.

Sở Tài hầu cận bên vua, thường dùng lời mềm dẻo khuyên can mọi việc, giúp cho việc trị nước của vua được thêm phần nhân đức. Ông giữ chức Trung thư lệnh, sau khi chết được truy phong là Quảng Ninh Vương. Con trai ông làm tới chức Tả thừa tướng, 11 người cháu cũng đều được làm quan lớn.

(trích Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký)

4. NHAN PHU NHÂN QUẢ QUYẾT CỨU NGƯỜI

Nhan thái phu nhân là mẹ của tiên sinh Nhan Tịnh Phủ, sống vào triều đại nhà Thanh. Bà có bản tính từ ái, biết cách dạy bảo con cái, có thể nói là một người mẹ mẫu mực.

Khi Nhan Tịnh Phủ bắt đầu bước vào con đường làm quan được bổ làm tri huyện Bình Độ, thuộc Sơn Đông, nổi tiếng thanh liêm, nhân từ, chính trực, công bằng. Nhan phu nhân được tiên sinh rước về phủ để sớm hôm hầu hạ phụng dưỡng. Bà thường dạy con phải biết yêu thương dân chúng, xem nỗi khổ của người dân như nỗi khổ của chính mình.

Có một năm vào đời vua Càn Long, Nhan Tịnh Phủ có việc công phải đi đến tỉnh Tấn vào khoảng tháng 5, bất ngờ ở huyện Bình Độ lại xảy ra lũ lụt, nhà cửa ruộng vườn của người dân đều bị nhấn chìm trong nước. Nhân dân bỏ nhà cửa, làng mạc chạy vào thành lánh nạn lụt như ong vỡ tổ, số đông đến cả vạn người. Không ngờ càng ngày mưa lại càng lớn, nước dâng mỗi ngày một cao, ngay cả huyện thành cũng sắp bị cơn hồng thủy nuốt chửng. Do lụt lội kéo dài, người dân phải chịu cảnh màn trời chiếu đất, đói khát không có gì ăn, tiếng than khóc chấn động cả đất trời.

Lúc đó, vì không có quan tri huyện trong thành nên các quan thuộc trong phủ chỉ biết khoanh tay đứng nhìn. Nhan thái phu nhân thấy tình hình cấp bách như thế liền chủ trương mở kho chứa trữ lương thực của huyện để cứu tế dân bị nạn. Tuy nhiên, theo luật pháp thời bấy giờ qui định thì lương thực chứa trong kho của huyện muốn xuất ra phải được phép của vị quan cấp tỉnh. Vì thế, các quan trong huyện không ai dám nghe theo chủ trương của phu nhân. Phu nhân liền giải thích:

– Mục đích lập nên kho chứa trữ lương thực vốn để cứu tế dân chúng khi gặp hoạn nạn. Hiện trước mắt chúng ta có hàng vạn người dân đang bị đói khát, mạng sống chẳng khác nào đèn treo trước gió, nếu cứ cố chấp theo qui định, báo lên quan trên rồi chờ lệnh thì e rằng có rất nhiều người dân đã biến thành quỷ đói. Chuyện này nếu bị quan trên hỏi tội, tôi xin đứng ra gánh hết trách nhiệm, tuyệt đối không để liên lụy đến các vị. Hơn nữa, chỉ riêng gia sản nhà ta cũng không nhỏ, nếu quan trên có truy cứu thì ta sẽ bán ruộng vườn, nhà cửa để bồi thường.

Nhưng các quan thuộc vẫn hết sức lo sợ có chuyện lôi thôi về sau nên không ai dám mở miệng tán thành. Thấy vậy, Nhan phu nhân lại nói hết sức quả quyết:

– Nếu có việc gì một mình ta xin gánh vác, các vị tuyệt đối an tâm, không nên sợ liên lụy.

Mọi người thấy lòng kiên quyết của Nhan phu nhân như vậy, không thể không tuân lệnh, lập tức mở kho lương thực phân phát cho dân chúng bị nạn. Trong chốc lát dân chúng reo vui dậy cả đất trời, mọi người đều được thoát qua cảnh đói khát. Những gia đình giàu có trong thành đều cảm động trước tấm lòng Bồ Tát của Nhan thái phu nhân nên không ai bảo ai cùng vui vẻ góp thêm lương thực vào việc cứu tế.

Bảy ngày sau, nước lụt đã rút dần, lương thực cũng đã cạn. Lúc đó, tri huyện họ Nhan nghe tin huyện nhà xảy ra lụt lội vội vàng thu xếp trở về. Các quan thuộc cấp liền bẩm báo việc mở kho lương thực cứu tế người dân lên quan tri huyện. Nhan Tri huyện nghe xong vui vẻ mỉm cười bảo mọi người:

– Mẹ ta bảo các vị làm như vậy là đúng.

Ông liền lập tức soạn thảo bản văn trình bày tường tận sự việc lên quan tỉnh; đồng thời sai người về quê bán hết tài sản, chuẩn bị để đền bù vào số lương thực đã xuất ra khỏi kho mà không có lệnh của tỉnh.

Sau khi sự việc được trình lên cấp trên, quan trưởng cấp tỉnh xem qua kinh hãi vô cùng, liền cấp báo về triều đình xin xem xét tội danh tự ý mở kho lương thực, đồng thời ra lệnh điều tra quan tri huyện.

Không ngờ hoàng thượng rất sáng suốt, nghe qua sự việc liền hết lời ngợi khen việc làm của mẹ con Nhan thị, lập tức hạ chiếu không cần tra cứu chuyện tự ý mở kho lương thực, cũng không bắt phải đền bù lương thực vào kho, lại còn ban tặng cho Nhan thái phu nhân một tấm hoành phi để khen ngợi.

Nhan Tịnh Phủ từ đó càng ra sức làm thiện, thương yêu dân chúng như con đẻ. Sau đó ông được bổ làm Tri phủ Nam Phủ, không lâu sau lại thăng chức Tuần phủ tỉnh Quý Châu.

Con trai ông là Nhan Kiêm giữ chức Bộ tào được thăng lên đến chức Lệ tổng đốc; cháu ông là Nhan Bá Đảo xuất thân từ hàn lâm, sau đó nhậm chức Tổng đốc Phúc Kiến; ngoài ra còn rất nhiều cháu chắt của ông cũng đều được vinh hiển. Tất cả đều là phước báo do Nhan thái phu nhân biết dạy con tích chứa điều lành.

(trích Tọa Hoa Chí Quả)

PHẦN 1

5. KHÉO TU TRONG CHỐN PHỦ ĐƯỜNG

Tiên sinh Hồ Phong Ông là cha của Thái thú Hồ Hương Sơn, sống vào triều Thanh. Ông đảm nhiệm chức quan Giám sát ở huyện Kim Sơn, tỉnh Giang Tô, có phẩm hạnh cao thượng, thuần khiết, công minh chính đại, từ trước đến nay chưa từng làm bất cứ chuyện gì mờ ám.

Năm ấy, tại huyện Kim Sơn xảy ra một vụ trộm cướp tài sản được xem là rất nghiêm trọng vì người bị mất tài sản đã thiệt mạng. Huyện quan ra lệnh truy lùng, kết quả bắt được 2 tên chủ mưu và hơn 30 người tòng phạm.

Luật pháp thời ấy quy định hết sức nghiêm khắc, những kẻ phạm tội giết người cướp của thì dù là chủ mưu hay tòng phạm cũng đều phải xử chém như nhau. Nhưng tiên sinh Hồ Phong Ông sau khi điều tra kỹ vụ án này thì biết được hơn 30 người tòng phạm đều là những người nghèo đói thất nghiệp, trong cảnh khốn cùng nên mới nhất thời sa vào con đường phạm pháp. Trong khi vụ trộm xảy ra, chủ nhà phát hiện nhưng thấy bọn trộm quá đông nên không dám manh động, bèn lén ra cửa sau chạy đi báo quan. Không may hôm đó trời tối đen như mực, ông ta không nhìn thấy đường đi, vấp ngã xuống một cái hố cạn bên đường mà chết.

Hồ Phong Ông sau khi hiểu rõ sự tình, không nỡ nhìn thấy những người nghèo khổ kia bị chém đầu nên phán quyết chỉ xử chém hai tên chủ mưu, còn những người khác phạt đi lao dịch ở biên giới. Quan huyện xem qua bản án

liền cho rằng phán quyết như vậy quá nhẹ. Tiên sinh ôn tồn giải thích:

– Tuy trong vụ án trộm cướp này có người thiệt mạng, nhưng điều tra kỹ thấy những kẻ tòng phạm trước đây đều chưa từng phạm pháp, do nghèo khổ bức bách nên mới nhất thời sai lầm; còn người chết là do nguyên nhân phóng chạy lầm đường trong lúc tối trời, té ngã mà chết, khám nghiệm thi thể không có dấu vết đánh đập hay dao chém, như vậy không thể xem là tội cố ý giết người. Với sự tình như vậy, làm sao có thể một lúc giết sạch 30 mạng người?

Nhưng quan huyện sợ bị quan trên quở trách nên không dám phê chuẩn phán quyết của Hồ Phong Ông. Phong Ông lại cố sức thuyết phục:

– Nếu như bị quan trên quở trách việc này, đại nhân cứ bắt tôi giải lên quan tỉnh, khép tôi vào tội phóng thích tội nhân cũng được.

Quan huyện nghe Hồ Phong Ông nói quyết như thế hết sức cảm động, ôn tồn nói:

– Ông vì mạng sống của người khác mà bất chấp mạng sống của chính mình, làm sao tôi có thể không chuẩn thuận?

Liền phê chuẩn phán quyết của Hồ Phong Ông và ra lệnh y theo đó thực hiện.

Khi hồ sơ vụ án này được trình lên quan trên, quả nhiên quan Tuần phủ không tán thành với phán quyết như vậy, liền ra lệnh mở cuộc điều tra lại và yêu cầu quan huyện phải giải trình rõ sự việc.

Hồ Phong Ông liền soạn một bản văn trình bày rõ lý do đã đưa ra phán quyết như vậy, rồi gửi lên quan Tuần phủ. Nhưng quan phủ vẫn không cho là hợp lý, lại tiếp tục phái người về cật vấn. Qua ba lần bảy lượt trình tấu, quan Tuần phủ cuối cùng hạ lệnh triệu người xử án, đồng thời triệu cả quan huyện cùng đến phủ đường để đích thân tra xét.

Quan huyện sợ xanh mặt, liền đổ hết tội lỗi lên đầu Hồ Phong Ông. Nhưng Phong Ông tự thấy việc mình làm không thẹn với lòng nên hết sức bình tĩnh, thản nhiên cùng quan huyện đi đến phủ đường. Tiên sinh còn trấn an quan huyện:

– Nếu quan phủ khép tội đồng lõa với tội phạm, tôi sẽ đứng ra nhận hết tội này, xin đại nhân cứ yên tâm!

Quan huyện khi ấy mới cảm thấy yên tâm phần nào. Khi đến trước phủ đường, quan Tuần phủ lập tức trách mắng quan huyện đã không làm đúng trách nhiệm của mình, xem nhẹ kỉ cương pháp luật. Tuần phủ khi ấy lời nói khó chịu, sắc mặt giận dữ, quan huyện chỉ biết cúi đầu không dám biện bạch gì. Tuần phủ lại cật vấn:

– Ông mới nhậm chức chưa được bao lâu, hẳng là có ai bảo ông làm như thế?

Quan huyện nghe hỏi thì mừng rỡ như người lạc đường tìm được lối ra, vội vã thưa lên:

– Xin đại nhân minh xét, tất cả vụ án này quả là do Hồ phán quan xét xử, hạ quan không thể làm khác được.

Tuần phủ liền quát hỏi:

– Vậy họ Hồ có đến cùng ông không?

– Thưa có! Hiện ông ấy đang đứng chờ ngoài cửa.

Tuần phủ cười nhạt nói:

– Ta đã sớm nghi vụ án này có uẩn khúc. Hẳn là các ông đã nhận hối lộ nên cố tình xử nhẹ bọn tội phạm. Ta nhất định sẽ làm rõ.

Tuần phủ liền sai người triệu gấp Hồ Phong Ông vào công đường, vặn hỏi một cách khó chịu:

– Ông đảm nhiệm chức phán quan, lẽ nào không biết luật pháp quy định những vụ án trộm cướp gây chết người thì không phân biệt chủ mưu hay tòng phạm đều phải xử tội chết chém?

Hồ Phong Ông vẫn không hề sợ sệt, bình tĩnh đáp:

– Thưa đại nhân! Hạ quan có biết luật pháp quy định như vậy, nhưng vụ án này có nhiều điểm khác biệt, không thể không xem xét kỹ trước khi phán xử tội chết.

Vừa nghe nói vậy, quan Tuần phủ càng tức giận hơn nữa, mặt ông chuyển từ đỏ sang tái, run run đôi môi, tay chân bắt đầu chuyển động, quát hỏi:

– Nếu đã xác định là trộm cắp, giết người cướp của thì còn có gì gọi là khác biệt?

Hồ Phong Ông ôn tồn giải thích:

– Xin đại nhân minh xét! Đối với bọn trộm cướp cố tình giết người cướp của thì cố nhiên không thể tha thứ, nhất định phải xử tội chết. Nhưng trong vụ án này, tất cả

những người tòng phạm đi theo bọn chủ mưu đều là dân nghèo thất nghiệp, do nghèo đói bức bách mới nhất thời làm lỗi. Hơn nữa, nạn nhân bị chết là do trên đường đi báo quan, trời tối chạy nhanh vấp ngã xuống hố mà chết chứ không có dấu vết bị đánh đập hay đâm chém, như vậy không phải do kẻ trộm cố sát. Căn cứ vào những tình tiết như vậy nên thiết nghĩ không thể cứng nhắc theo quy định của pháp luật mà giết chết một lúc 30 mạng người.

Tuần phủ nghe Hồ Phong Ông biện luận như thế thì trong lòng đã nhận hiểu được sự việc, nhưng vẫn giả vờ hùng hổ đập bàn quát:

– Ông đã nhận tiền hối lộ của bọn tội phạm kia bao nhiêu mà dám xảo ngôn lừa bịp cả ta? Nếu không thành thật khai báo, ta sẽ cho ông nếm mùi cực hình.

Hồ Phong Ông vẫn bình tĩnh ứng đáp:

– Thưa đại nhân! Có đất trời làm chứng, nếu nói hạ quan cố ý xin giảm nhẹ tội cho bọn tòng phạm, quả thật hạ quan không dám phủ nhận; còn nếu nói hạ quan nhận hối lộ của bọn chúng thì tuyệt đối không hề có. Cho dù không sợ pháp luật trừng trị thì hạ quan cũng không thể làm trái với lương tâm của mình.

Tuần phủ nghe xong, đột nhiên mỉm cười vặn hỏi tiếp:

– Ông nếu thật không nhận hối lộ của bọn chúng, vậy tại sao lại xử nhẹ như thế?

Hồ Phong Ông im lặng không trả lời. Tuần phủ gạn hỏi thêm lần nữa, tiên sinh mới ôn tồn đáp:

– Thừa đại nhân! Vốn chẳng có nguyên nhân nào khác, chỉ là hạ quan đang thực hành việc tu tập trong chốn quan trường.

Quan Tuần phủ trong lòng nhận biết những gì Hồ Phong Ông nói đều rất hợp đạo lý, thể hiện một tấm lòng nhân đức, chính trực, liền gọi ông đến gần để quan sát thật kỹ, quả nhiên thấy rõ người này dung mạo hết sức hiền từ, phong cách thư thái, làm cho người khác phải cảm thấy âm áp thân thiện khi gần gũi tiếp xúc. Quan Tuần phủ khi ấy liền vui vẻ cười hỏi tiên sinh:

– Ông có mấy người con, hiện tại đang làm gì?

Hồ Phong Ông đáp:

– Hạ quan có bốn người con, đứa con đầu may mắn đã thi đỗ cử nhân thượng khoa, ba đứa còn lại vẫn còn đang học.

Quan Tuần phủ nghiêm giọng nói:

– Ông quả là rất khéo tu tập trong chốn quan trường, ta tự xét mình không bằng ông được. Nay vụ án trộm cắp này ta quyết định phê chuẩn theo phán quyết của ông. Lòng từ bi, trí tuệ và sự dũng cảm của ông đã cứu sống một lúc 30 mạng người, ta quả thật chưa làm được việc gì có thể so bì với ông được!

Kết thúc vụ án, như vậy chỉ xử chém hai tên chủ mưu, 30 người còn lại đều được thoát chết.

Năm sau, con trai Hồ Phong Ông là Hồ Hướng Sơn thi đậu tiến sĩ. Người con thứ hai và thứ ba về sau cũng đều

đỗ đạt làm quan. Người con trai út còn tỏ ra tài năng xuất chúng hơn hẳn nên ngay trong lúc còn đi học đã được vua ban thưởng. Cho đến nhiều đời sau, con cháu của Hồ Phong Ông đều nối nhau đỗ đạt vinh hiển.

(trích Tọa Hoa Chí Quả)

6. MỘT LỜI CỨU VẠN NGƯỜI

Khoảng niên hiệu Càn Long triều Thanh, tỉnh Giang Tô bị thiên tai đói kém, quan tri huyện Giang Âm không biết cách trị dân, dẫn đến dân chúng lầm than phát sinh bạo loạn, rất nhiều nơi nổi dậy chống đối. Tri huyện liền bẩm báo tình hình biến loạn lên quan Tuần phủ.

Quan Tuần phủ đích thân xuống huyện Giang Âm. Lúc vừa đến Thường Châu, quan tri huyện đã cùng với vị thẩm phán Thường Châu lúc bấy giờ là Phí Hạc Đình ra tận bờ sông đón rước.

Tuần phủ thấy dung mạo của thẩm phán họ Phí hết sức thanh tú khác thường, phong thái tỏ rõ học vấn uyên thâm, đạo đức cao thượng, liền cho mời đến bàn bạc việc công. Quan Tuần phủ nói:

– Hiện tên cầm đầu và bè đảng hơn 10 người trong cuộc nổi loạn ở Giang Âm đều đã bị bắt. Theo luật pháp hiện nay thì những ai tham gia trong việc nổi loạn đều phải xử tội chết, nên số dân đã nổi loạn giờ đây hết sức lo sợ hoang mang. Ông giữ chức thẩm phán đã nhiều năm, nhất định có nhiều kinh nghiệm phán xét. Vậy theo ông thì số dân nghèo đói nổi loạn ở huyện Giang Âm này có nên xử tội chết cả không?

Phí thẩm phán không trả lời ngay mà hỏi ngược lại:

– Theo đại nhân thì việc chấp hành nghiêm theo pháp luật có cần xét đến yếu tố đạo đức không?

– Xin lão tiên sinh nói rõ hơn ý này, sau đó tôi sẽ quyết định.

Phí thẩm phán thưa:

– Nếu người dân làm phản với ý đồ lật đổ triều đình, đương nhiên phải nghiêm trị. Nhưng theo hạ quan được biết, việc dân chúng nổi loạn ở Giang Âm chỉ là do hoàn cảnh nghèo đói bức bách, bị kẻ xấu kích động nên nghĩ rằng làm như thế để được phân phát lương thực cho đủ ăn, chứ họ không có ý chống đối triều đình. Nếu khép họ vào tội làm phản và xử chém thì tỏ ra không thấu rõ nội tình, lại đi ngược với đạo đức. Theo ý hạ quan thì trong việc này chỉ có tên cầm đầu xúi giục là đáng tội chết, những kẻ trực tiếp trợ giúp phải nghiêm trị, còn những người dân bị kích động nhất thời hòa theo thì nên tha bổng, đừng truy cứu nữa. Tình hình hiện nay dân chúng khắp nơi đều đang đói khổ, nếu ta lạm sát những người nổi loạn sẽ khiến cho dân tình càng thêm hoảng loạn, khó ổn định hơn. Hơn nữa, mạng người là rất quý, nếu có thể tha được thì nên tha, đó gọi là có xét đến yếu tố đạo đức, nhưng cũng là cách tốt nhất hiện nay để trấn an lòng dân.

Những lời của Phí thẩm phán thật rõ ràng dứt khoát, lập luận chặt chẽ, lý lẽ đanh thép, lại được nói ra một cách tự tin và thuyết phục, khiến người nghe không thể không tán phục.

Quan Tuần phủ nghe xong gật đầu khen ngợi, quyết định làm theo đề nghị của Phí thẩm phán, chỉ xử chém tên cầm đầu, phạt đầy ra biên ải hơn 10 tên phụ tá, số dân thường còn lại không truy cứu.

Lúc bấy giờ, nhân dân trong huyện đều bảo nhau rằng chỉ một lời nói của Phí thẩm phán đã cứu được mạng sống của cả vạn người, ai nấy đều ca ngợi.

Về sau, con trai của Phí Hạc Đình từ chức Phó công được thăng vượt cấp lên chức Đồng thương đạo; cháu ông làm quan tới chức Tuần phủ, còn bản thân ông cũng nhiều lần được phong các tước vị Quang lộc đại phu, Chấn uy tướng quân... Đời đời con cháu về sau đều có địa vị cao trong xã hội.

(trích Tọa Hoa Chí Quả)

7. CỨU NGƯỜI ĐƯỢC TĂNG TUỔI THỌ

Vương Chí Nhân là một thương nhân người An Huy, tuổi đời đã quá 40, tuy công việc buôn bán được thuận buồm xuôi gió, tiền của tích chứa ngày một nhiều, song điều đáng tiếc là vẫn chưa có được đứa con nào, khiến cho cảnh nhà tuy giàu có mà không khỏi phải quạnh hiu, buồn bã.

Theo quan niệm thời xưa, việc không có con nối dõi tông đường là điều tối kỵ. Vì thế, Vương Chí Nhân ngày đêm lo lắng, lòng dạ như lửa đốt, mỗi khi nghe ai nói có nơi nào cầu đảo linh thiêng đều cất công tìm đến, nhưng nhiều lần như vậy mà không có kết quả gì.

Một hôm, có vị thầy tướng số lỡ đường ghé vào cửa tiệm của Vương Chí Nhân xin ngủ trọ. Vương Chí Nhân tiếp đãi rất chu đáo. Trước khi chia tay, thầy tướng nhìn thẳng vào mắt ông rồi nói:

– Lẽ ra tôi không thể nói việc này, nhưng thấy ông là người nhân đức hiền hậu, chỉ mới gặp tôi lần đầu mà đã hết lòng giúp đỡ. Chút tình tri ngộ này tôi không thể không báo đáp, vậy có mấy lời mong ông ghi nhớ. Tướng mạo của ông cho thấy là trong đời này ông không thể có con, vậy ông nên từ bỏ mọi sự cầu đảo, đừng phí công vô ích. Hơn nữa, trong mắt ông có nhiều ám khí, chỉ trong vài tháng tới đây nhất định sẽ gặp tai họa lớn, tính mạng khó bảo toàn. Ông nên cẩn thận giữ gìn.

Vương Chí Nhân nghe qua mấy lời này thì không cảm được nỗi lo sợ, mặt biến sắc, mồ hôi ướt đầm cả thân, cảm thấy tất cả những gì mình có trong đời đều là vô nghĩa, vì đã không còn hy vọng có con nối dõi, mà mạng sống cũng chẳng còn được bao lâu. Ngay hôm đó liền đóng cửa tiệm, chuẩn bị hành lý lên đường trở về nhà.

Trên đường về nhà, ông tạm nghỉ nơi một quán trọ nhỏ ven đường. Lúc đó đang là mùa mưa, suốt từ đầu hôm đến gần giữa khuya trời nổi gió lớn, mưa đổ xuống như trút nước khiến căn nhà trọ như bị lung lay từng hồi theo những luồng gió giật.

Khoảng nửa đêm thì mưa gió mới ngừng tạnh. Vương Chí Nhân trần trọc mãi vẫn không tài nào chợp mắt được, lòng miên man suy nghĩ về những lời của thầy tướng số. Hồi lâu liền mở cửa nhìn ra ngoài, thấy trời quang mưa tạnh, trăng sáng vàng vạc. Mấy chậu hoa trước sân quán

trợ nhau tỏa hương khắp nơi, trên cành lá vẫn còn lưu lại những giọt nước mưa long lanh dưới ánh trăng sáng, trông đẹp lạ kỳ.

Phong cảnh tú lệ sau cơn mưa dưới ánh trăng càng thêm thanh thoát vô cùng, cảnh đêm tịch mịch càng làm cho lòng người thêm hứng khởi, Vương Chí Nhân liền mở cửa bước ra ngoài đi dạo một lát. Ông thong thả bước từng bước nhẹ nhàng ra hướng bờ sông, bỗng nhiên từ xa thoáng thấy một người thiếu phụ tay ôm đứa bé cùng nhảy xuống sông. Vương Chí Nhân kinh hãi vô cùng, định nhảy xuống sông cứu người nhưng sức nhớ lại là mình không biết bơi. Đang lúc hoảng hốt liền ngẩng đầu nhìn quanh, thấy gần đó có mấy chiếc thuyền của dân chài, Vương Chí Nhân liền cất tiếng la lớn kêu cứu. Nhưng ông la đã khản cổ mà người trên thuyền chỉ thấy bước ra mạn thuyền đứng xem, dường như chẳng ai nghĩ đến việc cứu người. Vương Chí Nhân liền nói lớn: “Nếu ai cứu được người dưới sông sẽ được trả 20 lượng vàng.”

Vừa nghe ông nói như vậy, rất nhiều người dân chài liền tranh nhau chèo thuyền đến, cuối cùng cứu sống được người thiếu phụ và em bé.

Vương Chí Nhân giữ lời hứa trao đủ số vàng 20 lượng cho người cứu được mẹ con thiếu phụ kia. Sau đó ông mới quay sang hỏi người thiếu phụ xem duyên cớ vì sao lại ôm con nhảy xuống sông như thế. Người thiếu nữ khóc lóc kể rằng:

– Chồng tôi quanh năm đi làm thuê cho người ta kiếm sống, trong nhà nuôi được một con heo, định bán để trả tiền thuê nhà. Hôm qua có người mua heo đi ngang qua nhà, tôi

gọi vào bán. Sau khi ông ta đi rồi mới phát hiện số bạc ông ấy đưa toàn là bạc giả. Tính chồng tôi rất nóng nảy, nếu chàng biết được sẽ đánh tôi chết mất! Hơn nữa nhà tôi lại quá nghèo, nay gặp việc này không biết lấy đâu ra tiền trả tiền thuê nhà, cũng chẳng có tiền nuôi con, tôi chỉ còn cách ôm con nhảy xuống sông chết quách cho xong!

Vương Chí Nhân nghe cô kể lẽ sự việc thì động lòng trắc ẩn, thương xót vô cùng, không hỏi thêm một lời nào, lặng lẽ dốc hết số bạc mang theo còn lại trong túi đưa cho cô và nói:

– Số bạc này tuy không lớn lắm nhưng chắc cũng đủ để vợ chồng cô làm vốn buôn bán nhỏ mà sinh sống. Cô nên nghe lời tôi, trở về nói thật với chồng, đừng nghĩ quẩn nữa.

Thiếu phụ mừng rỡ vô cùng, hết lời cảm tạ ơn cứu mạng của Vương tiên sinh. Cô lập tức trở về nhà, cũng đúng lúc người chồng đi làm thuê ở xa vừa về đến. Thiếu phụ kể lại một cách tường tận chuyện bán heo bị lừa lấy phải bạc giả và cả chuyện mình vì sợ trách mắng nên ôm con nhảy xuống sông tự vẫn, sau đó gặp vị ân nhân ra tay cứu giúp cho chồng nghe.

Người chồng nghe xong cũng hết sức cảm động, liền bảo vợ lập tức đưa mình đến quán trọ để cảm ơn Vương tiên sinh.

Lúc hai vợ chồng họ đến quán trọ, trời đã quá khuya, không gian tĩnh mịch như tờ, mọi người đang chìm sâu trong giấc ngủ. Vương Chí Nhân cũng đã đóng cửa an giấc nồng, người thiếu phụ liền gõ cửa và nhỏ nhẹ gọi Vương

tiên sinh. Vương tiên sinh nhận ra giọng nói của thiếu phụ lúc này, liền ngồi thẳng trên giường trả lời với giọng hết sức nghiêm túc:

– Cô là gái đã có chồng, tôi lại đang ở một mình, làm sao có thể gặp mặt nhau vào lúc nửa đêm khuya khoắt như thế này? Cô hãy mau trở về nhà đi!

Người chồng đứng bên nghe vậy liền nói lớn:

– Thừa ân nhân, cả hai vợ chồng chúng tôi cùng đến đây để cảm tạ đại ân đại đức của ân nhân.

Vương Chí Nhân nghe có giọng nói của người đàn ông thì không còn hiềm nghi gì nữa, mới khoác áo bước xuống giường đẩy cửa bước ra ngoài để mời vào. Ngờ đâu đúng vào lúc đó bỗng nghe trong phòng có tiếng động rất lớn, khiến cả ba người đều giật mình. Nhìn lại trong phòng thì hóa ra một cây xà gỗ lớn trên mái nhà đã rơi xuống đè bẹp ngay trên chiếc giường của Vương tiên sinh vừa nằm lúc này. Vương Chí Nhân kinh hãi nói lớn:

– Ôi chao! Nguy hiểm thật! Nếu không có hai người gõ cửa gọi tôi ra, nhất định tôi đã bị đè chết rồi! Thật cảm ơn hai người!

Hai vợ chồng người thiếu phụ đồng thanh nói:

– Chúng tôi nào có công gì, đây quả là ông trời có mắt, tiên sinh ở hiền gặp lành nên mới thoát được đại nạn đó!

Vương Chí Nhân trở về nhà, bỏ hẳn công việc buôn bán, nghỉ ngơi luôn mấy tháng, trong lòng vẫn chưa hết lo sợ về lời cảnh báo của thầy tướng số, song vẫn cứ bình an

vô sự không thấy gì xảy ra. Nhưng rồi cứ nằm nhà mãi không có việc gì làm cũng đâm ra buồn chán nên ông quyết định mở lại cửa tiệm buôn bán.

Gần một năm sau, một hôm bỗng nhiên gặp lại thầy tướng số cũ. Vương tiên sinh nhớ đến lời tiên đoán của ông ta liền mời vào cửa tiệm, vừa cười vừa nói:

– Năm ngoái ông có lời đoán tướng mạo của tôi, tôi vẫn tin ông nên rất lo sẽ có tai họa xảy tới. Đừng nói là trong vòng vài tháng, tôi chờ đến nay đã hơn một năm rồi mà có thấy tai họa gì đâu. Ông không nói đùa với tôi đấy chứ?

Thầy tướng số nghiêm nét mặt, quan sát Vương Chí Nhân hồi lâu rồi mới nói:

– Tôi vốn xem ông là người tốt, làm sao có thể dám nói lời đùa cợt? Sự thật là khí sắc của ông ngày nay đã hoàn toàn thay đổi, chắc chắn ông đã làm được một việc gì rất tốt đẹp, như cứu sống mạng người chẳng hạn. Ông hãy tự soi gương mà xem, ngày trước râu ria của ông chỉ như mấy sợi lông tơ, nay bỗng nhiên mọc ra rậm rạp, giọng nói trầm hùng, tia mắt lại chiếu sáng lấp lánh không còn ám khí. Cứ theo tướng mạo lúc này mà nói thì ông chắc chắn không chỉ có nhiều con mà sẽ còn được tăng thêm tuổi thọ nữa.

Vương Chí Nhân nghe nói hết sức vui mừng, niềm hy vọng có con nối dõi lại bắt đầu nhen nhúm. Quả nhiên, chỉ ngay trong năm đó vợ ông đã sinh được một người con trai, rồi những năm sau đó lại lần lượt sinh thêm 3 người con trai nữa.

Về sau, Vương Chí Nhân sống thọ đến 96 tuổi mới an nhiên lìa trần.

(trích Đức Dục Cổ Giám)

8. CHUYỂN TƯỚNG XẤU THÀNH TỐT

Tào Bân là vị đại tướng nổi tiếng triều Tống, giúp Tống Thái Tổ bình định thiên hạ, có công lao chinh chiến rất lớn. Có một lần, Tào Bân gặp Trần Hi Di là một người có học vấn rất uyên bác, giỏi xem tướng thuật. Ông này xem qua tướng mạo của Tào Bân rồi nói:

– Hai bên thành xương của ông lồi lên, ấn đường rộng, mắt dài phóng ánh sáng, chắc chắn sớm trở nên giàu có, song có tướng xấu là quai hàm cao, miệng trệ, xem ra ông không được hưởng phước khi tuổi già. Cứ theo đây mà nói, mỗi khi xuất binh chinh chiến ông nên đối xử khoan hồng, gieo trồng phước đức cho lúc tuổi già.

Tào Bân nghe Trần Hi Di nói liền cúi đầu cảm tạ, ghi nhớ lời ấy.

Một lần, khi Tào Bân xuất trận, phó tướng Toại Ninh và rất nhiều tướng sĩ thuộc hạ đều chủ trương giết sạch dân trong thành để thị uy. Tào Bân biết được liền ra lệnh nghiêm cấm giết hại dân lành, cấm xâm hại phụ nữ hoặc cướp bóc tài sản của dân. Sau khi chiến sự kết thúc, ông còn cấp lương thực cho những người xa quê muốn trở về, dân chúng không ai không cảm tạ tấm lòng nhân đức của ông.

Sau đó, Tào Bân nhận lệnh dẫn binh đánh Giang Nam. Bởi không nỡ nhìn thấy cảnh dân tình khốn khổ lâm than

vì chiến cuộc nên ông cáo bệnh không đi. Các võ tướng dưới quyền ông lúc đó đều kéo đến thăm hỏi bệnh tình của ông trước khi xuất chinh. Tào Bân nói với tất cả những người đến thăm bệnh:

– Bệnh của tôi không thuốc gì chữa khỏi, nhưng chỉ cần tất cả anh em thành tâm thành ý cùng thề rằng ngày tiến công Giang Nam tuyệt đối không được tùy tiện giết hại dân lành, như thế thì bệnh của tôi sẽ tự nhiên thuyên giảm thôi.

Các tướng sĩ vốn hết sức kính trọng Tào Bân, nên họ liền cùng nhau phát lời thệ nguyện đúng như vậy. Đến ngày đánh Giang Nam, nhờ đó mà có vô số dân thường được thoát khỏi sự lạm sát. Tấm lòng từ bi của vị tướng quân họ Tào được truyền rộng khắp Giang Nam, dân chúng ai nấy đều cảm kích. Vì thế, mọi người cùng rủ nhau mang lương thực đi đón quân triều đình. Sức chống cự của phản quân vì thế rất yếu ớt. Nhờ vậy mà trận chiến này không phải tốn hao nhiều nhân mạng, hơn nữa còn bảo vệ được tài sản của nhân dân không bị tàn phá.

Sau đó ít lâu, Tào Bân có dịp tình cờ gặp lại Trần Hi Di. Ông ta nhìn tiên sinh một lúc rồi nói:

– Lạ thật! Năm trước tôi xem tướng của ông thấy quai hàm cao miệng trệ, lúc đó tôi khẳng định ông không có phước về già, nhưng hiện tại đã biến đổi, miệng mép đầy đặn xinh đẹp, ánh kim quang thù diệu nhìn thấy khắp mặt và râu tóc, nhất định sẽ được sống lâu nhiều phước lộc.

Tào Bân hỏi lại:

– Sao gọi là kim quang?

– Đó là ánh sáng hiển hiện của phước đức, nếu người có âm đức thì mặt hiện ánh sáng màu vàng y, mắt sáng, cả khuôn mặt đều tỏa ra khí sắc tốt lành. Người như vậy không chỉ tăng tuổi thọ, con cháu nhiều đời về sau cũng đều hưởng nhờ phước đức.

Quả nhiên, về già Tào Bân sống trong cảnh an nhàn thư thái, lúc ra đi cũng hết sức nhẹ nhàng, thọ 69 tuổi, sau khi chết được truy phong tước hiệu Tể Dương quận vương. Tiên sinh có cả thảy 9 người con trai, con trưởng là Vĩ, con thứ là Tông, con thứ ba là Xán, đều là những tướng lĩnh nổi tiếng; nhiều đời con cháu về sau đều vinh hiển không ai sánh.

(trích Lịch Sử Cảm Ứng Thông Ký, Đức Dục Cổ Giám và Pháp Tướng Bí Truyện)

9. CHỊU ĐÓI GIÚP NGƯỜI

Dương Tự Trừng là người huyện Ninh Ba, tỉnh Triết Giang, làm chức giám ngục trong nha huyện. Lúc nào tâm ý của tiên sinh cũng hết sức nhân từ, đối xử với mọi người đều trung hậu, làm việc gì cũng tuân thủ nội qui, đúng pháp luật. Ông đặc biệt quản lý tội nhân hết sức công bằng và rộng lượng. Nhưng quan huyện bấy giờ tính tình rất hung dữ, tàn khốc, khi hỏi cung tội phạm thì sắc mặt hùng hổ như muốn ăn tươi nuốt sống phạm nhân, thậm chí có khi còn dùng đến cực hình. Vào thời ấy, nha huyện cũng chính là cơ quan chấp pháp hành hình.

Một hôm, quan huyện bắt được một tội phạm. Ông cho rằng tên tội phạm này tính tình độc ác, liền ra lệnh cho lính

canh bắt người ấy phải quì xuống, sau đó dùng gậy đánh mạnh vào người y cho đến khi khắp người máu me lai láng, cảnh tượng thật bi thảm không dám nhìn.

Người bị đánh quần quai đau đớn bởi cực hình, song vẫn không chịu khuất phục, do đó càng làm cho quan huyện nổi trận lôi đình, tiếp tục ra lệnh đánh.

Dương Tự Trừng không thể chịu được, bèn quì xuống xin quan huyện hãy tha cho người đó. Quan huyện trừng mắt nói:

– Người này phạm pháp, lại không khuất phục khi bị hình phạt, dù tình dù lý đều khiến cho người ta phải tức giận.

Dương Tự Trừng lại ôn tồn nói với quan huyện:

– Người xưa có dạy: “Đối với dân ngu muội phạm vào pháp luật, bậc thánh nhân thấu tình đạt lý sao có thể sinh lòng vui vẻ mà không thương xót?” Thừa đại nhân, vui còn không được, sao có thể tức giận?

Quan huyện nghe tiên sinh nói xong, trong lòng cảm thấy hết sức cảm động và cũng có phần nào xấu hổ, liền nén cơn giận trong lòng xuống, ra lệnh ngừng cực hình.

Gia đình của Dương Tự Trừng tuy hết sức nghèo khó nhưng ông không hề nhận bất cứ quà biếu gì của ai, càng không bao giờ tham lam nhận của hối lộ. Ngược lại, mỗi khi nhìn thấy phạm nhân ăn không đủ no, chịu cảnh đói khát, ông còn thương xót luôn nghĩ cách giúp đỡ.

Một hôm, lính huyện dẫn đến một số phạm nhân mới. Tất cả đều bị bỏ đói từ mấy hôm trước vì lương thực dành cho phạm nhân chưa được chuyển đến kịp. Lúc đó, trong nhà giam cũng không thể kiếm đâu ra thức ăn. Dương Tự Trừng nhìn thấy các phạm nhân mới đến bị đói đến nỗi bước đi xiêu vẹo, rồi nằm thoi thóp thật đáng thương. Tiên sinh liền nghĩ cách để giúp họ, nhưng hiện tại trong nhà tiên sinh cũng không có nhiều gạo nên không biết phải làm sao.

Thế là tiên sinh liền trở về bàn bạc với vợ. Người vợ hỏi:

– Phạm nhân từ đâu đến?

– Đều từ Hàng Châu giải đến, đi thuyền suốt cả ngày đêm song không có gì ăn, do đó ai cũng đói đến nỗi ù tai hoa mắt, hơi thở yếu ớt, đáng thương lắm!

Người vợ nghe chồng nói như vậy cũng đồng tình thương xót. Hai vợ chồng quyết định mang hết số gạo hiện có trong nhà ra để cứu giúp phạm nhân. Dù biết là làm như thế thì hai vợ chồng sẽ phải chịu đói, nhưng nghĩ đến sự đói khổ mà những phạm nhân đang phải chịu nên vợ chồng ông vẫn quyết ý làm.

Suốt đời tiên sinh làm được rất nhiều việc phước thiện, thường không tiếc công sức giúp đỡ những người khốn khó. Về sau, quả nhiên con cháu của tiên sinh đều hiển đạt. Người con trưởng là Thủ Trần, con thứ là Thủ Chỉ đều làm đến chức quan Lại bộ thị lang; cháu đích tôn là Mậu Nguyên giữ chức Hình bộ thị lang; người cháu thứ tên Mậu

Nhân làm Tuần sát sử ở Tứ Xuyên, đều là những đại thần nổi tiếng.

Sách Đức Dục Cổ Giám có lời khen ngợi tiên sinh Dương Tự Trừng rằng:

“Làm người cai ngục mà có khả năng tích đức hành thiện, thu hoạch được phước báo như thế. Tại sao người xưa nói rằng trong chốn công môn tu hành rất tốt? Vì ở đó lúc nào cũng có những cảnh tượng thẩm tra tội phạm, nhiều khi người nghèo lại bị liên lụy, người oan khuất lại bị kết án khổ sai, người ngu dốt bị khinh khi, người yếu thế bị áp bức, kêu trời khóc đất chẳng biết tỏ cùng ai. Nếu người trong nha môn biết thấu tình đạt lý, muôn dân sẽ được nhờ, có thể cứu tế những gian khổ nguy cấp, giúp đỡ khoan dung cho người, tuy rất khó làm nhưng kết quả vượt xa hơn việc lành của người đời trong cuộc sống bình thường.”

(trích Đức Dục Cổ Giám)

PHẦN 2

10. LÀM LÀNH ĐƯỢC BÁO ĐÁP

Ai đã từng học qua sách Tam tự kinh đều biết câu: “Đậu Yên Sơn, hữu nghĩa phương; giáo ngũ tử, danh câu dương.” Sự tích Đậu Yên Sơn được nhắc đến ở đây chính là một câu chuyện nhân quả báo ứng rất xác thật, xin được kể lại dưới đây để mọi người chiêm nghiệm.

Đậu Vũ Quân là người U Châu, sống vào khoảng cuối đời Tấn. Vì U Châu thuộc nước Yên nên còn gọi là Yên

Son. Vũ Quân mồ côi cha thuở bé, bao nỗi nhọc nhằn lo toan đều đè nặng trên đôi vai gầy của mẹ.

Vũ Quân là người chí hiếu, xưa nay chưa từng dám trái lời mẹ. Vào thời đó, thanh niên khoảng 20 tuổi đều đã kết hôn, và nếu đến năm 30 tuổi mà vẫn chưa có con nối dõi tông đường thì nhất định cảm thấy bòn chòn lo lắng. Vũ Quân đã hơn 30 tuổi mà vẫn chưa có con nên không khỏi ngày đêm lo lắng.

Bỗng một đêm nọ, tiên sinh nằm mộng thấy ông nội đã chết hiện về nói:

– Vũ Quân, đời trước cháu đã gây tạo nghiệp ác rất nặng, nên vận mạng của cháu trong đời này chẳng những không có con mà tuổi thọ cũng rất ngắn ngủi. Mong cháu sớm hồi tâm hướng thiện, nỗ lực làm nhiều việc lành, cứu giúp mọi người, nhờ đó có thể chuyển biến nghiệp lực, cải đổi vận mạng.

Vũ Quân giật mình tỉnh giấc, ngồi nhớ lại và ghi sâu từng lời nói của ông nội vào lòng, từ đó lập chí không làm các việc ác, chuyên tâm làm các việc lành.

Nhà họ Đậu có một người làm thuê, lén trộm của Vũ Quân đến hai vạn tiền vàng. Vì sợ Vũ Quân phát giác truy tố, liền tự ý viết một tờ giấy nợ ghi đủ số tiền vàng, buộc lên tay đứa con gái nhỏ của mình, trong đó ghi rõ: “Tôi bán đứa con gái này cho nhà họ Đậu để trừ số nợ đã vay.” Rồi người ấy bỏ đứa con gái lại mà trốn đi biệt dạng.

Vũ Quân phát giác ra sự việc, liền đốt bỏ tờ giấy nợ, từ đó nuôi dưỡng, dạy dỗ đứa con gái của người kia một

cách hết sức tử tế, về sau còn lo chu đáo cả việc lập gia đình cho nó nữa.

Một lần, nhân dịp tết Nguyên đán Vũ Quân đến chùa Diên Khánh lễ Phật, bỗng thấy bên vách điện Phật có một cái túi nhỏ, nhặt lên xem thì phát hiện bên trong có 200 lượng bạc, 30 lượng vàng. Vũ Quân suy nghĩ, chắc chắn số tiền vàng này là của khách hành hương nào đó bỏ quên, khi phát hiện mất tiền nhất định sẽ quay lại tìm. Nghĩ vậy, tiên sinh liền ngồi lại trong chùa đợi người chủ mất tiền đến để trả lại.

Đợi rất lâu, quả nhiên thấy có một người đi đến, vừa đi vừa khóc than thảm thiết. Vũ Quân hỏi duyên cớ vì sao mà khóc than thảm thiết như thế, người ấy đáp:

– Phụ thân của tôi phạm tội bị kết án tử hình, tôi vất vả chạy đông chạy tây hỏi mượn bà con bạn bè mới được 200 lượng bạc, 30 lượng vàng, vừa đủ số nộp cho quan phủ để chuộc mạng cho cha. Nào ngờ tôi lại sơ ý đánh rơi túi tiền lúc nào không biết, như vậy cha tôi ắt không thoát khỏi cái chết. Tôi đang trở lại tìm kiếm những nơi vừa đi qua sáng nay, nhưng quả tình không thể biết được là đánh rơi ở nơi nào.

Vũ Quân xác định được người này đúng là chủ nhân của số tiền mình đã nhặt được, bèn mang trả lại cho ông ta. Người ấy nhận lại được số tiền đã mất, vui mừng khôn xiết, hết lời cảm tạ rồi ra đi.

Đậu Vũ Quân tuy còn trẻ tuổi mà đã nỗ lực làm được rất nhiều việc tốt. Những khi trong làng xóm có tang sự mà không đủ tiền mua quan tài, tiên sinh liền giúp tiền cho

thân nhân để mua. Đối với người người nghèo khổ, khôn khó, tiên sinh thường cho mượn tiền làm vốn để buôn bán lập nghiệp, nhờ đó có rất nhiều người nghèo khổ ở khắp nơi nhờ sự giúp đỡ này mới duy trì được cuộc sống. Hơn thế nữa, để có tiền cứu giúp những người nghèo khổ, tiên sinh phải tự mình hết sức tiết kiệm trong sinh hoạt của gia đình và bản thân, không bao giờ lãng phí dù chỉ một đồng tiền. Tất cả thu nhập hằng năm, ngoài chi phí tối thiểu cho gia đình ra còn tất cả đều dùng vào việc cứu giúp người khác.

Tiên sinh đã xây dựng được 40 thư viện, trong đó có hơn ngàn quyển sách quý; còn mở trường dạy miễn phí cho con em trong làng, mời các thầy giáo nổi tiếng đến dạy học. Nhờ đó đã đào tạo được rất nhiều nhân tài ưu tú đóng góp cho xã hội.

Trải qua nhiều năm như vậy, một đêm nọ Đậu Vũ Quân lại nằm mộng thấy ông nội hiện về nói:

– Cháu đã làm được rất nhiều việc tốt, tích chứa nhiều âm đức, nhờ đó mà tuổi thọ sẽ được tăng thêm, đồng thời sẽ sinh được 5 người con trai, ngày sau đều thành đạt.

Từ đó về sau, Đậu Vũ Quân càng nỗ lực tu thân tích đức. Sau đó quả nhiên sinh được 5 người con trai, gia đình hòa thuận thương yêu nhau, con cái hết lòng hiếu kính cha mẹ. Cả năm người con ấy về sau đều thi đậu tiến sĩ. Con trai lớn nhất là Đậu Nghi làm tới chức Thượng thư; con trai thứ là Đậu Nghiễm làm chức Hàn lâm học sĩ; con trai thứ ba là Đậu Xung làm quan Tham tri chính sự; con trai thứ tư là Đậu Khả giữ chức Khởi cư lang; con trai thứ 5 là Đậu Hi giữ chức Tả bộ khuyết. Cho đến những người cháu

của Vũ Quân về sau cũng đều hiển đạt giàu sang. Bản thân Đậu Vũ Quân cũng làm tới chức Giám nghị đại phu, hưởng thọ 82 tuổi, trước khi lâm chung được biết trước ngày giờ, từ biệt bạn bè và người thân, tắm rửa thay y phục rồi an nhiên nhẹ nhàng ra đi.

(trích Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký)

11. SINH LÀM CON ĐỂ ĐỀN ƠN

Thái Tiểu Hà lúc tuổi còn trẻ đã làm đến chức Bồ chính ti tại Thiêm Tây. Khi ấy có vị tri huyện già ở một huyện nọ, vì tuổi cao sức yếu, nhiều bệnh tật nên xin về hưu.

Khi vị tri huyện mới đến thay thế liền phát hiện tri huyện cũ đã làm thâm hụt ngân quỹ đến ba ngàn đồng tiền vàng. Pháp luật lúc đó hết sức nghiêm khắc, người làm thâm hụt công quỹ từ một trăm đồng tiền vàng trở lên sẽ bị tịch thu hết tài sản hiện có và bắt giam vào ngục, nếu trong thời gian quy định mà gia đình không đủ sức bồi hoàn thì sẽ phải chịu tội tử hình.

Nhưng vị tri huyện ấy làm quan hết sức thanh liêm. Sở dĩ có sự thâm hụt hơn ba ngàn đồng tiền vàng đó đều là do thất thu các khoản do triều đình quy định, vì đối với những người dân nghèo khổ ông không nỡ nặng tay cưỡng ép họ nộp vào công quỹ. Sự thật là ông không hề tham ô dù chỉ một đồng vàng. Chính vì thế mà sau khi về hưu gia sản ông chẳng có gì nhiều. Hơn thế nữa, tính tình ông hết sức cương trực, tuyệt nhiên không nhờ đến bạn bè giúp đỡ, chỉ im lặng chấp nhận tuân theo pháp luật, trói tay chờ chết mà thôi.

Thái Tiểu Hà vốn hiểu rất rõ về vị tri huyện già này. Vì thế, hai ngày sau khi vụ án được trình báo lên, ông liền cho triệu kiến vị quan huyện già. Trong buổi tiếp kiến, ông bảo người hầu lui hết ra ngoài, chỉ còn riêng mình ông với vị quan huyện rồi nói:

– Ông làm thâm hụt ngân sách hơn ba ngàn đồng tiền vàng, tôi biết ông không có khả năng hoàn trả, vậy ông hãy đưa công văn chi trả đến, tôi sẽ ký vào đó là đã nhận đủ rồi.

Vị quan tri huyện nghe Thái Tiểu Hà nói liền trả lời một cách hết sức sợ sệt:

– Làm sao hạ quan có thể dám làm như vậy?

Thái Tiểu Hà giải thích:

– Chẳng phải tôi nói đùa đâu, bởi tôi biết ngày thường ông làm quan rất chính trực, liêm khiết, chỉ vì thương dân mà phải bị liên lụy đến thân mình. Do đó tôi sẽ đem số tiền tích lũy dành dụm trong mấy năm qua để bồi thường khoản thiếu hụt này cho ông. Nhưng chuyện này phải tuyệt đối giữ bí mật, chỉ còn cách làm như vậy có thể giúp ông thoát khỏi án tử hình.

Vị quan tri huyện nghe Thái tiên sinh nói vậy thì vui mừng cực độ, cảm kích không thể nói bằng lời, dập đầu cáo biệt.

Hôm sau, vị quan tri huyện đó mang công văn giải trình chuyện thiếu hụt lên Thái Tiểu Hà. Tiên sinh lập tức phê vào ngày tháng thu nhận, rồi đóng dấu ấn lên, xem như

giải quyết xong vụ án. Sau đó tiên sinh tự lấy tiền nhà nộp đủ vào ngân sách.

Sau đó, một hôm vị quan tri huyện già kia mặc quan phục đến xin gặp Thái tiên sinh, dập đầu cảm tạ và thưa:

– Tôi thọ nhận ân đức tái tạo của đại nhân, vĩnh viễn không bao giờ dám quên. Tiếc thay đời này đã già nua, suy yếu, e rằng không thể báo đáp được ơn sâu của đại nhân, chỉ còn cách nguyện với lòng sau khi chết sẽ đầu thai làm con đại nhân để báo đáp đại ân đại đức này.

Nói rồi cáo biệt về quê.

Thời gian thấm thoát trôi, mới đó đã hơn 10 năm qua. Vào một buổi trưa, Thái Tiểu Hà đang thiu thiu ngủ trong đại sảnh bỗng nhìn thấy vị quan tri huyện già năm xưa mặc quan phục bước vào nhà vái chào. Thái tiên sinh giật mình nhớ lại sự việc ngày trước, chưa kịp lên tiếng đáp lời thì bỗng thấy vị quan tri huyện đó xăm xăm đi thẳng vào buồng ngủ của vợ mình. Thái tiên sinh liền gọi ông dừng lại, ngay khi đó giật mình tỉnh giấc.

Lát sau, người ti nữ chạy ra bẩm báo rằng phu nhân vừa sinh con trai. Thái tiên sinh nghĩ thầm: “Rốt cuộc ông ta cũng đã đến thật rồi, nhất định sau này sẽ chấn hưng gia tộc của ta.” Do đó liền đặt tên cho đứa bé mới sinh ra là Chấn Võ.

Đứa bé này rất thông minh, chưa đầy 20 tuổi đã đậu thủ khoa trong kì thi năm đó, năm Bính Thân thi đậu tiến sĩ, được đưa vào Viện Hàn lâm, sau đó được đề cử làm Quảng Đông đạo đài, quả thật đã làm vinh hiển cho cả dòng họ Thái.

(trích Tọa Hoa Chí Quả)

12. BẠCH KHỞI LẠM SÁT PHẢI TỰ SÁT

Bạch Khởi là một vị tướng nổi tiếng của nước Tần thời Chiến quốc, rất giỏi dùng binh, được Chiêu Tương Vương trọng dụng. Sau khi lập đại công hiển hách thu phục hơn 70 thành liền được phong làm Võ An Quân.

Có một lần, Bạch Khởi chiến đấu với đại tướng Triệu Quát của nước Triệu ở Trường Bình (nay là phía tây bắc huyện Cao Bình, tỉnh Sơn Tây). Đang đánh nhau thì Bạch Khởi giả thua ra lệnh rút quân, dụ quân Triệu vào nơi hiểm yếu rồi dồn hết đại quân đánh úp, đồng thời cắt đứt đường tiếp tế lương thực của quân Triệu. Quân Tần bắn chết đại tướng Triệu Quát. Sau khi đại tướng đã chết, quân Triệu như rắn mất đầu, hoang mang sợ hãi nên kéo nhau đến đầu hàng quân Tần, cả thảy có đến hơn 400.000 người.

Bạch Khởi cho rằng những hàng binh này không đáng tin cậy, rất có thể sẽ chờ cơ hội để nổi dậy. Do đó ông liền ra lệnh chôn sống tất cả, bất chấp số người bị chôn sống lên đến hơn 400.000 người. Thật là một quyết định khủng khiếp!

Sau khi trận chiến này kết thúc, dân nước Triệu hết sức căm phẫn vì hành động dã man của Bạch Khởi.

Mấy năm sau, nước Tần lại cho Bạch Khởi dẫn đại binh sang muốn tiêu diệt nước Triệu. Quân dân nước Triệu khi ấy nuôi lòng căm hận ngút trời, lại thấy trước rằng nếu để thua quân Tần thì không thể nào sống sót được dưới tay Bạch Khởi. Vì thế, họ một lòng liều chết chiến đấu, sức

mạnh trở nên không gì hơn được. Lần này quả nhiên Bạch Khởi đại bại, dẫn tàn quân chạy trốn về nước.

Không lâu sau, vua Tần lại tiếp tục hạ lệnh cho Bạch Khởi lập tức dẫn binh đánh Triệu lần nữa. Bởi ám ảnh trận thua vừa qua nên Bạch Khởi liền giả bệnh, từ chối không đi. Vua Tần tức giận vô cùng, liền phế bỏ tước vị Võ An Quân, đồng thời ban cho một thanh kiếm để ông phải tự sát.

Bạch Khởi nhìn thanh kiếm mà lòng rối loạn như tơ vò, tự hỏi: “Ta đã phạm lỗi làm gì đến nỗi phải bị vua ban cho cái chết?” Nhưng rồi ông lại tự nghĩ: “Đây hẳn là quả báo của việc ta làm trước đây. Trong trận Trường Bình, chỉ một quyết định của ta đã giết sạch hơn 40 vạn quân nước Triệu, mặc dù họ đã đầu hàng không kháng cự. Tội ác đó xét ra thật đáng chết vạn lần, không còn gì oan uổng nữa.” Nghĩ như vậy rồi liền vung kiếm lên tự sát.

Đại tướng quân Bạch Khởi công to như núi, chinh chiến bao năm giúp cho uy danh của nước Tần chấn động thiên hạ. Thế mà chỉ một lần thua trận, một lần từ chối dẫn quân ra trận, lẽ nào lại đáng tội chết hay sao? Đây chẳng qua là ác nghiệp sâu nặng nên dẫn đến Tần vương một phút hồ đồ mới xuống lệnh tự dứt đi một danh tướng của mình. Chuyện này tuy nhìn từ bên ngoài thấy có vẻ như vô lý, nhưng nếu xét từ nguồn gốc nhân quả của sự việc thì cái chết thảm của Bạch Khởi rõ ràng là không thể tránh khỏi. Hơn thế nữa, sau khi chết còn khó lòng tránh khỏi phải sa đọa vào ba đường ác vì tội giết hại quá nhiều mạng người.

(trích Lịch Sử Cảm Ứng Thông Ký)

13. GIẾT HÀNG BINH GẶP ĐẠI HỌA

Lý Quảng là võ tướng triều Hán, bắn cung rất giỏi, có tài dùng binh, hơn 70 lần đánh nhau với Hung nô đều thắng lợi. Cho nên quân Hung nô sợ ông như chuột sợ mèo, không dám dấy binh xâm phạm. Ông là vị tướng hiển hách một thời, các võ tướng đời sau khi nhắc đến Phi tướng Lý Quảng không ai là không khâm phục.

Vào thời Hán Văn Đế, Lý Quảng nhờ có công thảo phạt Hung nô nên được phong chức Tán kỵ thường thị, là một chức quan được ở bên cạnh hoàng đế để khuyên răn nhắc nhở, làm cố vấn cho hoàng đế. Đến thời Hán Võ Đế, ông giữ chức thái thú Bắc Bình.

Nhưng thuộc hạ của Lý Quảng rất nhiều người lại được phong các tước vị cao hơn Lý Quảng, trong khi đường đường là một đại tướng như ông mà cả đời chỉ làm đến chức Thái thú Bắc Kinh, không được phong hầu. Lý Quảng luôn thắc mắc về điều này, một hôm liền đến thỉnh giáo một thầy tướng số nổi tiếng tên là Vương Sóc:

– Ông xem tướng của ta có phải là không thể được phong hầu hay không?

Wương Sóc không trả lời ngay, hỏi lại:

– Tướng quân hãy tự xét lại mình xem có làm việc gì trái với đạo đức, luân lý hay chăng?

Lý Quảng suy nghĩ một lát rồi nói:

– Trước kia có lần ta dụ hàng hơn 800 quân rợ Khương, sau đó ra lệnh giết sạch. Việc ấy mãi đến nay ta vẫn còn cảm thấy cắn rứt, hối hận trong lòng.

Vương Sóc nói:

– Quân đã đầu hàng tức là không chống lại mình nữa, không cần phải giết. Tướng quân chỉ vì lòng sân hận mà hại chết nhiều người như thế, làm sao có thể không tổn hao âm đức. Tướng quân đời này không được phong hầu cũng là điều dễ hiểu.

Về sau, Lý Quảng có lần dẫn quân đi lạc đường, thế cùng phải thất cổ tự vẫn. Lại đến đời cháu trai ông là Lý Lăng bị quân Hung nô vây khốn nhiều ngày phải đầu hàng. Do việc Lý Lăng đầu hàng quân Hung nô mà Hán đế ra lệnh giết chết tất cả những người thân thuộc của ông, mẹ và vợ của ông đều phải chết thảm. Quả nhiên tội báo của hành động giết người là không thể tránh khỏi.

(trích Lý Quảng truyện)

14. LẠM SÁT BỊ UNG NHỌT

Vương Thiệu là võ tướng đời Tống, xuất binh thảo phạt rợ Khương lần nào cũng thắng lợi, mở rộng bờ cõi hơn 1.800 dặm đất. Chiếm đất rồi, ông ra lệnh đốt phá và giết sạch người Khương trong vùng. Bất luận già trẻ, lớn bé, nam nữ... đều không thoát khỏi sự thảm sát, số người bị giết có đến hơn ngàn người.

Không lâu sau, bỗng nhiên lời nói, hành động của Vương Thiệu trở nên bất thường; người ngậy đại, thần trí điên cuồng, trước ngực lại mọc ra một nhọt độc càng ngày

càng lớn, hơi thở, máu mủ rỉ ra liên tục, làm cho đau nhức thấu tâm can.

Nhọt độc ấy ăn sâu vào tận trong người, ngày đêm hành hạ Vương Thiệu không lúc nào không đau đớn, nhức nhối. Do chịu không nổi sự hành hạ đau đớn ấy, Vương Thiệu cuối cùng phải chết một cách thê thảm. Người thời ấy ai ai cũng đều cho rằng đó là quả báo xấu ác của việc Vương Thiệu lạm sát những người dân vô tội.

(trích Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký)

15. HỒN MA ÁM ẢNH

Tại một quán trọ nhỏ ven đường, một vị sư già đã bước vào và đứng yên từ lâu nhưng chẳng ai để ý đến ông cả. Đó là một vị sư vóc người mảnh mai, khuôn mặt gầy gò, xương xẩu nhưng luôn nở nụ cười hiền hòa biểu lộ một tấm lòng từ bi, bác ái.

Cách đó không xa là một kiếm khách vừa từ ngoài bước vào, dáng người cao gầy, vẻ mặt khắc khổ, nghiêm nghị. Đó là vẻ khắc khổ của một kiếm khách đã hết thời, không còn đủ sức nuôi thân bằng võ nghệ nên đành mang kiếm phiêu bạt trong chốn giang hồ, rày đây mai đó.

Kiếm khách vừa bước vào quán liền đảo mắt nhìn quanh một lượt rồi cất tiếng sang sảng gọi người hầu bàn. Người hầu bàn chạy ra, đưa mắt lúng túng nhìn kiếm khách và nhà sư, không biết phải phục vụ người nào trước...

Nhà sư ôn tồn bảo người hầu bàn:

– Anh hãy dọn rượu thịt cho vị kiếm khách này trước. Ta nghĩ ông ấy chắc còn nhiều việc gấp.

Nghe vậy, chàng kiếm khách xua tay:

– Không, anh hãy dọn thức ăn cho nhà sư này trước. Chúng ta cần phải biết tôn kính những vị tu hành đạo cao đức trọng, còn kẻ giang hồ như ta đây đã quen lăn lộn, không cần biệt đãi.

Khi ấy, cả hai người liền quay sang chào nhau. Kiếm khách tự giới thiệu:

– Tôi tên là Ta Mã Sum. Nếu đại sư cho phép, chúng ta ngồi cùng bàn nhé!

Vị sư già vui vẻ gật đầu. Mã Sum liền bước đến ngồi xuống cùng bàn. Thức ăn dọn ra chỉ có cơm trắng, măng kho và ngó sen luộc. Qua câu chuyện trao đổi, họ mới biết cả hai đều đang trên đường đến Kyoto. Họ vui vẻ kết bạn cùng đi trên đoạn đường còn lại.

Sau bữa cơm, hai người đã trở nên thân thiết. Hành lý của mỗi người đều chẳng có gì nhiều. Mã Sum chỉ mang theo hai thanh kiếm, còn vị sư già thì vác trên vai một túi vải rất cũ kỹ, trông rất nghèo nàn. Họ cùng nhau lên đường, vừa đi vừa trò chuyện rất tương đắc.

Nhà sư kể về những chuyến đi hành đạo khắp đó đây, còn Mã Sum thì kể lại những chuyện từng trải trên bước đường giang hồ phiêu dạt của mình.

Con đường đi Kyoto thật nhộn nhịp. Hành khách ngược xuôi có đủ các hạng người. Có những khách hành

huong viếng các đền chùa, lại có cả những người hát đạo, mãi võ, làm trò ảo thuật và rất nhiều hành khất đầu đội những chiếc nón thật lớn, che kín cả khuôn mặt.

Có các vị lãnh chúa, thượng quan ngự trong những chiếc kiệu rất kiêu xa, có quân lính theo hầu. Mỗi lần họ đi qua, dân chúng phải dừng lại kính cẩn cúi mình để bày tỏ sự chào mừng. Nếu có hai vị lãnh chúa cùng đi trên một đường thì vị nào có chức phận cao hơn sẽ được nhường đi trước.

Người ta còn thấy cả những văn nhân, thi sĩ đi ngắm cảnh tìm vần thơ, hoặc những họa sĩ đang say mê ghi lại phong cảnh thiên nhiên hữu tình trên nền lụa.

Ta Mã Sum kể cho nhà sư nghe về dĩ vãng của mình, đã theo học những ai để trở thành kiếm sĩ, đã từng chiến đấu bao nhiêu trận và giết bao nhiêu người. Vị sư già im lặng lắng nghe không chê trách gì, dù ông không tán thành những sự giết chóc như thế. Ông nghĩ, không thể đòi hỏi tất cả người đời đều mẫu mực, đạo đức, suốt đời không làm hại ai, không giết ai, không gây buồn rầu, đau đớn cho ai... Ta Mã Sum là một kiếm khách, bốn phận nghề nghiệp của anh ta là phải đánh nhau, phải giết chóc... Ông không thể chỉ trích anh ta vì những hành động đó, vì xét cho cùng đó cũng do nơi nghiệp duyên hình thành từ nhiều đời trước.

Mặc dù vậy, vị sư cũng không bỏ qua cơ hội dùng lời khéo léo để chia sẻ với chàng kiếm khách những gì ông hiểu biết về nhân quả, về viễn cảnh thọ sinh của mỗi người sau khi chết tùy theo nghiệp nhân đã gây ra trong đời này... Ông nhấn mạnh, bất cứ ai cũng có thể trở nên người tốt nếu chịu đi theo con đường hướng thiện, bởi bản chất mỗi

người đều là hiền thiện trước khi chịu sự sai sử của những tâm niệm tham lam, sân hận và si mê.

Vị sư già cũng kể cho kiếm khách Ta Mã Sum nghe nhiều câu chuyện tích Phật giáo rất thú vị, chẳng hạn như chuyện một vị hoàng tử Ấn Độ bị bà hoàng hậu độc ác móc mắt nhưng vẫn từ bi tha thứ, vì chàng biết rất rõ rằng chỉ có tình thương mới xóa bỏ được hận thù...

Sau mấy ngày làm bạn đồng hành, họ đã trở nên vô cùng thân thiết, không giấu nhau bất cứ chuyện gì. Một hôm, nhà sư chỉ vào cái túi vải đang đeo trên vai và hỏi Ta Mã Sum:

– Ông bạn có biết trong cái túi vải này đựng những gì không?

Ta Mã Sum lắc đầu:

– Không biết! Nhưng tôi có thể đoán là chẳng có gì quý giá cả.

Nhà sư cười nói:

– Ông bạn lầm rồi, thật ra trong này là những thứ quý giá lắm.

– Chắc là một tượng Phật.

– Không, nhưng cũng gần đúng như vậy.

– Hay là một cuốn kinh quý ghi chép những lời dạy vàng ngọc của đức Như Lai?

– Không phải.

Ta Mã Sum chịu thua, không đoán được.

Nhà sư thông thả nói:

– Trong cái túi vải cũ kỹ này là 200 nén bạc.

Ta Mã Sum cười lớn:

– Đại sư không đùa tôi đó chứ! Nếu ngài có được số tiền lớn như vậy thì việc gì phải đi lang thang khát thực? Nếu quả thật trong túi này đựng 200 nén bạc thì ngài thừa sức ăn mặc áo đẹp, vào quán trọ sang trọng, mời tôi uống rượu quý... lẽ đâu lại chịu vào cái quán tồi tàn nơi chúng ta gặp nhau?

Gương mặt nhà sư sáng lên, hớn hờ:

– Không, bản tăng không nói đùa đâu. Bản tăng mang theo hai trăm nén bạc nhưng không phải để tiêu dùng cho mình. Ông bạn muốn biết để làm gì phải không? Số là trong một chuyến hành hương chiêm bái Phật tích, tôi đã phát nguyện trong đời này nhất định sẽ đúc một tượng Phật bằng đồng thật đẹp để cúng dường Tam bảo. Từ nhiều năm qua, tôi đã đi khắp nước Nhật để quyên góp từng đồng xu lẻ, tích lũy thành 200 nén bạc đựng trong cái túi vải này. Lần này tôi đến Kyoto là để tìm những người thợ giỏi nhất giúp tôi thực hiện tâm nguyện này. Tôi hy vọng số bạc này sẽ đủ để đúc được một tượng Phật bằng đồng.

Đôi mắt nhà sư rực sáng lên khi nghĩ đến lúc thực hiện được tâm nguyện của mình. Hình như ông đang hình dung pho tượng Phật bằng đồng uy nghiêm và đẹp đẽ đang hiện lên, là kết quả của bao nhiêu năm ông vất vả lặn lội quyên khắp chốn. Ông say sưa nói tiếp:

– Đức Phật sẽ ngự trên tòa sen trong tư thế ngồi kiết già, trên trán Ngài có dấu chấm hiện toàn trí, toàn năng và nụ cười của Ngài là một nụ cười từ bi vô lượng... Đó, ông bạn đã biết vì sao tôi giữ gìn rất cẩn thận cái túi vải này.

Nhà sư lại cười và nói đùa:

– Người ta nói rằng ai mang theo vàng bạc là mang theo một mối nguy hiểm, nhưng với một người anh hùng cao thượng như ông bạn, tôi không thấy có gì phải lo ngại cả.

Ta Mã Sum nghiêng đầu một cách cung kính, tỏ lòng cảm tạ ý nghĩ tốt của nhà sư về mình, nhưng trong lòng anh ta đã bắt đầu ngón ngàng trăm mối. Vàng trán anh ta nhăn lại, cử chỉ có phần mất tự nhiên. Anh ta tự nghĩ:

– Suốt đời ta ngang dọc chiến đấu, vào sinh ra tử nhưng chưa từng có được chỉ một phần mười số bạc mà lão già đang giữ. Ta đang đói rách khốn khổ, trong khi lão có đến 200 nén bạc mà chỉ nghĩ đến việc đúc tượng Phật, không tiêu dùng đến dù chỉ một xu lẻ!

Nghĩ đến đây, anh ta chợt thở dài. “Than ôi! Ta đã già thật rồi! Một kiếm khách vào độ tuổi 40 như ta thì còn làm gì được nữa? Chẳng còn ai thu dụng ta. Ta sẽ phải sống cuộc sống lang thang vô định này cho đến hết cuộc đời mình mà chẳng bao giờ có được một ngôi nhà ấm cúng.”

Rồi anh ta lại nghĩ: “Nếu có được 200 nén bạc, chắc chắn ta sẽ được sống một cuộc đời sung sướng, không còn phải lang thang trôi dạt khắp đó đây... Hừ! Thế mà lão già này lại chỉ nghĩ đến việc dùng số bạc lớn lao đó vào việc đúc một cái tượng Phật vô tri vô giác...”

Lòng tham và lý trí bắt đầu xung đột lẫn nhau, giằng vò tâm trí Ta Mã Sum. Đôi lúc anh ta cầu mong cho vị sư già để quên đâu đó cái túi bạc và anh ta sẽ chiếm lấy rồi trốn đi. Nhưng làm gì có thể có chuyện đó? Lão ta lúc nào cũng không rời cái túi, khi ăn khi ngủ đều giữ bên mình. Một ý nghĩ táo bạo chợt đến với anh ta. Anh ta lắt đầu, cố xua tan đi ý nghĩ đen tối đó. Nhưng rồi nó lại trở về, và dường như càng lúc càng ám ảnh anh ta nhiều hơn.

Dần dần, lòng tham đã che mờ lý trí của anh ta. Giờ đây trong đầu anh ta luôn suy nghĩ cách làm sao để đoạt cho được số bạc của vị sư già. Nhưng vị sư già chẳng hề nhận ra sự thay đổi của Ta Mã Sum. Ông vẫn luôn tin tưởng vào người bạn đồng hành.

Khi đi đến một thị trấn, con đường bị cắt ngang bởi một dòng sông, mọi người phải đi thuyền sang bờ bên kia. Người lái thuyền chờ cho đủ khách mới cho thuyền rời bờ. Lúc bước xuống thuyền, vị sư già loạng choạng thế nào suýt ngã xuống nước. Vừa thấy vậy, trong lòng Ta Mã Sum lập tức nghĩ ra ngay một gian kế. Hắn đưa nhà sư đến ngồi sau lái ở một chỗ vắng người, gói bạc để ở giữa. Đợi một lúc thuận tiện không ai để ý, hắn vờ trở cho nhà sư một con cá đang nhảy lên khỏi mặt nước. Đợi nhà sư vừa nghiêng mình quay sang nhìn, Ta Mã Sum thẳng tay xô mạnh. Nhà sư bất ngờ không chút phòng bị, té nhào ngay xuống sông. Đợi cho thuyền chạy được một quãng xa, tên sát nhân mới giả vờ la lớn:

– Trời ơi! Bạn tôi ngã xuống sông rồi, ngừng lại mau!
Ngừng lại mau!

Gió lúc đó đang thổi mạnh, cánh buồm căng và con thuyền lướt đi vùn vụt. Khi người lái thuyền cố sức neo con thuyền lại được thì không còn thấy dấu vết nhà sư đâu nữa cả.

Ta Mã Sum gào lên, nước mắt hắt giàn giụa:

– Nhà sư đó là người bạn thân thiết nhất của tôi. Trời ơi, bây giờ ông chết rồi, bỏ lại tôi một mình, khổ sở thân tôi!

Mọi người trên thuyền thấy vậy đều xúc động. Ta Mã Sum lau nước mắt đoạn nói với mọi người:

– Chúng ta phải báo việc này lên quan địa phương, nhưng tôi nghĩ làm thế sẽ mất nhiều thời gian khai báo, phiền cho quý vị chậm trễ công việc. Tôi cũng vậy, tôi cũng có việc gấp cần đi ngay. Và lại, nếu khai báo còn sợ liên lụy đến bác lái thuyền, không khéo bị nghi oan tội nghiệp. Chi bằng ta cứ tiếp tục cuộc hành trình, khi đến Kyoto tôi sẽ tự đứng ra khai báo việc này, khỏi phiền đến quý vị.

Mọi người, kể cả bác lái thuyền, đều thấy là có lý. Hơn nữa ai cũng sợ phiền phức, liên lụy nên đồng ý giữ kín chuyện này và cứ tiếp tục cuộc hành trình.

Khi thuyền cập bến, Ta Mã Sum cầm túi bạc nhảy phóc ngay lên bờ. Trong thoáng chốc đã không còn ai thấy hấn đâu nữa cả!

Tối hôm đó, trong một căn phòng riêng tại quán trọ, hấn run run mở túi bạc ra xem. Hấn thật sự lóa mắt khi đếm được đúng 200 nén bạc nằm trong chiếc túi vải cũ kỹ, rách rưới!

Bây giờ số bạc đã thuộc về hắn. Hắn bắt đầu vạch ra trong đầu kế hoạch sử dụng số bạc đó như thế nào để ngày càng có thể sinh thêm nhiều lợi nhuận hơn nữa. Từ đây hắn sẽ không còn phải sống trong cảnh nghèo túng nữa!

Tại Kyoto, hắn thay tên đổi họ, cũng không còn làm kiếm khách nữa mà trở thành một thương gia giàu có chuyên kinh doanh lúa gạo. Mọi người ở đây chỉ biết hắn dưới cái tên mới là Tô Cự Bi.

Hai thanh kiếm năm xưa được hắn bọc vào một túi gấm và cất kỹ dưới đáy một chiếc hòm. Hắn không muốn bất cứ ai biết được quá khứ trước đây của hắn. Bây giờ, công việc hằng ngày của hắn là giao dịch buôn bán.

Việc làm ăn của Tô Cự Bi ngày càng phát đạt. Hắn cưới vợ, sinh con. Hắn thành đạt và trở nên giàu có ngoài sức tưởng tượng. Tuy nhiên, điều rất lạ là hắn chưa bao giờ có được một giây phút nào thực sự an ổn để tận hưởng những gì đã có trong tay. Hắn không hề cảm thấy thỏa mãn với cuộc sống vật chất sung túc mà trước đây hắn từng mơ ước. Thay vì vậy, lúc nào hắn cũng sống trong sự cắn rứt của lương tâm, luôn cảm thấy hối tiếc, ân hận về việc đã làm. Hắn biết rõ cái sự nghiệp đồ sộ của hắn hôm nay là do tội ác mà có. Hắn luôn tự nghĩ, nếu năm xưa hắn có thể dần lòng và suy nghĩ chín chắn hơn, chắc chắn hắn đã không phạm vào tội ác tày trời đó. Hắn nhớ lại, cuộc sống lang thang khốn khó tuy lúc nào cũng phải chịu đựng sự thiếu thốn đói khổ nhưng vẫn có không ít những phút giây hạnh phúc thanh thản, nhất là khi hắn được ngắm nhìn cảnh đẹp thiên nhiên trên con đường thiên lý với một tâm hồn trong sạch không gợn chút bợn dơ. Còn bây giờ, tuy sống

trong sự giàu sang sung sướng nhưng lúc nào hắn cũng phải chịu sự giày vò của mặc cảm tội lỗi và một nỗi ám ảnh không ngừng.

Để cố quên đi câu chuyện xấu xa ngày cũ và những nỗi ám ảnh đáng sợ, hắn phải lao đầu vào công việc làm ăn, mong rằng những bận rộn hằng ngày sẽ xua tan đi những ý nghĩ giày vò trong tâm trí hắn.

Thời gian thấm thoát trôi qua, đã đến lúc Tô Cự Bi cảm thấy cần phải nghỉ ngơi sau những tháng ngày lăn lộn trong công việc kinh doanh. Hắn mua một biệt thự xinh đẹp, có một vườn hoa anh đào rộng lớn bao quanh và có cả những cây tùng xanh thẫm xen trong đó.

Nhưng rồi Tô Cự Bi cũng không thể an hưởng tuổi già như dự định. Rồi khỏi công việc kinh doanh, mặc cảm tội lỗi như càng lớn lên nhiều hơn trong lòng hắn. Mỗi khi nhìn thấy những đồ vật quý giá trong nhà hay dạo chơi trong khu vườn xinh đẹp hắn đều không khỏi khởi lên ý nghĩ rằng tất cả những thứ đó đều có được từ việc phạm vào tội ác ngày xưa của hắn. Rồi hắn ngày càng nghĩ nhiều hơn đến vị sư già đã bị hắn hại chết. Hình dáng của ông như sống lại trong lòng hắn với dáng người mảnh mai, khuôn mặt gầy gò nhưng ánh mắt và nụ cười luôn biểu lộ rõ một tấm lòng từ bi độ lượng. Hắn càng hối hận hơn nữa khi nghĩ đến việc làm tàn nhẫn của mình. Nhà sư càng từ bi, đức độ bao nhiêu thì hắn càng độc ác, xấu xa, đáng khinh bỉ bấy nhiêu!

Rồi một đêm trăng sáng, Tô Cự Bi nằm trần trọc mãi không ngủ được với những ý nghĩ dằn vặt ngổn ngang trong lòng. Hắn vùng dậy bước ra đi dạo một lát trong vườn

hoa cho khuây khỏa. Bỗng nhiên hắn dừng lại, dán mắt vào một cây tùng. Thật kinh ngạc làm sao, hình như có một bóng người mờ ảo đang hiện ra từ thân và cành của cây tùng. Thân cây tùng là thân người, cành cây là tay chân! Hình ảnh đó ban đầu mờ mờ ảo ảo, nhưng càng lúc càng hiện rõ hơn. Rõ ràng đó là một hình người với vóc dáng mảnh mai, gầy gò và cái đầu trọc lóc, hai hố mắt sâu đen ngòm, má hóp, da tái nhợt như một người chết trôi sông. Không còn nghi ngờ gì nữa, hắn đã nhận ra người đó là ai rồi. Hắn hét lên một tiếng kinh hoàng và đứng sững người ra, không còn cử động gì được nữa.

Mồ hôi hắn vã ra như tắm. Sau một lúc lâu, hắn mới hoàn hồn được đôi chút, hốt hoảng kêu thét lên:

– Là ông đó sao!

Hình bóng nhà sư hiện ra mờ ảo dưới ánh trăng, từ từ đi về phía Tô Cự Bi, càng lúc càng gần hơn khiến cho hắn vô cùng hoảng sợ, đứng chôn chân một chỗ như trời trồng, không còn đủ sức để chạy trốn.

Nhưng rồi một lát sau, bản năng sinh tồn trong hắn chợt trỗi dậy. Hắn hét lên một tiếng lớn rồi vùng quay người bỏ chạy thục mạng vào nhà, bên tai vẫn nghe văng vẳng như có tiếng chân người đuổi theo dồn dập...

Chạy vào nhà rồi, hắn đóng sầm cửa lại, lao nhanh vào phòng và nhảy lên giường kéo chăn trùm kín cả người. Nhưng sau khi nằm yên trên giường một lúc, cơn sợ hãi lắng xuống và dòng máu ngang tàng của một kiếm khách trước đây bỗng trỗi dậy trong hắn. Hắn tung chăn bước

xuống giường, mở khóa chiếc hòm gỗ đã từ lâu cất giữ hai thanh kiếm ngày xưa.

Nắm chặt hai thanh kiếm trong tay rồi, hắn cảm thấy can đảm hơn nhiều. Hắn thầm nghĩ: “Nếu đúng là oan hồn lão ấy đã về đây thì ta cũng không thể trốn chạy đâu cho khỏi. Chi bằng đối mặt đánh đuổi lão đi thì mới có thể sống yên được.”

Nghĩ vậy, hắn liền mở cửa mang kiếm đi thẳng ra vườn. Đến khoảng đất trống khi này vừa nhìn thấy hồn ma, hắn dừng lại đảo mắt nhìn quanh.

Không phải đợi lâu, hắn đã bắt đầu nhìn thấy ngay một bóng đen mờ ảo ngay phía sau một cây tùng... Không, bóng đen ấy chính là cây tùng, nhưng đang từ từ chuyển dần sang thành hình người... Vẫn là cái hình dáng quen thuộc mà đã bao năm qua hắn không một phút nào quên đi được. Chính là vị sư già đã bị hắn đẩy xuống dòng nước sông ngày trước.

Trước hình ảnh khiếp đảm đó, dầu là một kiếm khách gan dạ cũng không khỏi rùng mình khiếp hãi. Nhưng vì nghĩ đến mối nguy hiểm có thể sẽ theo đuổi mình không sao tránh được nên Tô Cự Bi cố xua đuổi nỗi sợ hãi, nắm chặt chuôi kiếm và đứng vững lại thay vì bỏ chạy.

Trong chốc lát, hắn lấy lại tinh thần của một kiếm khách xông ra trận và lao vút tới, vung kiếm chém loạn xạ vào bóng ma của vị sư già... Những nhát kiếm chính xác và mạnh mẽ, nhưng lạ thay chỉ như chạm vào sương khói, làm cho bóng ma ấy cứ tan ra rồi tụ lại, cuối cùng vẫn cứ quanh quẩn bên gốc cây tùng như không có gì xảy ra cả.

Sốt ruột, Tô Cự Bi dùng hết sức lao đến đỉnh vung kiếm chém mạnh một nhát, nhưng hắn chưa kịp vung tay lên thì cả thân hình hắn đã đâm sâu vào gốc cây tùng. Hắn dội ngược trở ra và đổ gục xuống mặt đất như một xác chết...

Sáng hôm sau, người làm vườn tìm thấy Tô Cự Bi nằm bất động gần gốc cây tùng, hai thanh kiếm vẫn còn nắm chặt trong tay. Ông ta hốt hoảng vội gọi người đến đưa chủ nhân vào nhà, mời thầy thuốc đến chăm sóc. Tô Cự Bi nằm liệt giường suốt mấy ngày sau đó...

Khi đã tạm bình phục, việc đầu tiên hắn nghĩ đến là lập tức ra lệnh đốn ngã cây tùng nơi xuất hiện bóng ma. Rồi đêm hôm ấy, hắn không sao cưỡng lại được ý nghĩ phải kiểm tra lại xem hồn ma của nhà sư đã bị xua đuổi đi nơi khác hay chưa. Hắn nấp sau một khóm hoa rậm gần nhà và dõi mắt về phía cây tùng đã bị đốn hạ. Nhưng thật quái lạ thay, rõ ràng hắn nhìn thấy bóng ma hôm trước lại hiện ra từ một cây tùng khác... Hắn thét lên một tiếng kinh hoàng rồi ù té chạy bay vào nhà, phóng ngay lên giường ngủ và trùm chăn kín mít suốt đêm hôm đó.

Hôm sau, Tô Cự Bi cho người mua về thật nhiều đèn lồng và treo khắp nơi trong vườn. Đêm đến, hắn thắp đèn gần như sáng rực cả khu vườn. Hắn nghĩ là như vậy thì hồn ma sẽ không còn có thể hiện ra được nữa. Mặc dù vậy, hắn vẫn ở lì trong nhà mỗi khi đêm xuống chứ không dám đi ra vườn nữa. Dù vậy, thỉnh thoảng hắn như vẫn nhìn thấy qua khung cửa sổ dáng dấp của nhà sư già khắc khổ như đang rình rập hắn từ đâu đó...

Từ đó hắn đâm ra sợ sệt đêm tối và rất thường giật mình hốt hoảng vì những chuyện rất nhỏ nhặt. Cuối cùng

thì hẩn đóng chặt cửa phòng và giam mình trong nhà suốt ngày, không dám đi ra ngoài ngay cả lúc ban ngày. Nhưng lạ thay, mỗi khi đêm xuống hẩn như vẫn nhìn thấy bóng dáng nhà sư hiện ra trong nhà, khi thì từ ngoài cửa phòng bước vào, có lúc lại đứng ngay nơi đầu giường của hẩn, hoặc có lúc lại từ bên ngoài cửa sổ đã đóng kín mà thò đầu vào bên trong rồi nhìn hẩn mỉm cười...

Tô Cự Bi phát bệnh nặng, suốt ngày vùi đầu trong chăn, miệng luôn nói sảng. Vợ hẩn mời tất cả các lương y nổi tiếng trong vùng để nhờ chữa trị nhưng bệnh tình của Tô Cự Bi vẫn không mảy may thuyên giảm. Tin đồn về việc đại phú thương Tô Cự Bi bị ma ám sinh bệnh nặng được loan truyền đi khắp vùng, ai nghe cũng lấy làm kỳ lạ.

Rồi một hôm, người vợ của Tô Cự Bi được nghe nói rằng có vị sư đạo cao đức trọng hiện đang ở gần Kyoto, trong một ngôi chùa nhỏ. Ngài thường giúp đỡ tất cả những ai gặp khó khăn. Bà nghĩ: “Bệnh của chồng mình vốn có liên quan đến tà ma ám ảnh, sao mình không thử đến nhờ đại sư giúp đỡ xua đuổi hồn ma này đi?”

Nghĩ là làm, bà lập tức sắm sửa lễ vật tìm đến ngôi chùa ấy dâng hương lễ Phật và đồng thời thưa rõ mọi việc với đại sư.

Sau khi hỏi rõ mọi việc, nhà sư ấy suy nghĩ một lát rồi nói:

– Bệnh ấy không thể dùng thuốc mà trị được, ắt là do nghiệp duyên xấu trước đây gây ra. Vậy phải thành tâm lễ bái chư Phật, phát nguyện làm lành lánh dữ, sám hối những việc xấu ác trước đây thì may ra sẽ được thuyên giảm.

Người vợ Tô Cự Bi ghi nhớ lời dạy của đại sư, khi về nhà liền thuật lại cho chồng nghe. Tô Cự Bi vừa nghe xong thì mồ hôi toát ra như tắm, run rẩy nói: “Thánh tăng, thánh tăng! Quả thật ông ấy là thánh tăng, có thể biết được những việc ta đã làm trước kia.”

Ông ta liền hối thúc bà vợ ngay lập tức lên chùa thỉnh đại sư đến nhà cho ông gặp mặt, dự tính nói rõ và sám hối mọi tội lỗi với ngài và nhất định sẽ nghe theo lời dạy của ngài để hóa giải nghiệp chướng.

Vị sư nhận lời thỉnh mời của người vợ Tô Cự Bi, lập tức theo bà về nhà. Vì Tô Cự Bi vẫn đang nằm liệt trên giường, người vợ liền đưa nhà sư đi thẳng vào phòng của Tô Cự Bi.

Vừa nhìn thấy thấy nhà sư, Tô Cự Bi bỗng hét lên một tiếng kinh hãi. Hấn chỉ tay vào nhà sư và la lên, giọng lắp bắp:

– Có ma... có ma... mau gọi người đến giúp đuổi đi.
Có ma... có ma...

Rồi ông ta kéo chăn trùm kín cả đầu, toàn thân run lên bần bật biểu lộ một sự khiếp sợ vô cùng. Người vợ kinh hoàng trước sự việc đó, đưa mắt nhìn vị sư già cầu cứu vì bà thật sự không biết phải làm thế nào.

Vị sư già nhoẻn miệng cười thật hiền hòa rồi nói với bà:

– Không sao đâu, mọi việc rồi sẽ ổn ngay thôi mà.

Và ông bước đến đứng ngay cạnh bên giường nằm của Tô Cự Bi, cất giọng trầm âm:

– Thôi nào, Ta Mã Sum! Anh hãy kéo chăn ra và nhìn kỹ lại xem. Là tôi đây chứ nào có ma quỷ gì đâu!

Giọng nói của nhà sư như có một phép lạ thần kỳ. Người bệnh từ từ hé tấm chăn ra và giương mắt trùng trùng nhìn vị sư già như một vật lạ xưa nay chưa từng thấy. Rồi ông ta lấp bấp:

– Là... ông... đó sao! Đúng... đúng là ông... rồi! Làm sao lại có thể... là... ông được chứ. Có phải tôi đang mơ... hay tôi đã chết rồi...

Nhà sư bật cười:

– Anh chưa chết đâu và cũng không mơ màng gì cả. Đây là sự thật, chính là tôi đây, người bạn đường ngày xưa của anh đây mà.

Tô Cự Bi – không, có lẽ phải gọi anh ta là Ta Mã Sum, vì dưới mắt nhà sư khi ấy anh ta vẫn là chàng kiếm khách lang bạt năm xưa – đã qua cơn kinh hoàng và bắt đầu lấy lại bình tĩnh. Anh ta thu hết sức lực để gượng ngồi dậy nhìn nhà sư cho được rõ ràng hơn. Rồi anh ta thở ra một hơi dài và nói:

– Quả thật là ông rồi! Đội ơn trời Phật, ông vẫn chưa chết. Bao năm qua tôi chưa một lúc nào có thể tự tha thứ cho mình về sự việc xấu xa ngày ấy.

Nhà sư chớp chớp mắt cảm động và nói:

– Tôi biết, tôi biết... Tôi vẫn tin tưởng rằng anh không phải người xấu. Chỉ là trong một phút giây không tự chế được mình đó thôi. Nào, bây giờ thì mọi việc đã ổn cả rồi, anh không cần phải tự trách mình thêm nữa.

Ông bước tới thân mật ngồi xuống giường và đưa tay nắm lấy bàn tay gầy gò của Ta Mã Sum:

– Tôi từ nhỏ vốn đã học bơi lội rất giỏi nên hôm ấy đã có đủ sức để bơi vào bờ. Tuy nhiên, anh cũng thật ác, báo hại tôi phải đói và lạnh suốt một đêm hôm đó.

Ta Mã Sum lại thở dài náo nuột. Hắn thì thảo như chỉ nói với chính mình:

– Tôi sai rồi, tôi sai rồi... Lẽ ra tôi không nên hành động xấu xa như thế.

Nhà sư cười to như để phá tan đi nét sầu thảm và hối hận đang bao phủ trên gương mặt người kiếm khách già:

– Không sao, không sao! Chỉ sáng hôm sau đó tôi đã gặp được một nhà nông dân tốt bụng. Họ đãi tôi một bữa no nê và còn tặng cho tôi cả một bộ quần áo mới nữa... Chỉ có điều là tôi lại phải bắt đầu mọi việc từ đầu vì tiền đức tượng Phật không còn nữa...

Ta Mã Sum nói với tất cả sự thành khẩn:

– Bạch sư phụ! Tôi thật sự ân hận về việc đó. Nếu cho tôi một cơ hội khác, chắc chắn tôi sẽ không bao giờ làm như thế.

Nhà sư nhoẻn miệng cười:

– Tôi cũng tin là như thế. Thật ra thì những năm qua tôi cũng chưa từng có ý nghĩ oán hận gì anh. Tôi chỉ tự trách mình chưa đủ phước đức để hoàn tất việc đúc tượng Phật theo đúng như dự tính. Vì thế, tôi vừa tiếp tục đi quyên góp vừa nỗ lực tu tỉnh bản thân, hy vọng nhờ đó mới có thể thành tựu được tâm nguyện.

Ta Mã Sum ngần ngừ một lát rồi mới hỏi:

– Thế bây giờ sư phụ đã quyên góp đủ số tiền ấy chưa?

Nhà sư cười vui vẻ:

– Đủ rồi, đủ rồi... Tôi cũng đã đúc xong tượng Phật rồi. Hy vọng sẽ có dịp mời anh đến chùa chiêm ngưỡng.

Ta Mã Sum lúng túng:

– Tôi... tôi... tôi muốn trả lại số bạc ngày trước, ồ không, tôi muốn trả lại gấp đôi số bạc ấy... mong sư phụ nhận cho.

Nhà sư bật cười khanh khách:

– Anh lại đùa tôi nữa rồi! Một nhà sư như tôi thì nhận tiền làm gì kia chứ? Tượng Phật cũng đã đúc xong rồi, giờ tôi chỉ có mỗi một việc là lo tu tập mà thôi. Anh không cần phải nhắc lại chuyện đó nữa.

Ta Mã Sum lại thở dài:

– Bạch sư phụ! Trong suốt mấy năm qua con rất ân hận về việc này, không biết phải làm như thế nào để chuộc lại lỗi lầm đã qua. Nay được gặp lại sư phụ còn sống, lòng con cũng thấy nhẹ bớt đi phần nào, nhưng con vẫn cảm

thấy không thể nào tự tha thứ cho mình về hành vi xấu xa đó. Xin sư phụ hãy nhận lại số bạc và dùng nó để giúp đỡ những người khốn khó, may ra nhờ đó mà con sẽ cảm thấy thanh thản phần nào.

Nhà sư bỗng nghiêm giọng nói:

– Thôi được, xem như tôi giúp anh việc này vì tình bạn cũ của chúng ta. Tuy nhiên, qua bài học này thì anh phải ghi nhớ rằng: Khi ta làm một việc xấu thì cho dù không ai biết đến nhưng chính lương tâm ta sẽ không tự tha thứ cho mình, vì thế mà ta sẽ chẳng bao giờ được yên ổn cả.

Ta Mã Sum cúi đầu xuống, nói nhỏ như chỉ để chính mình nghe:

– Vâng, đúng vậy... đúng là như vậy.

Hôm đó, nhà sư ở lại ngôi biệt thự và cả hai người cùng thức đến tận khuya. Họ lại trao đổi chuyện trò như ngày nào khi cùng đi trên con đường đến Kyoto. Khi chia tay và đưa nhà sư vào phòng nghỉ, Ta Mã Sum cảm thấy như nhẹ hẫng cả người. Đêm đó, anh ta ngủ một giấc say ngon như chưa từng được ngủ!

Hôm sau, nhà sư từ biệt trở về chùa. Mấy hôm sau, Ta Mã Sum vừa hồi phục sức khỏe đã lập tức đích thân mang 400 nén bạc đến chùa để giao cho nhà sư lo việc cứu tế. Anh ta còn nói rất thành khẩn:

– Từ nay con phát nguyện ăn chay, làm lành lánh dữ. Nếu thấy có việc gì con có thể làm được, mong sư phụ từ bi chỉ dạy.

Chỉ mấy hôm sau đó, người dân khắp một vùng rộng lớn quanh Kyoto đều biết chuyện nhà cự phú Tô Cự Bi được một vị sư già chữa lành bệnh. Không những thế, từ đó về sau ông còn trở nên một người nhân đức, luôn sẵn sàng ra tay cứu giúp mọi người.

(Trích Truyện cổ Phật giáo Nhật Bản)

PHẦN 3

16. HỒN MA BÁO MỘNG

Vào khoảng niên hiệu Nguyên Gia đời Tống Văn Đế Nam triều, Chư Cát Hộ giữ chức Thái thú Nguyên Chân bị bệnh qua đời khi đang tại chức. Lúc đó, người thân quanh ông không có ai, duy nhất chỉ có người con trai trưởng là Nguyên Sùng lo việc đưa linh cữu cha về quê chôn cất. Có người học trò của Chư Cát Hộ là Hà Pháp Tăng vì muốn chiếm đoạt toàn bộ tài sản của họ Chư nên xuống tay thâm độc, nhận nước Nguyên Sùng cho đến chết.

Ngay đêm đó, mẹ của Nguyên Sùng là Trần thị nằm mộng thấy Nguyên Sùng toàn thân ướt sũng, chạy về nhà khóc lóc báo rằng cha đã qua đời còn mình thì bị Hà Pháp Tăng nhận nước chết để chiếm đoạt tài sản.

Bà mẹ Nguyên Sùng vừa tỉnh giấc mộng, trong người bần thần khác thường, hoang mang lo sợ không biết hư thực thế nào. Bà lập tức viết thư cho người anh họ là Từ Đạo Vị lúc đó đang giữ chức Trưởng sử Giao Châu, kể rõ mọi việc. Từ Đạo Vị tức khắc cho người đến chỗ Chư Cát Hộ đang nhậm chức để dò hỏi, quả nhiên mới biết Chư Cát

Hộ đã chết mà con trai là Nguyên Sùng cũng mất tích một cách bí ẩn.

Từ Đạo Vị liền đích thân đến gặp quan tuần phủ địa phương, nói rõ nghi án và yêu cầu mở cuộc điều tra. Không bao lâu, quan phủ đã tìm được rất nhiều chứng cứ và cho bắt ngay Hà Pháp Tăng về xét hỏi. Tên học trò bất nghĩa vừa bị bắt lên công đường đã lúng ta lúng túng, giấu đầu lòi đuôi, cuối cùng phải thú nhận tất cả. Sự việc được sáng tỏ, quan phủ y theo pháp luật lúc bấy giờ xử y tội chết. Quả đúng là nhân quả báo ứng ngay trước mắt không hề sai chạy.

(trích dẫn Oan hồn chí)

17. GIẾT NGƯỜI ĐỀN MẠNG

Thuở xưa, quan thứ sử quận Giao Chỉ là Hà Xưởng trong một lần về thăm nhà phải đi đường bộ chạy dọc theo một dãy núi. Khi đi đến quận Thương Ngô thuộc huyện Cao Yếu thì trời đã nhá nhem tối, quan thứ sử liền lệnh cho thuộc hạ dừng lại nghỉ tạm ở Thước Bôn Đình.

Vì đi đường mệt mỏi, Hà Xưởng nằm trần trổ qua đến hết canh hai cũng vẫn chưa ngủ được. Đang lúc mơ màng nửa tỉnh nửa mê, bỗng thấy xuất hiện một thiếu nữ trạc tuổi ngoài đôi mươi, tướng mạo đoan trang, từ trên lầu bước xuống, đến trước mặt ông cúi chào rồi thưa:

– Oan cho thiếp lắm, cúi xin đại nhân thương xót giải nỗi oan này.

Quan thứ sử liền ngồi dậy, trong lòng cảm thấy vô cùng nghi hoặc, liền cất tiếng hỏi:

– Cô là phận gái, vì sao đang đêm lại tìm đến chỗ hoang vắng này? Cô nói có oan tình, vậy hãy kể rõ ra cho ta nghe xem sao.

Cô gái vừa khóc thổn thức vừa nói:

– Thừa đại nhân! Tôi vốn họ Tô tên Nga, nhà ở xóm Tu Lý, huyện Quảng Tín. Cha mẹ sớm đã lìa trần, rồi chồng tôi cũng vắn số. Từ đó tôi phải sống đơn chiếc với một người hầu gái tên Trí Phú, không có anh em quyến thuộc gì cả. Tài sản trong nhà còn lại được 120 cây vải the. Cách đây ít lâu, việc làm ăn sa sút, cảnh nhà túng thiếu, tính toán thế nào cũng không thể giữ nguyên vẹn được vật dụng trong nhà, nên tôi liền mang số vải đó sang quận Quảng Ninh để bán, kiếm chút ít tiền về làm vốn sinh nhai. Để chở vải đi, tôi thuê một cỗ xe bò của người cùng huyện tên là Dương Bá, rồi cùng với người hầu gái đánh xe đi Quảng Ninh. Hôm ấy là ngày 17 tháng 4 năm ngoái, khi xe vừa đến đây thì trời đã tối, khách đi đường vắng vẻ chẳng có ai. Tôi sợ giữa đường gặp chuyện bất trắc nên không dám đi tiếp, liền ghé lại đây tạm nghỉ qua đêm. Rủi thay, người hầu gái bỗng nhiên bị đau bụng, tôi phải vội vã đi nhóm lửa để hơ và đi xin thuốc cho nó uống. Khi trở lại xe thì thấy có người đình trưởng tên Cung Thọ đang cầm dao đứng đó, dáng hung hăng hỏi thiếp: “Cô ở đâu đến đây, trên xe chở những vật gì?” Tôi thấy bộ dạng của hắn đã ngờ là kẻ bất lương, nhưng không biết làm sao tránh mặt nên đánh bạo hỏi lại: “Tôi chỉ là khách đi đường tạm nghỉ lại đây, không làm điều gì sai trái, vì sao ông phải tra hỏi tôi như vậy?” Cung Thọ bỗng cười hềnh hếch rồi nắm chặt lấy tay tôi, nói: “Nào có chuyện gì đâu, ta thấy nàng tuổi trẻ lại có nhan sắc dễ thương nên muốn cùng nàng chung

vui đêm nay thôi mà!” Lúc ấy, tôi hoảng sợ, biết là khó tránh bị kẻ lưu manh cưỡng bức, bèn cố sức kháng cự, hất tay hấn ra. Song hấn dùng sức mạnh quyết cường bức tôi. Thấy tình thế nguy cấp, tôi liền lớn tiếng kêu la cầu cứu. Cung Thọ không ngờ tôi phản ứng quá quyết liệt như thế, lúc đó lấy làm hốt hoảng vì sợ có người gần đó nghe thấy tiếng tôi kêu cứu, liền vung dao đâm mạnh vào bụng tôi, khiến tôi chết ngay tại chỗ. Giết tôi rồi, hấn sợ lộ chuyện nên nhả tâm giết luôn người hầu gái, rồi đào một cái hố dưới lầu này để kéo xác tôi và đưa hầu gái chôn vào dưới đó. Hấn cướp lấy hết tài sản tôi mang theo đem về nhà, lại giết bò ăn thịt rồi đốt luôn cả chiếc xe. Hiện bánh xe và xương bò bị hấn vất xuống cái giếng phía đông của đình này vẫn còn nguyên dưới đó. Tôi chết thảm đã hơn một năm nay, ôm mối oán hận này mà không biết tố cáo cùng ai. Nay có đại nhân đi qua đây, xin ra ơn giúp đỡ làm rõ việc này, để tên ác tặc kia sớm phải đền tội ác.

Khi ấy, quan thứ sử Hà Xưởng mới biết đó là hồn ma báo mộng. Tuy nhiên, ông vẫn bình tĩnh nói:

– Những gì cô vừa kể với ta thật chưa biết thực hư ra sao, chưa đủ làm bằng chứng. Bây giờ nếu ta quật thi thể của nàng lên để khám nghiệm thì biết lấy gì để chứng minh là sự việc đúng như lời nàng nói?

– Thưa đại nhân! Xin cứ khảo nghiệm. Nếu đúng là thi thể của tôi thì áo quần trên người đều toàn là vải trắng, bên tay trái vẫn còn đeo một chiếc xuyên.

Cô gái nói xong, cúi đầu bái tạ rồi biến mất. Quan thứ sử Hà Xưởng cũng giật mình tỉnh cơn mộng, trong lòng bản thân không yên, từ đó đến sáng không sao chợp mắt

ngủ lại được. Đợi đến khi trời vừa sáng, lập tức sai người đào đất dưới lầu lên, quả nhiên tìm thấy y như lời báo mộng.

Quan thứ sử liền cho người tìm bắt ngay tên Cung Thọ giải đến và khảo vấn tại đó. Ban đầu hắn còn cố tình chối cãi quanh co, nhưng khi nhìn thấy cái hồ chôn hai xác chết đã được khai quật lên thì mặt mày hắn tái mét, lập tức cúi đầu nhận tội.

Quan thứ sử lại tiếp tục cho người đến huyện Quảng Tín để xác nhận xem có cô gái nào tên là Tô Nga hay không. Quan sở tại cho biết mọi việc quả y như lời trong mộng.

Quan thứ sử Hà Xưởng sau khi tra xét rõ ràng mọi việc liền cho lập bàn xét xử ngay tại nơi đã xảy ra vụ án, lại lập bàn thờ cho Tô Nga rồi bắt Cung Thọ đến trước bàn thờ thắp hương nhận tội, cuối cùng mới phán xử tội giết người phải đền mạng.

Hôm đó, dân chúng trong huyện kéo nhau đi xem xử án rất đông, ai nấy đều kinh ngạc trước vụ án ly kỳ này, đều bảo nhau rằng việc báo ứng thiện ác ở đời quả nhiên không cách gì có thể trốn chạy được.

18. SAI DỊCH TÀN ÁC CHỊU QUẢ BÁO

Thiệu Đạo là người Trì Châu (nay là huyện Quý Trì, tỉnh An Huy) sống vào triều Minh, được sung vào làm sai dịch trong nha môn, đảm nhiệm công tác quản lý phạm nhân. Hắn thường moi móc tiền bạc của phạm nhân, nếu

thấy vừa lòng thì vui, bằng không thì thẳng tay đánh đập. Những khi quan trên sai y tra khảo phạm nhân, y thường đánh người cho đến da rách máu chảy, số phạm nhân chết dưới tay y không thể đếm xuể.

Sau đó, Thiệu Đạo bị căn bệnh hết sức quái dị, tay chân co rút, da thịt nứt nẻ, máu mủ chảy ra không ngừng, hôi thối vô cùng, đau đớn không thể nói hết, suốt ngày lăn qua lộn lại trên giường rên la thảm thiết.

Thấy thế, mọi người đều nói: “Thiện hay ác đều có quả báo, chỉ cần xem chuyện của Thiệu Đạo thì biết.”

Trước khi Thiệu Đạo chết, da thịt trên thân y đều thối rữa, thống khổ cùng cực rồi mới chết.

(trích Đức Dục Cổ Giám)

19. MẸ KẾ ĐỘC ÁC BỊ SÉT ĐÁNH

Trước kia có một người đến năm 40 tuổi thì vợ bị bệnh qua đời, để lại đứa con trai còn thơ dại. Người ấy vì chịu không nổi cảnh cô đơn, lại thấy cô hàng xóm xinh đẹp liền hỏi cưới.

Sau khi lấy nhau một năm, hai năm... người mẹ kế này đối với đứa con chồng rất hòa thuận, thương yêu, tỏ ra hết lòng chăm sóc, dạy dỗ. Nhưng sau khi cô ta sinh được hai đứa con trai, liền sinh lòng thiên vị, bề ngoài có vẻ như thương yêu con chồng nhưng trong lòng luôn tìm cách hãm hại. Chẳng qua vì cô chỉ muốn dành trọn mọi thứ cho hai đứa con của mình.

Mấy năm sau, người chồng bị bệnh nặng, thuốc thang không hề thuyên giảm. Biết mình không còn sống bao lâu nữa, ông cầm tay đứa con của người vợ trước nói với người mẹ kế của nó:

– Bà này, sau khi tôi qua đời, tài sản trong nhà nên chia đều cho ba đứa con trai. Cả đời tôi đã dành dụm được không ít, nên chuyện mưu sinh của mọi người chắc không có gì đáng lo. Tuy nhiên, đứa bé này là con trưởng, vả lại là con người vợ trước của tôi, nó bất hạnh đã mất mẹ từ khi tám bé, nếu không có bà chăm lo, săn sóc, làm sao có thể lớn khôn thành người có ích được? Hiện tại sức tôi đã kiệt, chắc không sống được bao lâu nữa. Mong sao bà hãy xem đứa con này cũng như con của mình sinh ra. Hãy thay tôi chăm sóc, dạy dỗ cho nó nên người.

Nói xong, người ấy quỵn luyến hồi lâu rồi mới nhắm mắt lìa trần.

Sau khi chồng qua đời, người vợ kế liền biểu lộ ý niệm tà ác của mình, đối xử với con riêng của chồng hết sức tàn ác, ngược đãi như súc vật; áo quần, đồ ăn thức uống đều kém xa con mình, lại còn thường xuyên đánh đập mắng chửi.

Tuy thường nằm mộng thấy người chồng đã chết nghiêm khắc trách mắng, song bà ta vẫn tính nào tặc nấy không chịu thay đổi. Mặc dù vậy, đứa con tội nghiệp kia lại hết sức hiếu thuận với mẹ kế, dù người bị đối xử tệ bạc đến đâu cũng đều vui vẻ chịu đựng không hề oán thán.

Đến khi các con khôn lớn, người mẹ kế không muốn chia tài sản cho đứa con trưởng của chồng, nhưng vì sợ

miệng đòi dị nghị nên liền rắp tâm tìm cách hãm hại. Bà ta nghĩ, chỉ cần thằng bé chết đi thì ta không cần phải chia tài sản cho nó nữa mà hàng xóm cũng chẳng ai chê trách được.

Thế là, một hôm bà ta làm bánh rồi lén bỏ thuốc độc vào, gọi đưa con trước cửa chồng về ăn. Bỗng nhiên ngay lúc ấy, mây đen ùn ùn kéo đến che kín cả bầu trời, sấm sét ầm ầm, chớp nhoáng sáng chói. Người mẹ kể trong lòng bất chính, nghe tiếng sấm chớp dữ dội như sắp đánh xuống người mình thì kinh khiếp đến bủn rủn cả tay chân, quỳ mọp xuống đất chắp tay lạy như tể sao, luôn miệng tự xưng tội: “Con biết tội rồi, con biết tội rồi! Lẽ ra con không nên lén bỏ thuốc độc vào bánh để mưu hại con chồng... Con biết tội rồi, xin ông trời tha cho con được sống...”

Đưa con người vợ trước nhìn thấy mẹ kể đang run rẩy khiếp sợ van xin như thế, liền dẫn cả hai đứa em chạy đến, cùng quỳ xuống đất van xin ông trời hãy tha thứ cho mẹ chúng. Hồi lâu sấm sét mới dịu bớt, mây mẹ con cùng dìu nhau đứng dậy. Người mẹ kể vẫn chưa hết cơn run sợ nhưng không khỏi xấu hổ về việc làm xấu xa của mình, liền ôm lấy đứa con chồng khóc lóc xin lỗi, hứa từ nay về sau sẽ không còn ghét bỏ nó nữa.

Từ đó về sau, quả nhiên bà ta thật lòng hối cải, từ bỏ những hành vi ngược đãi đối với con chồng, hơn nữa còn hết lòng thương yêu chăm sóc giống như con mình.

(trích dẫn Tọa Hoa Chí Quả)

20. BỨC CUNG DÂN LÀNH BỊ ĐỘT TỬ

Vương Bá Dương sống vào triều Thanh, làm chức Tư mã kiêm cả chức tri huyện Thượng Hải. Vì thế, những việc

như chiêu mộ tráng đinh, bắt trộm cướp... đều do ông xử lý. Dưới tay ông có hai cha con nhà họ Chu rất hung bạo, võ nghệ cao cường, giúp ông đối phó với bọn trộm cướp.

Một hôm, quân lính tuần tra bắt được một chiếc thuyền trên có 12 người bị tình nghi là cướp biển, liền áp giải đến chỗ quan tri huyện. Vương Bá Dương đích thân thẩm vấn những người này.

Cả 12 nghi phạm này đều một mực kêu oan, kiên quyết không nhận mình là cướp biển. Họ khai làm nghề mua bán muối, hơn một ngàn đồng tiền vàng trong thuyền đều là tiền bán muối, tuyệt đối chẳng phải trộm cắp.

Vương Bá Dương thấy họ kiên quyết không thừa nhận thì giận lắm, liền ra lệnh dùng cực hình tra tấn. Chỉ trong chốc lát, cả 12 người đều bị đánh đập đến khắp người máu me bê bết, thế mà những trận đòn như trời giáng vẫn cứ tiếp tục đổ xuống thân thể họ. Không chịu nổi cực hình, cuối cùng họ phải nhận bừa rằng mình đúng là cướp biển.

Ngày hôm sau, quan quân tiếp tục lùng bắt những người tình nghi là cường đạo. Họ Chu vì để quên đồ vật trên thuyền tuần tra nên đi thuyền ra lấy, bỗng nhiên gặp một cuồng phong kéo đến, sóng gió đập mạnh vào thuyền làm chiếc thuyền nghiêng qua ngã lại, sau đó lật úp kéo theo họ Chu chìm sâu dưới lòng đại dương bao la.

Song Vương Bá Dương vẫn không nhận ra quả báo xấu ác của họ Chu bắt oan dân lành, lại phán quyết 12 người bán muối là hải tặc, lôi ra chém đầu. Quan trên cho rằng Vương Bá Dương có công lùng bắt hải tặc, liền thăng chức cho ông. Nhưng chỉ đến ngày thứ 3 sau khi được

thăng chức thì Vương Bá Dương bị đột tử. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, ông ta luôn kêu thét kinh hoàng, bảo là nhìn thấy có rất nhiều oan hồn đến đòi mạng!

Nhân quả rõ ràng như thế, há có thể không tin được sao?

(trích Tọa Hoa Chí Quả)

21. HAI MƯƠI SÁU NHẤT DAO

Vào đời Thanh có Trình Bá Lân là thương nhân người An Huy, nhiều năm sinh sống ở Dương Châu, tỉnh Giang Tô, hết sức kiên thành tín ngưỡng Bồ Tát Quán Thế Âm.

Mùa xuân năm Ất Dậu, binh lính hỗn loạn kéo đến thành Dương Châu, Trình tiên sinh trong cơn biến loạn thường cầu nguyện Bồ Tát thùy từ cứu độ. Một đêm nằm mộng thấy Bồ Tát Quán Thế Âm dạy rằng:

– Toàn gia đình con có cả thảy 17 người, con nên khuyên bảo mọi người hãy siêng năng niệm Phật, làm lành lánh dữ, chắc chắn sẽ được thoát nạn. Riêng con do ác nghiệp đời trước đã tạo nên ác báo khó tránh.

Trình tiên sinh giật mình tỉnh giấc, nhớ lại lời của Bồ Tát Quán Thế Âm trong mộng, liền tự biết là khó thoát khỏi ách nạn này. Trong lòng ông vô cùng sợ hãi nhưng vẫn cứ tiếp tục kiên thành lễ bái, cầu nguyện, lại còn ra sức cứu giúp những người khốn khổ.

Thời gian sau, tiên sinh lại mộng thấy Bồ Tát dạy rằng:

– Ngày mai sẽ có một bọn đạo tặc kéo đến nhà con, cầm đầu bọn ấy là một người tên Vương Ma Tử. Đời trước

con đã chém ông ta 26 nhát dao, đời này ắt phải trả đủ. Nhưng nếu có sự chân thành cảm hóa thì may ra mới có thể dứt được vòng oan oan tương báo.

Sáng sớm hôm sau, Trình Bá Lân bảo tất cả mọi người trong gia đình đều lánh sang nhà hàng xóm, còn lại một mình ông ngồi giữa gian nhà chính để chờ. Ông còn cho người chuẩn bị một mâm cơm chay thịnh soạn giống như chờ tiếp đãi khách quý.

Quả nhiên, đúng giờ Ngọ thì có một bọn cướp cầm khí giới hùng hổ xông vào nhà. Khi nhìn thấy người cầm đầu bọn cướp, Trình Bá Lân điềm tĩnh lên tiếng hỏi:

– Ông chính là Vương Ma Tử?

Quả nhiên người ấy tên là Vương Ma Tử, liền ngạc nhiên hỏi lại:

– Tại sao ông lại biết tôi?

Trình Bá Lân liền nói:

– Tôi ở lại đây là để chờ đợi ông. Đời trước tôi có mắc nợ ông 26 nhát dao, ngày nay xin trả đủ, ông cứ tùy tiện ra tay.

Ma Tử càng ngạc nhiên hơn, không hiểu tại sao khi vào đây ông quả thật có nảy sinh ý định chém người này 26 nhát dao, nhưng không hề nói ra với bất cứ ai, vì sao người này lại biết rõ? Hơn thế nữa, đã biết rồi mà không chịu đi tránh, lại an nhiên ngồi chờ, làm sao có thể không kinh ngạc?

Vương Ma Tử liền hỏi:

– Vì sao ông biết được việc đó?

Trình Bá Lân liền đem việc Bồ Tát Quán Thế Âm báo mộng đêm qua kể lại tường tận cho Vương Ma Tử nghe. Nghe xong, Vương Ma Tử liền nói:

– Hôm nay tôi mới biết việc Bồ Tát hiển linh là thật có, chuyện nhân quả báo ứng cũng là rõ ràng. Đời trước đã có oan nghiệp với nhau như thế, nếu nay tôi lại chém ông thì chắc chắn sẽ tiếp tục vòng oan oan tương báo. Thôi thì oan nghiệp nên cởi không nên buộc, hôm nay tôi sẽ cùng ông xóa bỏ món nợ này.

Nói xong, Vương Ma Tử liền trở sống dao và chặt lên người Trình Bá Lân 26 lần nhẹ nhẹ, xem như đòi lại đủ 26 nhát dao đời trước. Sau khi mọi việc giải quyết xong, hai người cùng kết nghĩa anh em và tất cả mọi người cùng ăn một bữa cơm chay thân mật.

Từ đó Vương Ma Tử bỏ nghề đạo tặc, giải tán bọn cướp và dạy mọi người sống cuộc sống lương thiện.

Câu chuyện này do cư sĩ Đường Nghi Chi triều Thanh tận mắt chứng kiến, sau đó viết lại.

(trích dẫn Quán Âm linh cảm lục)

22. OAN NGHIỆT SANH MỤT NHỌT

Chùa Quán Âm ở huyện Lâm Hải, tỉnh Triết Giang, trước kia có vị hòa thượng pháp hiệu Hàm Huy, đã hơn 40 tuổi, là người nghiêm trì giới luật.

Một hôm, hòa thượng đang đi tản bộ trên đường, ngang qua một quán bán thịt chó, chủ quán mời mua thịt

chó. Do nghiệp lực chiêu cảm, làm cho vị hòa thượng giới luật tinh nghiêm đó bỗng dưng bị chiêu cảm bởi mùi hương của thịt chó, đột nhiên nước miếng tuôn chảy, thèm thuồng, nghĩ tưởng đến cảm giác ngậm miếng thịt chó vào miệng thích thú vô cùng. Nhưng ngay lập tức thầy xua tan ý nghĩ thèm thuồng đó và vội vàng quay trở về chùa.

Sau khi thầy về chùa, bỗng toàn thân sốt nóng, trên thân dần dần mọc ra 18 cái nhọt độc, mỗi nhọt độc đều có hình giống như đầu người, gây đau đớn không thể chịu nổi. Nếu có người khác nhìn thấy nhọt độc thì đớn đau có phần giảm đi, nhưng nếu che lại không cho người khác thấy thì lập tức đau đớn thấu xương thấu tủy. Tuy đã mời thỉnh rất nhiều thầy thuốc danh tiếng, song tất cả đều bó tay, không chữa trị được.

Sau khi chịu sự hành hạ đau đớn như vậy một thời gian, hòa thượng Hàm Huy liền tự suy ngẫm, đây hẳn là do oan nghiệt ác báo từ đời trước. Thầy liền quì trước hình tượng đức Như Lai, kiên thành tụng kinh Kim Cang, phát nguyện sám hối tất cả những lỗi lầm đã gây ra trong quá khứ và hiện tại.

Một buổi trưa nọ, thầy đang thiu thiu ngủ bỗng như giật mình tỉnh giấc, hoảng hốt thấy 18 cái nhọt độc cùng lúc nhô lên giống như những hình người bị chặt đầu, từ trong yết hầu lại vang ra tiếng hỏi:

– Ông có biết chúng tôi không?

Hòa thượng đáp:

– Tôi không biết.

– Ông không biết thật sao? Vậy tôi sẽ nhắc cho ông nhớ. Vào đời nhà Kim, ông làm chức thống lĩnh binh lính, chúng tôi đều là thuộc hạ dưới quyền của ông. Ông ra lệnh cho chúng tôi canh giữ cửa ra vào chỗ đóng quân. Trong bọn chúng tôi có hai người lên xuống núi, gặp một phụ nữ đi một mình liền cưỡng hiếp. Cô ta về nói với chồng, chồng cô tức giận đến báo với ông. Song ông không chịu điều tra xem ai là người phạm tội, lại hạ lệnh xử chém hết cả 18 người giữ cổng chúng tôi. Hai tên phạm tội cưỡng hiếp, cố nhiên đáng tội chết, nhưng chúng tôi không liên quan gì đến việc làm tội lỗi của họ, lại bị ông xử chém. Oán thù như thế, làm sao có thể không trả? Chúng tôi theo ông đã hơn 200 năm, nhưng ông biết tin theo Phật, những đời trước đều làm thiện tích đức, nay lại xuất gia nghiêm trì giới luật, nên lúc nào cũng có thiện thần hộ pháp theo bảo vệ, chúng tôi không dám xâm phạm. Mới đây nhìn thấy thịt chó ông khởi tâm muốn ăn, như vậy là đã phá giới, khiến thiện thần hộ pháp đều xa lánh, chúng tôi mới có cơ hội báo oán này. Nay ông lại tụng kinh cầu nguyện giải trừ oan trái, vậy chúng tôi cho ông thêm ba năm nữa, sau đó nhất định quay lại lấy mạng ông.

Từ đó, quả nhiên nhọt độc của hòa thượng Hàm Huy không phát tác nữa. Nhưng đúng ba năm sau, chúng phát tác trở lại kịch liệt hơn lần trước, thối rữa và làm cho đau nhức không sao chịu nổi. Những cái nhọt độc oan nghiệt ấy đã hành hạ ông mãi cho đến chết. Than ôi! Chỉ vì xem nhẹ mạng người, giết oan người vô tội nên phải chịu báo ứng. Chuyện nhân quả rõ ràng như vậy, há có thể không tin được sao?

(trích Báo ứng ký thật)

23. QUỐC SƯ NGỘ ĐẠT

Đời vua Đường Ý Tông, ở Trường An có một thầy tăng mắc bệnh ghẻ lở, hằng ngày luôn thất tha thất thiếu trong bộ áo quần rách mướp, mặt mày khô đét, thân hình gầy còm, tay chân lở loét, ai trông thấy cũng nhờm gớm. Thỉnh thoảng một vài người vì động lòng trắc ẩn, biếu cho chút ít thức ăn, ngoài ra không ai dám đến gần hoặc hỏi han điều gì cả, cho nên cũng chẳng ai biết thầy từ đâu đến và bệnh tật ra sao.

Một hôm, trên đường về chùa An Quốc, thầy tình cờ gặp một vị tăng khác là Ngộ Đạt.

Thấy người đồng phạm hạnh trong cơn hoạn nạn, Ngộ Đạt quá thương và cố thỉnh về ở với mình. Trước tấm chân tình và lời lẽ thiết tha, thầy tăng kia nhận lời. Ngộ Đạt đưa vị ấy về chùa, cung kính chăm sóc như bậc thầy. Mỗi buổi sáng, Ngộ Đạt lấy nước nóng rửa lau mụt ghẻ, không hề tỏ vẻ nhờm gớm.

Sau một thời gian khá lâu, thầy thấy bệnh tình đã khá rất hơn rất nhiều nên xin từ giã ra đi. Ngộ Đạt tỏ lòng quyến luyến, cố thỉnh thầy lưu lại thêm ít hôm nữa, nhưng thầy không đồng ý. Thấy vậy, Ngộ Đạt thiết tha xin đi theo để sớm hôm hầu hạ, thầy cũng từ chối nốt. Thầy nói:

— Ngày sau trên đường danh đức, thầy rất hiển đạt. Thầy nên ở lại, đừng theo tôi mà phải chịu cảnh rày đây mai đó, làm mai một khả năng giáo hóa của mình. Nhưng có một điều là sau này thầy phải hết sức chú ý mỗi khi được xưng tán, ca ngợi, vì những sự tôn vinh có thể làm tổn thương đạo hạnh. Tôi rất cảm kích tấm lòng tốt của thầy,

vậy nếu sau này có gặp tai nạn gì thì nên đến tìm tôi ở núi Trà Lũng, Tây Thục, Bành Châu. Cứ lên đến lưng chừng núi, chỗ có hai cây tùng to gọi là Song Tùng Lãnh thì sẽ gặp được tôi.

Dặn dò xong, thầy từ biệt, Ngô Đạt rơm rớm nước mắt, trông theo đến khi khuất bóng mới trở về.

Ngày tháng thấm thoát trôi qua, quả nhiên về sau Ngô Đạt trở thành một vị danh tăng được rất nhiều người kính phục. Bảy giờ, ở kinh đô người người đều biết và khâm phục tài đức của sư. Họ biết sư là một vị sư có tài đức và thuyết giảng giáo pháp rất sâu xa. Sư hiểu biết rộng, hóa độ được nhiều người, tiếng thơm vang khắp nơi.

Vua Ý Tông qua nhiều lần thăm dò thử thách mới thỉnh sư vào cung thuyết pháp. Cách ít lâu sau liền phong sư làm Quốc sư và ban cho một pháp tòa bằng gỗ trầm thơm quý. Đối với người thế gian thì còn có danh vọng nào cao hơn được nữa!

Một hôm, khi đang ngồi trên ghế trầm, sư bèn khởi niệm suy nghĩ rằng mình tài đức không ai bằng, được vua kính, quan phục, trăm họ kính nể, sư cảm thấy thật không còn nấc thang nào cao hơn nữa. Lòng tự đắc dâng lên tột độ, bỗng nghe xây xẩm mặt mày, sư vội bảo đồ đệ dìu vào phương trượng, nằm mê man suốt hai ba giờ sau mới tỉnh lại. Cảm giác trong mình khó chịu, sư biết đã thọ bệnh, liền rờ xuống đầu gối nghe đau, vội vén quần lên, thật hết sức kinh ngạc, một mọt ghẻ giống tạc như mặt người, có đầy đủ mắt, tai, mũi, miệng... Thật đáng kinh sợ!

Sư ngất lịm, các đồ đệ kêu vực mãi mới mở mắt, bỗng nghe dưới mụt ghẻ nghiêng răng, đau buốt thấu xương, quá khổ sở không cách gì cứu chữa. Các danh y trong nước đều được vua mời đến chữa trị cho sư, nhưng mỗi lần thoa thuốc là mỗi lần chết giấc chứ không thấy thuyên giảm chút nào. Nhưng thật lạ, chỉ cần đút thịt vào thì thấy mụt ghẻ ăn ngay và lại nghe trong người dễ chịu, thật là căn bệnh quái lạ xưa nay chưa từng thấy!

Quốc sư Ngô Đạt chịu khổ sở đau đớn như vậy hơn tháng trời. Sư ngẫm nghĩ lại thấy cuộc đời thật bèo bọt vô thường, chẳng có gì bền chắc, danh vọng vật chất cũng chẳng có gì đáng để luyến lưu, ham muốn. Chợt nhớ đến lời của vị thầy già bị bệnh khi xưa, sư như sức tỉnh cơn mộng, quả nhiên nhận biết khổ nạn của mình chắc chắn đã xuất phát từ sự khởi tâm kiêu mạn. Nhận ra điều đó rồi, sư bèn cố gắng cắn răng chịu đựng lên đường sang Tây Thục.

Vất vả khổ sở suốt mấy tuần mới đến được chân núi. Đường dốc quanh co, mãi đến hoàng hôn sư mới tìm ra được dấu vết theo lời mô tả của vị sư già. Kia là hai cây tùng đã lộ bóng, nhưng vị thầy đâu chẳng thấy hình dạng. Nếu không gặp được người, đêm nay chắc phải làm mồi cho thú dữ vì giữa chốn hoang sơ này làm gì có chỗ an toàn để nghỉ qua đêm?

Sư còn đang ngơ ngác nhìn quanh bốn phía, trong lòng lo sợ, bồi hồi thì bỗng nhận ra hình bóng thân yêu quen thuộc của vị thầy ngày xưa hiện ra trên một tảng đá gần đó. Sư kêu to lên một tiếng mừng rỡ rồi quên hẳn cả sự đau đớn, chạy vội đến và leo nhanh lên tảng đá, ôm choàng lấy vị thầy và hỏi han rồi rít.

Sau khi bộc lộ hết những nỗi vui mừng, khao khát của mình rồi, sư vừa khóc vừa kể lại nỗi đau đớn mình đang gánh chịu cho vị thầy nghe. Thầy liền an ủi và dìu Ngô Đạt về thảo am trên lưng chừng núi. Sư thưa:

– Bạch thầy! Kẻ đệ tử đang lâm vào cơn khổ nạn bức bách, khổ sở không bút mực nào tả xiết. Xin thầy rủ lòng từ bi ra tay tế độ, giúp cho đệ tử thoát nạn, ơn đức ấy suốt đời con không bao giờ quên.

– Không hề gì! Không hề gì! Oan nghiệt ông đã vay từ nhiều đời nhiều kiếp về trước, ngày nay phải trả. Ông phải chịu đựng để trả xong món nợ máu ấy mới mong được giải thoát. Đức Thế Tôn khả kính của chúng ta khi xưa còn thị hiện những nạn gươm vàng đâm vế, ba tháng ăn lúa ngựa... huống gì hạng phàm phu chúng ta làm sao thoát được. Nợ mình đã trả thì sẽ hết, nhưng điều quan trọng là đừng vay thêm nữa.

– Bạch thầy! Thầy nói nợ máu là thế nào, đệ tử không sao hiểu được? Xin thầy hoan hỉ giảng cho.

– Chuyện ấy rồi thầy sẽ rõ, vì rồi sẽ có người nói cho thầy biết.

Rạng sáng hôm sau, thầy bảo đồng tử dẫn Ngô Đạt xuống dòng suối gần đó lấy nước rửa ghê. Đồng tử vừa định khoát nước lên rửa thì nghe có tiếng thét từ trong bụi phát ra:

– Khoan, hãy khoan đã. Ta có việc cần muốn nói với ông ấy.

Ngô Đạt còn chưa hoàn hồn đã nghe bụi nói tiếp:

– Tiếng đồn ông là người học rộng, vậy đã từng đọc Tây Hán thư chưa?

Thầy Ngô Đạt đáp:

– Đã từng xem qua vài lượt.

– Vậy ông có nhớ chuyện Viên Áng gièm tâu với vua Cảnh Đế chém chết Triệu Thố ở phía đông chợ không?

– Có nhớ! Nhưng hỏi như vậy để làm gì?

– Chính ông là Viên Áng ngày đó, còn tôi là Triệu Thố đây. Ông hại chết tôi oan ức đến dường nào ông có biết chăng? Thù ấy, oán ấy thâm xương thấu cốt, tôi đã 10 đời luôn ở bên ông tìm dịp báo thù, nhưng trong suốt 10 đời ông luôn làm bậc cao tăng, giới luật tinh nghiêm, tôi phải đành ôm hận, nhưng quyết theo mãi, đến khi nào trả xong mối thù, đòi xong nợ máu mới thôi. Vừa rồi, được dịp thuận tiện, ông vì được vua kính chuộng, ban cho tòa trầm hương, phong làm quốc sư, vinh quang hiển hách, do đó tâm danh lợi nổi lên, khí kiêu căng bừng khởi, làm suy giảm đức hạnh, tôi mới nhân cơ hội đó làm hại ông để đòi món nợ trên. Ngày nay, may nhờ thầy Ca-nặc-ca thương xót ra tay giải cứu cho ông, lại còn dùng nước tam-muội rửa tội. Nhờ thần lực của thầy giúp cho ông và tôi từ đây về sau oán hận không còn, cừ thù tan hết. Vậy kính khuyên ông hãy cố gắng tinh tấn tu hành, viên thành đạo nghiệp. Xin bái biệt!

Ngô Đạt nghe xong, mình nổi đầy gai ốc, đồng thời với tay khoát nước rửa mặt ghẻ, nước vừa chạm đến thịt, sư nghe đau buốt thấu xương, ngắt lịm. Khi tỉnh lại, mặt ghẻ đã lành, da thịt liền lại như xưa, không có chút vết sẹo

nào. Thầy vui mừng đến chảy nước mắt, vội trở lên núi cảm tạ ân đức của tổ, phát nguyện tinh tấn tu hành, không dám giải đãi.

Bộ Thủy sám 3 quyển hiện nay đang lưu hành chính là phương pháp sám hối do quốc sư Ngô Đạt viết ra.

24. THẤY CHẾT KHÔNG CỨU ĐỜI SAU LÀM HEO

Thành phố Hàng Châu, tỉnh Triết Giang có một người hết sức giàu, nhà cửa cao rộng sang trọng. Mùa xuân năm 1926, nhà hàng xóm của người giàu đó bị cháy, trước nhà đã bị lửa cháy cao không thể thoát ra, phía sau giáp tường với nhà người giàu.

Tất cả mọi người trong nhà hàng xóm lớn tiếng kêu cứu, khóc lóc nghe thật bi thảm. Lúc đó, con cái người nhà giàu đều định phá bức tường cứu người, nhưng người nhà giàu ấy ngăn cản:

– Nhờ bức tường đó chắn lửa nên nhà chúng ta mới được bình yên. Nếu phá tường nhất định lửa sẽ tràn qua, lúc đó nhà mình sẽ cùng chung số phận.

Thế là cả nhà người giàu ấy chỉ ngồi nhìn không chịu cứu.

Lát sau, không còn nghe tiếng kêu la nữa, cả gia đình 7 người của nhà hàng xóm đều đã làm mồi cho lửa. Thật bi thảm!

Mùa hè năm ấy, người nhà giàu bị trượt chân ngã xuống chết ngay tại chỗ. Một ngày sau, mấy người con của ông ta đều nằm mộng thấy cha về nói hết sức bi thảm:

– Các con ơi! Do cha thấy chết không cứu, hại người phải chết thảm nên giờ phải đầu thai vào loài súc sinh, làm một con heo của gia đình Triệu A Bảo ở Lâm An. Con heo mẹ của nhà ấy sẽ sinh ra bảy con heo con, trong đó có một con bị què chính là cha đó.

Sáng ra, mấy người con đều lấy làm lạ khi kể cho nhau nghe giấc mộng trùng hợp này, vì người nào cũng nằm mộng thấy y hệt như nhau. Họ lấy làm bán tín bán nghi, liền cùng nhau tìm đến Lâm An hỏi thăm nhà Triệu A Bảo. Quả nhiên tìm được. Sau khi dò hỏi, chủ nhà là Triệu A Bảo cho biết:

– Đúng là tôi hôm qua con heo nái nhà tôi sinh được bảy con heo con, trong đó có một con bị què.

Các con của người nhà giàu liền xin mua lấy con heo què đó, mang về nuôi dưỡng. Chuyện này về sau do chính một người bạn thân của người nhà giàu đó kể lại.

(trích dẫn Nhân quả lục)

25. THAM TIỀN MẤT CON

Theo tiên sinh Diệp Bá Cao, vào thời loạn lạc trước kia có rất nhiều nhà giàu ở khắp nơi đều lên núi Thanh Đảo để lánh nạn. Một buổi sáng sớm, gần thành phố Thanh Đảo, có người đặt một đứa bé mới sinh bên vệ đường, trên mình buộc 700 đồng tiền kèm theo một tờ giấy ghi rằng: “Xin bậc quân tử nhân từ nuôi dưỡng đứa bé này, xin để lại 700 đồng gọi là tiền báo đáp.”

Đó là một số tiền khá lớn vào lúc đó. Có một người đi ngang qua đó sớm, nhìn thấy trên mình đứa bé cột gói tiền

và tờ giấy như vậy, nhưng ông ta chẳng những không nghĩ đến việc nuôi dưỡng đứa bé mà lại ngang nhiên lấy ngay số tiền đó rồi vội vã quay về nhà, bỏ mặc đứa bé nằm đó giữa giữa khóc lóc vì bị côn trùng cắn đốt, cuối cùng phải chết thảm.

Về đến nhà, anh ta lấy ra một đồng đưa cho đứa con trai 8 tuổi của mình. Thằng bé mừng quá lập tức ù té chạy đi mua bánh kẹo, ngờ đâu vừa ra khỏi cổng nhà đã trượt chân té ngã, đầu đập vào một tảng đá, chết ngay tại chỗ.

Người tham lam đó hối hận vô cùng, liền kể lại cho người vợ nghe chuyện lấy tiền của đứa bé bị bỏ rơi bên đường của mình, không ngờ báo ứng đến tức thời khiến con mình phải chết.

Người vợ hết sức kinh tởm trước việc làm vô đạo đức của chồng, lập tức đến báo với nhà chức trách. Người ấy liền bị bắt và chịu phán quyết tội danh giết người...

(trích Nhân quả lục)

26. CHA MẸ LÀ PHẬT

Dương Phủ người huyện Thái Hòa, tỉnh An Huy, do căn lành đã trồng sâu nên tiên sinh sớm thể hội cuộc đời vô thường, sớm còn tối mất, công danh như bọt nước ngoài khơi, liền lập chí xuất gia sống đời tỉnh thức. Nghe nói đạo hạnh của Đại sư Vô Tế ở Tứ Xuyên hết sức cao thâm, vì muốn thân cận minh sư liền từ biệt song thân đến Tứ Xuyên tìm thầy cầu đạo. Vừa mới vào địa phận tỉnh Tứ Xuyên, tiên sinh may mắn gặp một vị hòa thượng đã gần 70 tuổi. Tiên sinh cung kính đánh lễ lão hòa thượng. Lão hòa thượng từ tường hỏi:

– Con từ đâu đến đây, đến Tứ Xuyên có việc gì không?

Dương tiên sinh cung kính chấp tay đáp:

– A-di-đà Phật! Kính bạch thầy, con ở tỉnh An Huy, muốn đến Tứ Xuyên tham học với Đại sư Vô Tế.

– Con muốn gặp Đại sư Vô Tế, như thế không bằng thấy Phật.

– A-di-đà Phật! Kính bạch thầy, đương nhiên con rất muốn gặp Phật, nhưng quả thật con không biết Phật ở đâu, thỉnh lão hòa thượng từ bi chỉ bảo?

– Vậy con hãy lập tức trở về nhà, nếu gặp người nào trên thân khoác cái chăn bông, chân mang dép ngược, người ấy chính là Phật.

Dương Phủ nghe lão hòa thượng nói thế, hết sức vui mừng, tin nhận không chút nghi ngờ. Ngay lập tức tiên sinh cáo biệt lão hòa thượng, lên đường về quê. Trèo núi vượt đèo hơn cả tháng trời mới về đến nhà. Lúc đến nhà, mặt trời đã xuống núi từ lâu, các ngọn đèn trong xóm cũng dần dần thừa thốt, ông gõ cửa gọi mẹ:

– Mẹ ơi! Con vừa về, mẹ ra mở cửa cho con.

Người mẹ nghe tiếng đứa con trai của mình gọi thì mừng vui khôn tả xiết. Tuy ông bà đồng ý cho con xuất gia học đạo, nhưng trong lòng bà vẫn luôn nhớ nhung khôn nguôi, lúc nào cũng dõi theo từng bước chân của con. Vì thế, vừa nghe tiếng con thì bà vui mừng luýnh quýnh, lật đật ngồi dậy bước vội xuống giường, không kịp mặc áo,

kéo đại cái chăn bông khoác lên người, lúi quúi mang dép ngược, vội vội vàng vàng chạy ra mở cửa đón con...

Dương Phủ nhìn thấy mẹ khoác chăn bông, chân mang dép ngược chạy ra, tức thời nhớ lời hòa thượng và nhận hiểu được ngay ý nghĩa: cha mẹ chính là Phật sống trong nhà.

Từ đó về sau, ông hết lòng hiếu thuận, phụng dưỡng song thân. Về phương diện vật chất, ông luôn cố gắng cung dưỡng đầy đủ; còn về phương diện tinh thần, ông luôn tự mình làm nhiều việc tốt để cha mẹ vui lòng.

Dương Phủ hưởng thọ đến 80 tuổi, lúc sắp lâm chung vẫn an nhiên tự tại, đọc bốn câu kệ trong kinh Kim Cang rồi an tường ra đi. (trích Đức Dục Cổ Giám)

PHẦN 4

27. LÒNG HIẾU CẢM ĐỘNG MÃNH HỒ

Dư Nhất Bằng người huyện Ngân, tỉnh Triết Giang. Bình sinh tiên sinh hết sức hiếu thuận với cha mẹ, do cảnh nhà nghèo khổ túng thiếu nên phải tạm xa cha mẹ đi nơi khác mưu sinh, đến một thôn trang ở Hải Tân dạy học.

Một buổi tối, tiên sinh nằm mộng thấy chuyện lạ, giật mình tỉnh giấc nói với người chủ nhà:

— E rằng cha tôi ở quê bị bệnh nặng, tôi xin phép được về nhà thăm cha gấp.

Trên đường về nhà đi ngang qua một ngọn núi vắng, bỗng gặp một con hổ rất lớn. Do tâm chí thành muốn được về thăm cha nên tuy đối diện với nguy hiểm như thế mà Dư Nhất Bằng vẫn bình tĩnh không chút sợ hãi, thậm chí cầu nguyện trong lòng một cách hết sức thành khẩn: “Phụ thân ta bị bệnh nặng, phải gấp rút trở về hầu hạ chăm sóc; xin lão hổ thương tình, không nên cản trở bước đường của ta.”

Thật kỳ lạ, dường như con hổ đó hiểu được nỗi lòng của tiên sinh, nó tỏ ra hết sức cảm động, quay đầu bỏ đi.

Dư Nhất Bằng về đến nhà, phụ thân của ông trước đó đã bị hôn mê bất tỉnh, không còn biết gì cả. Lạ thay, vừa lúc ông về đến liền tươi tỉnh trở lại, nói:

– Con yêu của cha! Trên đường con trở về có gặp hổ không?

Dư Nhất Bằng lấy làm lạ, hỏi lại:

– Quả là con có gặp hổ, nhưng làm sao cha biết được?

Người cha nói:

– Lúc nãy cha bị người ta bắt đưa xuống minh phủ, nghe hai người mặc áo lụa đào nói chuyện, mới biết được thọ mạng của cha đã hết. Song do lòng hiếu thuận của con nên khiến cho mãnh hổ cũng cảm động bỏ đi, mà cha đây cũng được sống thêm một giáp nữa.

Sau đó, bệnh tình của phụ thân ông quả nhiên thuyên giảm, rồi sống đúng một giáp nữa mới là trần.

(trích Đức Dục Cổ Giám)

28. LIỀU CHẾT CỨU CHA

Phan Tổng là người huyện Ngô Hưng, tỉnh Triết Giang. Gặp lúc Tôn Ân làm loạn, giặc cướp nổi lên khắp nơi. Phan Tổng sống với người cha già đã hơn 70 tuổi, đi lại rất khó khăn. Trong cơn hỗn loạn, Phan Tổng phải cõng cha chạy nạn. Vì cõng cha trên lưng nên không thể chạy nhanh theo kịp mọi người, xem ra rất dễ rơi vào tay bọn giặc cướp.

Người cha già liền bảo Phan Tổng:

– Cha tuổi già sức yếu không thể chạy trốn được, nhưng tuổi con còn trẻ, sức khỏe dồi dào, nếu chạy một mình thì có thể thoát khỏi tay giặc cướp. Nếu cõng cha theo thì con sẽ chạy rất chậm, nhất định sẽ bị bọn giặc cướp làm hại. Thế thì cả hai cha con ta đều gặp nạn, chỉ bằng con cứ chạy một mình đi, như vậy sẽ bảo toàn được tính mạng cho con.

Phan Tổng tuy nghe cha hết lời khuyên nhủ như thế nhưng vẫn nhất định không chịu bỏ cha lại để thoát thân một mình. Chàng cõng cha theo trên đường chạy loạn, kết quả là bị bọn giặc cướp bắt được. Thấy chúng hùng hổ tiến đến, chàng quỳ xuống van xin:

– Cha tôi đã hơn 70 tuổi, xin các người hãy thương tình buông tha, bảo toàn tính mạng cho ông ấy!

Nghe con nói vậy, người cha cũng cũng quỳ xuống cầu xin:

– Con trai của tôi tuổi còn trẻ, lẽ ra đã có thể chạy thoát được rồi, nhưng vì không nỡ bỏ tôi nên quyết định ở lại.

Tôi đã già, dù chết cũng không có gì đáng nói, chỉ cầu xin các người hãy tha cho tính mạng của nó.

Khi ấy, có một tên cướp vung dao định chém người cha, Phan Tổng lập tức lao tới nhanh như tên bắn, ôm chặt lấy cha, đưa lưng nhận lấy lưỡi dao hung hãn đó. Tên cướp bị bất ngờ hơi chùng tay lại nên đường dao lệch sang chém xuống bả vai Phan Tổng, máu tuôn lai láng, khiến chàng trai nhất thời hôn mê bất tỉnh. Ngay khi ấy có một tên cướp khác chạy đến, nói với đồng bọn:

– Người thanh niên này liệu chết cứu cha, là hiếu tử rất đáng quý, sao có thể giết anh ta được? Giết hiếu tử là việc làm báo hiệu điềm xấu, trời đất không tha, chúng ta nhất định không được giết.

Nghe vậy, cả bọn liền vội vàng lo cứu chữa, băng bó vết thương cho Phan Tổng. Sau đó, họ còn cử người đưa hai cha con trở về nhà an toàn.

(trích Đức Dục Cổ Giám)

29. NÀNG DÂU HIẾU THOÁT HỎA HOẠN

Vào năm Canh Tý, niên hiệu Càn Long nhà Thanh, trên đoạn đường Trúc Tà ở Bắc Bình xảy ra hỏa hoạn. Trận hỏa hoạn này làm thiệt hại hơn trăm ngôi nhà, số người chết và bị thương có hơn ngàn người, hết sức thảm, còn số tài sản bị tổn thất càng không thể kể xiết.

Trong khi lửa cháy phừng phừng, thiêu rụi tất cả, khắp nơi nhà cháy tường ngã trông thật kinh người, nhưng lạ thay có một ngôi nhà cũ kỹ rách nát lại vẫn bình yên trong biển lửa.

Vì sao lại có chuyện lạ kỳ đến ngoài sức tưởng tượng như thế? Theo lời người dân ở đó kể lại thì trong ngôi nhà cũ kỹ rách nát đó chỉ có hai người sống. Một lão bà đã hơn 60 tuổi và đứa con dâu mới hơn 20 tuổi. Mẹ chồng và nàng dâu cùng nương nhau để sống từ nhiều năm qua, từ khi con trai của bà lão không may qua đời vì tai nạn. Mọi người đều khuyên cô vợ trẻ nên tái giá, nhưng cô kiên quyết chối từ vì thương mẹ chồng già yếu lại có bệnh, không thể thiếu sự chăm sóc của cô. Vì hiếu thảo với mẹ chồng mà chấp nhận hy sinh cả tuổi thanh xuân của mình, quả thật là một nàng dâu hiếm có trên đời!

Suốt mấy năm dài, cô gái trẻ hết lòng chăm sóc dưỡng nuôi bà mẹ chồng già yếu bệnh hoạn mà không một lời than oán, nét mặt không biểu lộ vẻ mệt mỏi. Thật là một việc làm không khỏi khiến cho tất cả mọi người đều kính phục.

Trong khi xảy ra trận hỏa hoạn, người mẹ vì bệnh hoạn không thể chạy ra, đứa con dâu sức yếu cũng không biết làm sao đưa mẹ đi tránh lửa, nhưng cũng quyết không bỏ mẹ chồng lại để chạy thoát thân. Chẳng bao lâu, họ nhìn ra chung quanh thấy lửa dậy phừng phừng không còn biết nơi nào có thể trốn tránh được nữa. Hai mẹ con chỉ còn biết ôm nhau chờ chết. Kỳ lạ thay, vào lúc ngọn lửa dữ đang phừng phừng thiêu rụi những ngôi nhà xung quanh và kéo đến gần sát nhà của hai mẹ con cô thì bỗng có cơn gió mạnh thổi đến, đẩy ngọn lửa sang một hướng khác. Nhờ đó ngôi nhà cũ kỹ rách nát mới thoát được cơn hỏa hoạn và cả hai mẹ con đều được an toàn trong đó.

Sau chuyện này, mọi người chung quanh đều bảo nhau rằng đó chính là do lòng hiếu thảo của cô con dâu đã cảm động thấu trời xanh, khiến cho xảy ra điều kỳ diệu cứu thoát cả hai mẹ con trong biển lửa.

(trích Loan Dương Hạ Lục)

30. LÒNG HIẾU CẢM ĐỘNG HÀI CỐT CHA

Cuối đời nhà Chu có pháp sư Đạo Phi người làng Quý Trụ, Trường An, tỉnh Thiểm Tây. Từ nhỏ thầy đã nuôi chí nguyện xuất gia, đến năm 7 tuổi thì chính thức xuất gia nhập đạo. Năm thầy 19 tuổi, Trường An xảy ra chiến tranh loạn lạc, thầy đưa mẹ lên Hoa Sơn lánh nạn, hai mẹ con trú trong một hang động. Thời cuộc nhiễu nhương, đời sống khó khăn, việc khát thực hằng ngày thật cũng không dễ dàng, thầy chỉ thường xin được chút đỉnh thức ăn vừa đủ nuôi mẹ, còn phần mình phải ăn rau dại trái rừng đắp đổi qua ngày.

Mỗi bữa ăn, người mẹ đều hỏi thầy:

– Con à! Con đã ăn no chưa?

Mặc dù bụng đói cồn cào nhưng vì sợ mẹ lo lắng nên thầy luôn cung kính đáp rằng:

– Thưa mẹ! Con đã ăn rất no rồi ạ!

Cha thầy trước đây từng tham gia chiến trận và bỏ xác tại Hoắc Sơn. Mẹ thầy vì quá thương nhớ chồng nên rất mong muốn tìm được hài cốt của chồng về an táng. Một hôm, bà nói với thầy:

– Con à! Cha con đã bỏ xác trong trận chiến tại Hoắc Sơn, hiện nay hài cốt vẫn còn không biết đang nằm lạnh lẽo ở nơi đâu. Con hãy đi tìm hài cốt của cha con về an táng để mẹ được sớm hôm nhang khói cho ông.

Pháp sư vâng lời mẹ, lập tức lên đường đến Hoắc Sơn tìm kiếm hài cốt của cha. Nhưng đến nơi rồi, thầy nhìn thấy khắp nơi trên bãi chiến trường toàn là xương trắng, bộ xương nào cũng giống hệt như nhau, không thể phân biệt để biết được bộ xương nào là di cốt của cha thầy.

Thầy liền ở lại ngay trên bãi chiến trường xưa, ngày đêm tụng kinh niệm Phật, phát nguyện rằng:

– Hôm nay con hết lòng muốn tìm lại hài cốt của cha, nguyện cho trong bãi xương trắng này, nếu bộ xương nào có thể tự nhiên chuyển động thì đó chính là di cốt của cha con.

Thầy đem hết tâm ý thiên quán nhiều ngày ngay giữa bãi chiến trường xưa còn đầy sát khí mà lòng không chút nao núng, sợ sệt, chỉ luôn một lòng nghĩ đến việc cố tìm cho được hài cốt của cha. Ban ngày thầy đi lang thang giữa bãi xương trắng, mắt chăm chú nhìn vào từng bộ xương; đêm đến thầy lại chuyên tâm tụng kinh niệm Phật, trải qua suốt nhiều ngày như vậy.

Thế rồi một hôm, trong lúc thầy đang chăm chú nhìn vào một bộ xương trắng, bỗng thấy từng đoạn xương như tự nhiên động đậy. Thầy tiếp tục chú tâm quan sát, lát sau lại thấy nhiều đoạn xương đã văng ra cách đó một khoảng xa cũng tự nhiên di chuyển và cuối cùng ghép lại thành một bộ xương hoàn chỉnh. Thật là kỳ lạ đến mức không sao

tưởng tượng được! Thầy tin chắc đó là do tâm thành của mình đã có được sự cảm ứng, nên đây chắc chắn là hài cốt của cha thầy.

Thế là thầy thu nhặt trọn bộ hài cốt đó cho vào một cái túi vải rồi lập tức lên đường về nhà. Lạ thay, chính ngay trong đêm đó mẹ thầy nằm mộng thấy chồng về báo rằng con trai đã tìm được hài cốt của ông.

Quả nhiên, chỉ mấy hôm sau thì pháp sư Đạo Phi đưa hài cốt cha về đến nhà. Cứ theo những sự linh ứng trùng hợp này thì nhất định sự tìm kiếm của thầy đã đạt được kết quả chính xác, không thể có nhầm lẫn. Thầy liền tổ chức lễ an táng hài cốt của cha thật nghiêm trang, kính cẩn.

Về sau, pháp sư Đạo Phi thường được nhà vua thỉnh vào cung thuyết pháp và ngài đã dùng giáo pháp giải thoát của đức Phật để cảm hóa đức vua cũng như nhiều vị quan chức đương triều, giúp họ biết làm lành lánh dữ, tạo phúc cho dân. Vì thế, pháp sư luôn nhận được sự kính trọng đặc biệt của nhân sĩ khắp nơi, từ trong cung cho đến bên ngoài.

Lòng hiếu thảo như pháp sư Đạo Phi thật đáng kính phục thay! Ngài tự mình chịu đói để dành cơm nuôi mẹ, lại dùng tâm chí thành để cảm ứng tìm được hài cốt của cha, thật là bậc đại hiếu, có thể nói là xưa nay hiếm thấy, có thể làm tấm gương sáng để muôn đời noi theo.

(trích Cao tăng truyện)

31. GUƠNG HIẾU THUẬN

Vào triều Minh, tại làng Phú Mỹ, quận Linh Lăng có một người phụ nữ góa chồng, người ta thường gọi là bà Mã Ôn. Gia cảnh bà chỉ vừa đủ ăn, có hai đứa con trai là Mã Văn và Mã Võ, đều được bà lo cho ăn học đàng hoàng.

Mã Văn lanh lẹ, học hành thông suốt, năm 12 tuổi đã nổi danh khắp huyện, còn Mã Võ tính tình chậm lụt, học hành không có tiến bộ, đành trở về nhà lo chuyện buôn bán làm ăn.

Một hôm, bà Mã Ôn gọi Mã Văn vào bảo:

– Con à! Nay con cũng đã 17 tuổi rồi, mẹ lại già nua, vậy con xin phép nghỉ học ít hôm, ở nhà để mẹ lo việc cưới vợ cho con, để một mai mẹ có nhắm mắt cũng được yên lòng phần nào.

Mã Văn nghe mẹ nói đến chuyện lập gia đình liền vòng tay cung kính thưa:

– Thưa mẹ! Mẹ dạy con đâu dám cãi lời, nhưng con nghĩ hiện nay con có ba điều chưa nên cưới vợ. Thứ nhất, dâu hiền khó kiếm, duyên nợ khôn lường. Nếu may gặp được duyên lành thì chẳng nói làm chi, còn ngược lại như gặp duyên xấu, cưới nhắm người vợ không được hiểu thuận, e rằng chỉ càng làm cho mẹ phải thêm một nhọc lo lắng mà thôi. Thứ hai, ân đức sinh thành dưỡng dục của cha mẹ khác nào như trời cao đất rộng, thăm thăm mênh mông, từ khi con lớn khôn đến nay, nỗi khó nhọc của mẹ cũng chưa vơi được bao nhiêu, thế mà nay đã phải nhọc nhằn lo bề gia thất cho con, lòng con thật áy náy. Thứ ba, con làm thân nam nhi mà chưa lập được chút công danh sự nghiệp gì, nay đã vướng vào đường thê tử, e rằng như vậy

sẽ không còn có dịp để làm rạng rỡ tông đường. Thưa mẹ, việc cưới vợ con nghĩ cũng không gấp gáp gì, đợi sau khi con công thành danh toại rồi sẽ tính cũng chẳng muộn màng chi, xin mẹ hãy nghĩ lại.

Không ngờ bà Mã Ôn nghe con nói thế lại nổi giận ùng ùng, lập tức lớn tiếng quát mắng:

– Nay mẹ đã già rồi, việc cần làm thì mẹ bảo con làm, tuyệt đối con không được cãi lại. Mẹ nay đã gần đất xa trời, cả hai anh em con đều khôn lớn cả, nếu lúc này không lo cưới vợ về phụ giúp công việc trong nhà thì còn đợi đến bao giờ nữa? Hay là con muốn thấy mẹ làm lưng vắt và suốt ngày, hết lo ngoài lại đến lo trong, từ những việc xách nước, giã gạo, nấu cơm, quét nhà... đều chẳng có ai thay mẹ? Hơn nữa, những lúc trái gió trở trời, ốm đau bệnh tật, có ai là người giặt giũ hong phơi áo quần cho mẹ, ai là người chăm sóc thuốc thang, lo chuyện cơm cháo cho mẹ? Chẳng lẽ con phải bỏ cả chuyện học hành để lo những chuyện đó?

Mã Văn nghe mẩu thân lớn tiếng rầy la thì sợ sệt, cung kính thưa:

– Thưa mẹ! Xin mẹ bớt giận, thật lòng con đâu dám cãi lời mẹ dạy, cũng muốn có thêm người nhà để đỡ đần mọi việc giúp mẹ. Nhưng con thấy gia đình mình còn nghèo, tiền gạo thiếu trước hụt sau, sợ mẹ lo lắng nhiều việc sinh bệnh nên mới xin trì hoãn việc này. Nếu ý mẹ đã quyết thì con xin nghe, tuyệt đối không dám cãi lại nữa!

Mã Văn lại theo vuốt ve năn nỉ hồi lâu bà Mã mới chịu nguôi giận. Bà nói:

– Mẹ chỉ nói ra cho con biết thế thôi, chứ việc này mẹ đã tự có chủ ý sắp xếp xong xuôi cả rồi. Mẹ đã dò hỏi được ở làng Phước Khê cách đây chừng 15 dặm có con gái nhà họ Đào tên là San Hô, năm nay vừa tròn 18 tuổi, phong thái yếu điệu, thân hình đầy đặn, nhan sắc chim sa cá lặn, công hạnh vẹn toàn. Gia đình ấy cũng là nhà có lễ nghĩa, mẹ đã mang lễ đến cầu hôn rồi, định ngày mừng 9 tháng này sẽ tổ chức hôn lễ. Nay chỉ còn có 5 ngày nữa mà thôi, con phải lo sửa soạn ngay đi cho kịp.

Mã Văn nghe mẹ nói vậy thì thấy không còn gì để bàn thêm, liền đứng dậy chào mẹ lui ra, sau đó lo dọn dẹp nhà cửa, sắp đặt các việc từ trong ra ngoài chu đáo. Đúng ngày mừng 9, chàng đem sính lễ sang nhà họ Đào, rước thẳng cô dâu về nhà lễ bái tổ tiên, ra mắt mẹ chồng rồi làm lễ hợp cẩn luôn trong ngày ấy.

Mối lương duyên này quả đúng là trai tài gái sắc. Từ khi hai người nên duyên cầm sắc, đẹp phận xứng tùy, một chữ đồng tâm thề cùng non nước. Mọi người ai cũng cho rằng đôi vợ chồng sẽ hòa hợp cùng nhau trăm năm tơ tóc, gắn chặt keo sơn, ngờ đâu chưa được bao lâu thì đã gặp phải sự tình trắc trở.

Từ khi nàng San Hô về làm dâu nhà họ Mã, mẹ con hòa nhã, chồng vợ vui vầy, tưởng như cảnh hạnh phúc chốn trần gian không còn gì hơn thế nữa. Nhưng chỉ được hơn một năm qua thì chẳng biết duyên có vì sao bà Mã Ôn bỗng sinh lòng ác cảm, đối xử với nàng dâu như kẻ thù nghịch, lúc nào cũng tỏ ra vẻ như căm ghét nàng đến tận xương tủy. Mỗi khi thấy nàng mặc áo quần lạnh lặn, bà liền mắng chửi là “đồ bán hình bán dạng”, còn thấy nàng mặc áo quần

rách rưới, bà lại lớn tiếng bảo là “có ý đồ bêu xấu, bôi tro trét trấu tởm tiên nhà họ Mã”. Đến bữa ăn, dù cơm chín bà cũng bảo là sống, dù canh ngon bà cũng bảo là dở, rồi nặng lời chê bai đủ điều... Nhà cửa tuy lúc nào cũng được nàng dâu quét dọn sạch sẽ, nhưng bà luôn miệng chê là dơ nhớp. Suốt ngày nín lặng thì bà chửi là “câm như hến”, mở miệng ra nói thì bà quát tháo là “lẳng lơ, nhiều chuyện”. Thậm chí đến chuyện đi đứng của nàng dâu cũng bị bà bắt lỗi, khóc cười cũng là có tội... Dường như chỉ cần thấy bóng nghe tiếng của nàng dâu là đã đủ để cho bà căm ghét, bực tức, nên không có chuyện gì liên quan đến nàng mà bà không bắt bẻ, day nghiền...

Mã Văn tuy cũng nhận ra sự vô lý của mẹ mình, nhưng chàng vốn là người con hiếu thuận, không bao giờ dám làm điều gì trái ý mẹ. Vì thế, biết mẹ không ưa thích nên chàng cũng không bao giờ dám tỏ vẻ yêu thương âu yếm người vợ trẻ. Bởi vậy mà vợ chồng sống chung một nhà nhưng vợ không dám nói chồng, chồng không dám nhìn vợ, chẳng lúc nào dám gần gũi trao đổi với nhau dù chỉ một đôi lời.

Mặc dù vậy, bà Mã Ôn cũng chưa thấy hài lòng, nên không tiếc lời đặt điều thù dệt để trách mắng cả con trai, bảo là Mã Văn quá nuông chiều vợ, không ngó ngàng gì đến bà...

Nhưng rồi sự việc cũng không dừng lại ở đó. Thật không thể nào hiểu nổi vì sao mà lòng căm ghét của bà Mã Ôn đối với nàng dâu San Hô lại mỗi ngày một tăng thêm, mặc dù nàng hết sức hiếu thuận, luôn dịu dàng hòa nhã và chưa bao giờ dám cãi lại bà dù chỉ một lời. Công việc nhà

từ sớm đến tối nàng luôn tận tụy thu xếp trong ngoài đều chu đáo, chưa từng bê trễ bất cứ việc gì. Thế nhưng bà vẫn thấy ghét cay ghét đắng nàng dâu này, chỉ cần nhìn thấy mặt nàng trong nhà là bà đã cảm thấy ăn không ngon, ngủ không yên...

Thế là một hôm bà quyết định bảo Mã Văn viết giấy ly hôn, bỏ vợ. Mã Văn cảm thấy bất ngờ choáng váng trước quyết định của mẹ, nhưng đứng trước tình cảnh ấy, quả thật chàng cũng không biết phải làm sao. Nếu thuận theo ý mẹ mà ruồng bỏ nàng San Hô thì quả thật là bất công vô lý, vì nàng dâu có tội lỗi gì, ngược lại còn là một người vợ hiền hiếm có, một nàng dâu mẫu mực ngoan hiền. Nhưng nếu không nghe theo thì trái ý mẹ già, sợ làm cho bà giận tức mà sinh bệnh, hại đến sức khỏe hoặc tính mạng thì thật không tránh khỏi tội bất hiếu. Quả là khó xử biết bao!

Chàng nghĩ đi nghĩ lại nhiều lần mà vẫn chẳng biết phải làm sao cho phải đạo, liền đến thưa với mẹ:

– Thưa mẹ! Vợ con còn nhỏ dại, ăn ở không vừa ý mẹ nên mẹ bảo con đuổi nàng đi, việc đó con cũng không dám cãi. Nhưng nếu đuổi nàng đi rồi, mẹ lại phải lo lắng cưới vợ khác cho con, như thế há chẳng phải thêm phần khó nhọc, hao tâm tổn trí của mẹ lắm sao? Lại nếu như con cưới nhầm người vợ khác cũng dại dột như San Hô thì biết tính làm sao? Nếu đuổi đi nữa thì không khỏi mang tiếng xấu với đời, còn không đuổi đi thì thêm nhọc lòng mẹ. Con xin mẹ suy xét lại, thương tình con mà bỏ qua cho. Dù mẹ không thương vợ con, xin hãy xem như đã bỏ nó đi, chẳng phải dâu con gì nữa mà chỉ như người giúp việc trong nhà. Vậy cứ để nàng ở nơi nhà bếp, sai bảo công việc hằng ngày

để mẹ được thông thả. Chỉ cần mẹ bằng lòng như thế cũng được, con nghĩ vợ con cũng không dám oán than gì, chẳng hay mẹ có bằng lòng hay không?

Những tưởng Mã Văn đã xuống nước đến như vậy chắc bà Mã Ôn sẽ hài lòng, vì xưa nay chưa từng thấy có người vợ chính thức nào lại phải chịu chấp nhận thân phận như một người giúp việc, phải ăn ở nơi nhà bếp... Xem ra thì việc hành hạ đay nghiến một con người cũng chỉ đến thế là cùng! Nào hay bà Mã Ôn lập tức nổi cơn thịnh nộ, quát tháo lung tung, quyết làm sao cho Mã Văn phải dứt tình với vợ thì bà mới chịu thôi!

Mã Văn chịu đựng những lời cay nghiệt của mẹ như búa bổ vào đầu, dao đâm vào ruột, biết là không còn cách nào khuyên giải bà được nữa, đành phải viết giấy ly hôn, đau đớn dứt tình với nàng San Hô.

Đáng thương thay! San Hô là người con gái nết na thùy mị, đức hạnh vẹn toàn, từ khi về nhà chồng chưa hề phạm phải một lỗi lầm nào, dù chỉ là nhỏ nhặt. Dù bị mẹ chồng cay nghiệt ghét bỏ, nàng vẫn một lòng thuận thảo, sớm hôm hết lòng hầu hạ chăm sóc, thế mà nay phải chịu cảnh bị gia đình chồng ruồng bỏ đuổi đi. Tình cảnh này quả thật là đau oan uổng biết dường nào!

Trong xã hội ngày xưa, người phụ nữ sau khi lấy chồng là xem như đã phụ thuộc hẳn vào gia đình nhà chồng. Hơn thế nữa, nếu người nào bị chồng bỏ thì bị xem như đó là cả một mối nhục rất lớn cho gia đình cha mẹ ruột. Vì thế, nếu khăn gói trở về nhà cha mẹ thì có khác nào làm nhục mẹ cha, khiến cho họ hàng cô bác xóm giềng đàm

tiểu. Vì thế, nàng San Hô quyết định dù sao cũng không thể trở về nhà cha mẹ.

Nàng mang gói hành lý thất thểu bước ra khỏi nhà họ Mã, ruột rời như tơ vò. Nhớ lại những ngày làm dâu họ Mã, từ khi gà vừa gáy thì nàng đã thức giấc, dâng nước rửa mặt, dâng trà nóng buổi sáng cho mẹ; vừa sáng ra đã lo quét tước trong ngoài sạch sẽ, lại nấu cơm, giặt giũ, xay lúa, giã gạo... chịu đủ trăm bề khổ cực, lúc nào cũng chiều theo ý mẹ chồng, thế mà nay đành phải ôm gói ra đi, thân gái dặm trường không nơi nương tựa... Càng nghĩ nàng càng thấy trong lòng đốn đau tủi nhục, không biết làm sao sống nổi trong những ngày sắp tới...

Nàng San Hô vừa bước đi mấy bước đã thấy lòng nặng trĩu như đeo đá, nhìn về phía trước mịt mờ tăm tối không còn chút hy vọng sáng sủa nào... Nàng lặng lẽ ngồi xuống một gốc cây bên đường. Trong một thoáng buồn đau tột độ, nàng rút con dao nhỏ mang theo trong người đâm thẳng vào yết hầu tự vẫn...

oo0oo

Nàng San Hô tự tay muốn kết liễu cuộc đời khốn khổ bất hạnh của mình, ngờ đâu duyên nghiệp vẫn còn chưa dứt, trong lúc máu tuôn lai láng, nàng ngã xuống ngất xỉu bên đường bỗng mơ màng ngược lên nhìn thấy một vị Bồ Tát thân mặc áo trắng hiện ra trong đám mây bạc, có tòa sen vàng đỡ gót, lọng báu che thân, dáng vẻ trang nghiêm từ hòa, tay cầm tịnh bình và hành dương liễu, dịu dàng nói:

– Này con ơi, vì sao lại đại đột muốn tự hủy hoại thân mình như thế? Mọi việc ở đời đều do nhân quả, đều có nguyên do. Nếu con không có tội lỗi gì, đâu có lẽ nào lại vô duyên vô cớ mà phải chịu bao nỗi đắng cay khổ nhục? Chẳng qua con không nhớ được những việc làm sai trái trong tiền kiếp của mình đó thôi. Nay ta sẽ nhắc lại cho con được biết. Trong một kiếp trước, con là một thư sinh con nhà giàu có, tên là Phan Đức Tuấn, đã kết duyên với một người con gái tên Kiều Phi Nga. Duyên tình đang nồng thắm thì con có việc đi lên kinh thành, sau đó ham mê những thú vui chơi nơi thành thị mà quên hẳn người vợ chốn quê nhà, khiến cô ấy phải phòng không chiếc bóng, lạnh lẽo trông chờ năm này sang năm khác. Lại còn một kiếp khác con làm thân gái, tên là Phạm Ngọc Hà, cũng sinh trong nhà giàu sang, phú quý, kẻ hầu người hạ rất đông. Tuy vậy, chỉ có một người hầu gái được con yêu mến nhất, chủ tớ tương đắc lúc nào cũng kề cận bên nhau. Rồi người hầu gái ấy không may bị bệnh nặng, ghẻ chốc đầy người, mùi hôi hám không ai chịu nổi. Khi ấy con chẳng sinh lòng thương xót chăm sóc, lại ghét bỏ nó, đuổi ra khỏi nhà. Người hầu gái đó vốn là trẻ mồ côi, từ nhỏ đã không nơi nương tựa, không họ hàng thân thích, nên khi bị đuổi thì hết lời khóc lóc van xin, nhưng con không chút động lòng vẫn nhất quyết đuổi đi. Con hãy nghĩ xem, tình cảnh con phải gánh chịu ngày nay có khác gì cô Kiều Phi Nga xa chồng ngày trước? Lại có khác gì người hầu gái bị đuổi khỏi nhà trong lúc ốm đau? Những khổ đau ấy đều là do chính con đã gây ra cho người khác, nay chúng tìm đến với con, chẳng phải là hợp lẽ lắm sao? Nhưng dù sao thì những món nợ ấy con đã trả gần xong hết, mà phước đức con gieo trồng từ nhiều đời trước cũng sắp đến lúc được thọ hưởng.

Con ngày trước vẫn thường trì niệm danh hiệu của ta, thường làm nhiều việc nhân đức cứu giúp người khác, nên hôm nay ta đặc biệt đến đây giúp con thoát khỏi tai nạn này. Nay con, mẹ chồng con có một người chị tên là Châu thị, nhà ở làng Cẩm Xuyên cách đây hơn 8 dặm đường. Bà ấy là người hiền lành phúc hậu, con có thể tạm đến đó xin nương náu qua ngày, không lâu nữa sẽ đến lúc lại được sum họp một nhà.

Vị Bồ Tát ấy nói xong dịu dàng lấy nhánh dương liễu từ trong tịnh bình ra, rảy nhẹ về phía nàng San Hô. Chỉ thấy như một làn sương mỏng đột nhiên lan tỏa, một cơn gió mát lành bỗng dừng thối đến, thế là nàng bừng tỉnh dậy, thấy mình vẫn còn đang nằm dưới gốc cây, máu chảy ướt đầm cả thân áo trước nhưng chỗ dao đâm vào thì đã lành lặn không còn dấu vết gì!

Nàng San Hô tỉnh lại rồi mà trong lòng vẫn còn bồi hồi xúc động, nhớ lại những lời được nghe trong mộng, tự thấy rõ ràng mọi việc đều có nguyên do, nhân quả báo ứng quả không sai chạy. Nghĩ đến đó liền thấy nhẹ nhõm trong lòng, bao nhiêu buồn đau khổ não bỗng nhiên tan biến hết. Nàng liền mạnh dạn đứng dậy bước đi, lần hồi hỏi thăm đường tìm đến làng Cẩm Xuyên.

Đến được làng Cẩm Xuyên rồi, nàng dò hỏi người trong làng thì quả nhiên có nhà bà Châu thị. Vì từ ngày nàng về làm dâu nhà họ Mã chưa có dịp nào được gặp bà dì chồng này, nên khi nàng tìm đến nhà thì bà không hề nhận biết. Nàng đánh liều bạo dạn cúi đầu chào rồi thưa:

– Thưa dì! Con tên là San Hô, vợ của chàng Mã Văn, là con dâu bà Mã Ôn.

Bà dì mừng rỡ khi nghe nàng xưng tên, liền rồi rít hỏi thăm tin tức gia đình bà Mã Ôn, lại cũng hỏi xem duyên cớ gì nàng phải thân gái lặn lội đường xa nguy hiểm một mình đến đây.

Nàng San Hô không nén được nỗi xúc cảm trong lòng, tức tưởi khóc hồi lâu rồi mới lần hồi kể lại hết mọi việc cho bà dì chồng nghe. Nàng nói:

– Thưa dì, con đã nghĩ quần thấy chỉ còn một cách là quyên sinh thủ tiết vì sợ thân gái ra đường e không thể tự giữ được mình, không ngờ sau khi tự vẫn lại Bồ Tát hiển linh cứu sống, lại mách bảo cho con đến đây tìm dì. Mong dì thương xót nhận cho con nương náu nơi này.

Bà dì ôn tồn nói:

– Con à, chỉ cần nghe qua là dì cũng đủ biết mẹ chồng con tâm tính không được hiền hòa, cho dù con có khéo léo, giỏi giang cách mấy cũng khó bề ở được. Thôi, con đừng sợ, cứ yên tâm ở đây với dì, không sao đâu mà ngại.

Từ đó, nàng San Hô nương náu ở nhà bà Châu thị. Nàng ra sức làm thuê làm mướn, hai dì cháu cùng nương nhau mà sống, cho dù bữa đói bữa no nhưng họ thương yêu nhau không khác gì mẹ con ruột thịt. Vì thế cuộc sống trôi qua thật là đầm ấm.

oo0oo

Trở lại nơi làng Phú Mỹ, sau khi bà Mã Ôn đuổi nàng San Hô đi rồi liền sắm sửa lễ vật cưới vợ cho người em là Mã Võ.

Người con dâu mới này là con nhà họ Lâm, tên là Túy Hoa, sống ở làng Đông Hồ. Cô nàng hình dung xấu xí, vừa mập vừa lùn, mặt rỗ da đen, dáng vẻ hết sức cục mịch, thô xấu, tính tình lại hung dữ, ngỗ nghịch, không biết nể nang ai cả.

Từ ngày về làm dâu nhà họ Mã, Túy Hoa hầu như chỉ e dè được một vài tháng đầu, sau đó liền bắt đầu bộc lộ bản tính hung dữ của mình. Cô ta đánh cả chồng, mắng chửi cả mẹ, lại còn quản lý chặt chẽ cả chuyện ăn ngủ làm lụng trong nhà. Có những hôm gặp việc tức giận, cô ta bỏ đói cả nhà không cho ai ăn uống gì cả, chỉ tự nấu ăn riêng một mình. Nghĩ cũng thật là lạ, chẳng hiểu sao mà từ bà Mã Ôn cho đến hai người con trai, ai cũng răm rắp nghe theo cô ta mà không dám tỏ một lời kháng cự. Dân dân thì mọi công việc trong nhà như nấu cơm, quét dọn, xay lúa, giã gạo... ba người phải chia nhau mà làm, riêng nàng dâu quý hóa này chỉ biết ăn chơi, nhõng nhẽo, dạo chơi chỗ này chỗ khác, không phải làm việc gì cả. Thậm chí cô ta còn thô bạo đến mức xung hô bất nhã với cả chồng và anh chồng, lại thường xuyên nặng lời chửi mắng mẹ chồng, thật là ngang ngược vô cùng, không thể nói hết.

Thương hại cho bà Mã Ôn, không biết cái oai phong oanh oanh liệt liệt đối với nàng San Hồ thuở trước nay bà đã cất vào đâu, không thấy đem ra đối chọi với con dâu hung dữ này. Thảm thay! Quần áo rách rưới không có tấm giẻ vá, thường xuyên đói khát chẳng có bữa nào được ăn no, vậy mà không hiểu sao cả nhà họ Mã vẫn cam chịu sự hành hạ áp chế của đứa con dâu quá dữ dằn này. Than ôi! Sự đời đúng là có vay có trả, quả báo rõ ràng trước mắt như vậy, thật không sai chạy!

Nhắc lại từ khi nàng San Hô sang nương nấu với bà Châu thị, hằng ngày may thuê dệt mướn, nhịn ăn nhịn mặc, tích cóp được đồng nào lại mua thịt cá hay bánh trái nhờ bà Châu thị gửi về cho mẹ chồng, mỗi tháng ít nhất cũng được vài ba lần. Mỗi lần như thế, nàng đều dặn bà Châu:

– Thưa dì! Nếu mẹ con có hỏi, xin dì dặn người mang thức ăn qua đó hãy nói là của dì gửi cho, đừng nói là của con, sợ mẹ chồng con giận mà không ăn.

Mẹ con bà Mã Ôn bị Túy Hoa khắc bạc làm cho thêm khát lâu ngày, mỗi lần nhận được thức ăn từ người chị gửi qua cho thì vừa mừng vừa tủi, nghĩ gia đình mình cũng không đến nỗi đói cơm rách áo mà nay phải ra cơ sự này, thật không nói nên lời! Rồi mẹ con mang đi giấu kỹ, chờ đến khuya mới dám chia nhau ăn, vì sợ Túy Hoa nhìn thấy sẽ đánh chửi. Ba mẹ con thường xuyên nhận được quà bánh như vậy rất lấy làm biết ơn bà Châu thị, trong lòng lúc nào cũng thâm cảm tạ.

Một hôm, Mã Văn qua làng Cẩm Xuyên thăm dì và hỏi mượn một ít tiền. Không ngờ khi đến đó, dì cháu trò chuyện và cơm nước xong rồi, Mã Văn đứng dậy xin phép dì ra về thì nàng San Hô cũng vừa về đến. Nàng mừng rỡ chạy đến ôm chầm lấy chồng, khóc nức nở rồi nói:

– Em có tội gì mà mẹ đuổi xua, còn anh lại nỡ để em lưu lạc như thế này.

Mã Văn nghẹn ngào không nói được thành lời, ôm vợ hồi lâu rồi chỉ biết gạt nước mắt quay về nhà, lại cũng giấu

kín không dám hở môi cho mẹ biết chuyện gặp nàng San Hô ở nhà dì.

Thời gian thấm thoát trôi qua, đã gần được hai năm kể từ khi cô nàng Túy Hoa về làm dâu nhà họ Mã. Do ăn uống thiếu thốn, cộng thêm tâm trạng lo buồn, bà Mã Ôn phải lâm trọng bệnh. Bà Châu thị hay tin em bị bệnh liền lập tức sang thăm.

Trong lúc chuyện trò, bà Châu buột miệng hỏi:

– Dì nó đau sao mà đau ồm dũ vậy?

Bà Mã Ôn thút thít khóc một hồi rồi nói khẽ:

– Hai năm nay em chẳng lúc nào được ăn no cả chị ơi!

– Sao dì nó lại ra nông nổi này?

Bà Mã Ôn khoát tay, chỉ xuống nhà dưới mà không dám nói chi cả. Bà Châu lại hỏi tiếp:

– Vậy chứ con vợ của thằng Văn đi đâu không chăm sóc để dì phải khổ như thế?

Bà Mã Ôn thú thật:

– Con San Hô đã bị tôi đuổi đi từ năm trước rồi, đâu còn ở đây nữa!

Bà Châu thị vờ như không biết, lại hỏi:

– Tôi nghe nói rằng con San Hô siêng năng giỏi giã, hiền đức hiếu thuận, vì sao dì lại đuổi nó đi?

Bà Mã Ôn vội nói tránh đi:

– Chắc tại nhân duyên vợ chồng nó trắc trở, làm sao em biết được! Em đuổi nó đi rồi, chắc giờ nó cũng không khỏi oán hận em thấu xương thấu tủy.

Bà Châu thị lại vặn hỏi:

– Thế mấy năm nay dì có biết ai là người thường xuyên gửi bánh trái, thức ăn cho dì đó không?

Bà Mã Ôn tròn xoe mắt ngạc nhiên:

– Chị hỏi gì lạ vậy? Nếu chẳng phải chị thương em thì còn ai vô đó nữa?

Bà Châu thị bật cười:

– Dì nói mới lạ đây. Tôi lo cái thân già này còn chưa xong, cơm chẳng đủ no, lấy đâu ra mà gửi bánh trái, thức ăn cho dì?

Bà Mã Ôn thắc mắc:

– Vậy không phải chị thì là ai?

Bà Châu thị nghiêm sắc mặt, nói gằn từng tiếng một:

– Chính là đứa con dâu mà dì ghét bỏ đuổi ra khỏi nhà không chỗ dung thân đó!

Bà Mã Ôn bàng hoàng thảng thốt:

– Sao lại là nó? Chẳng phải đều là những người quen của chị nhờ mang đến cho em đó sao?

– Đúng vậy, nhưng đều là do con dâu San Hô của dì đi làm thuê làm mướn, nhịn ăn nhịn mặc để dành tiền mua

gửi về cho dì đó. Và nó cũng dặn tôi không được cho dì biết bánh trái, thức ăn đó là của nó mua gửi về, vì sợ dì giận nó mà không ăn.

– ???!!!

– Chưa hết đâu, từ ngày dì đuổi nó đi đến nay, nó lặn lội tìm sang nhà tôi nướng nấu, khổ nhọc muôn phần, nhưng tôi chưa từng nghe nó nói ra lời nào oán hận hay xúc phạm đến dì, lúc nào cũng quan tâm thăm hỏi, lo lắng cho sức khỏe của dì, cứ sao dì lại nghi oan cho nó là có lòng oán hận?

– ???!!!

– Dì thật là có mắt mà chẳng biết nhìn người. Một đứa con dâu hiếu thuận hiền lành như nó, đâu có đốt đuốc đi tìm ba năm cũng chưa dễ đã có được, vậy mà dì nỡ đang tâm vô cớ đuổi xô nó ra khỏi nhà, lại khiến cho vợ chồng nó phải chia oanh rẽ phượng. Dì có biết là tội của dì lớn lắm đó không?

Bà Mã Ôn lặng thinh một hồi rồi nói:

– Thừa chị, em biết rồi. Quả thật em không nên làm như vậy. Bởi em ngu dại làm việc càn quấy cho nên bây giờ phải chịu báo ứng gặp phải đứa con dâu hung dữ quá chừng. Nó áp bức cả nhà em lâu nay mà chẳng biết làm sao cho thoát. Chị về cho em nhắn lời xin lỗi con San Hô vậy.

Bà Châu thị nói:

– Ai bảo dì nói chuyện lỗi phải ở đây? Nhưng nếu dì đã nghĩ lại như vậy, sao không bảo thằng Mã Văn sang đón

vợ nó về, vợ chồng sum họp một nhà có phải là tốt đẹp hơn không?

Bà Mã Ôn thở dài:

– Thật lòng thì tôi rất muốn như vậy. Nhưng chị nghĩ xem, tôi đối xử với nó như vậy, liệu nó có còn muốn quay về bên tôi nữa không?

Bà Châu thị an ủi:

– Dì đừng lo, tôi dám chắc là con San Hô nó không giận gì mẹ con dì cả. Ngược lại nó còn rất mong dì gọi về.

Bà Mã Ôn nghe vậy thì mừng vui hớn hở ra mặt, cảm ơn bà chị mình rồi rít vì mấy năm qua đã chăm sóc đưa con dâu giùm mình. Rồi bà lập tức gọi Mã Văn ra bảo đi theo bà Châu thị ngay hôm đó sang đón San Hô ngay. Mã Văn nghe lời mẹ dạy thì mừng vui lộ ra nét mặt, lập tức lên đường theo dì sang đón người vợ yêu quý của mình về.

Khi vừa sang đến nơi, vợ chồng gặp nhau mừng mừng tủi tủi, tình tự một lúc rồi dắt nhau ra lạy tạ đền ơn bà Châu thị.

Hôm sau, hai vợ chồng đưa nhau vừa về đến ngõ đã thấy bà Mã Ôn ra đứng ngoài đường chờ đón. Nàng San Hô nhìn thấy mẹ chồng liền oà lên khóc rồi ôm chầm lấy mẹ, tỏ vẻ nhớ nhung lâu ngày. Nàng vuốt ve khắp mình mẹ, luôn miệng xuýt xoa khi thấy mẹ bây giờ quá gầy ốm.

Bà Mã Ôn giờ đã hiểu chuyện, được gặp lại con dâu hiền thì mừng vui khôn xiết, nhưng nhớ lại nỗi khổ tâm khổ cảnh đã trải qua trong mấy năm qua thì không khỏi

buồn tủi nên cũng khóc òa lên. Nàng San Hô vội lựa lời an ủi, mẹ con hàn huyên quần quýt tưởng như không còn cảnh mẹ chồng nàng dâu nào trên đời này có thể thương yêu hòa thuận đến như vậy!

Bà Mã Ôn ngập ngừng hồi lâu rồi mới nói:

– Mẹ biết mẹ có lỗi với con nhiều lắm, nếu con thương mẹ thì hãy bỏ qua đừng giận mẹ. Từ nay mẹ hứa sẽ hết lòng thương yêu con như con gái mẹ. Con ơi! Gia đình mình ngày nay nhiều chuyện rối rắm lắm, mẹ nói cũng không hết chuyện, để con về rồi sẽ biết. Giờ mẹ chỉ còn biết trông cậy vào một mình con trong lúc tuổi già thôi!

Nàng San Hô đáp:

– Sao mẹ lại nói vậy, bốn phận con là con dâu trong nhà, có bao giờ dám trách hờn gì mẹ đâu. Mẹ đã thương tưởng cho con trở về, từ nay con xin hết lòng hầu hạ chăm sóc mẹ.

Khi mọi người đưa nhau vào nhà thì gặp Túy Hoa vừa bước ra. Từ khi thấy bà Châu thị sang thăm bà Mã Ôn, nàng ta lấy làm bức dọc vì phải tiếp đãi cơm nước tốn hao, lại thấy hai bà già cứ thì thào to nhỏ với nhau mãi, ả cố rình nghe mà không nghe được gì, càng thêm bức tức lắm. Giờ lại thấy nàng San Hô vừa mới về, Túy Hoa mới biết là hai bà đã bàn nhau chuyện ấy. Cô ta lập tức ra đòn phủ đầu, phùng mang trợn mắt quát thẳng vào mặt San Hô:

– Mày là đứa đã bị chồng đuổi, sao còn dám vác mặt về đây nữa? Nếu muốn ở đây giúp việc nhà, ăn nhờ cơm thừa canh cặn thì phải lạy xin tao đây, tao mở lòng mà cho, chứ sao mày dám tự tiện chui đầu vào nhà này? Mày phải

biết, đây là nhà của tao, mày không thừa gửi với tao thì phải đi ra khỏi nhà này cho mau, đừng ở đó mà chết...

Nàng San Hô thấy ả Túy Hoa hung dữ quá, tính bè không xuôi, bắt đắc dĩ phải dùng lời lẽ êm dịu thừa với nó để xin ở, nó sai làm gì thì làm nấy, không dám cãi lầy, cố giữ cho trong nhà yên ổn, khỏi sự kinh địch mà thôi.

Nửa tháng sau, Túy Hoa bức dọc bảo chồng cất nhà riêng, rồi trong nhà còn được bao nhiêu tiền gạo ả gom sạch đem về cất giữ hết. Nàng San Hô thấy vậy theo khuyên lơn an ủi mẹ chồng:

– Thừa mẹ! Tiền của là do người làm ra, nay còn mai mất, xin mẹ đừng buồn. Tùy ý cô ấy muốn lấy gì thì lấy, miễn con còn khỏe mạnh là sẽ cố gắng làm lụng nuôi mẹ, không để mẹ bị đói rách!

Bà Mã Ôn nghe nàng khuyên lơn an ủi như thế cũng thấy đỡ tủi thân phần nào, mẹ con đành an phận khổ học lây lất qua ngày. Nhờ nàng San Hô siêng năng giỏi giã, lại khôn ngoan hiền hậu, đi đến đâu cũng được mọi người thương mến giúp đỡ nên lần hồi việc sinh hoạt trong nhà cũng ngày càng được tươm tất, đầy đủ hơn. Hơn thế nữa, những tình cảm thương yêu đầm ấm đã nhiều năm vắng bóng trong gia đình này giờ cũng đã quay trở lại. Mọi người cùng nhau chia sẻ mọi nỗi buồn vui, cùng lo lắng chăm sóc cho nhau thật là hạnh phúc.

Nàng San Hô tuy sống trong cảnh nghèo khổ túng thiếu nhưng lúc nào cũng giữ tròn lòng hiếu thuận, nghĩa thủy chung, khiến cho những người biết chuyện không ai là không kính mến. Tiếng lành đồn xa, người người đều

biết đến nhân cách cao quý của nàng. Vì thế, không ít người đã tự nguyện giúp đỡ nàng vốn liếng để buôn bán làm ăn, lại có nhiều người khác tạo điều kiện giúp đỡ. Hơn thế nữa, nàng vốn là người khôn ngoan lanh lợi, làm việc gì cũng nhanh nhẹn, tháo vát nên không bao lâu thì việc làm ăn của gia đình ngày càng phát đạt, cảnh đói thiếu ngày xưa không còn nữa.

Nhà họ Mã trước đây vốn nhiều đời giàu có, nay tuy chồng bà Mã Ôn không may mất sớm, gia cảnh suy sụp, nhưng ruộng vườn đất đai vẫn còn rất rộng. Một hôm, nàng San Hô nhân buổi rảnh rỗi, thấy trong vườn cỏ mọc um tùm liền mang cuốc ra dọn xới một khoảnh nhỏ để trồng rau. Đang lúc giẫy cỏ bỗng phát hiện ở một nơi có vật gì rất cứng. Nàng cố sức cạy lên thì hóa ra đó là một phiến đá phẳng được dùng để đập trên một cái hố nhỏ. Sau khi xê dịch được phiến đá mỏng đó sang một bên, nàng San Hô ngạc nhiên biết bao khi nhìn thấy bên dưới cái hố nhỏ đó là rất nhiều những khối vàng ròng. Nàng vội vã chạy bay vào nhà báo tin với mẹ chồng, sau đó còn chạy sang nhà Túy Hoa để gọi cả hai vợ chồng cô ta đến xem.

Khi mọi người nhận ra đó chính là nơi cất giấu vàng của tổ tiên nhà họ Mã, ả Túy Hoa lập tức hối chồng mang đến một cái thúng thật lớn rồi nhanh tay chọn hết những khối vàng lớn nhất cho vào thúng mang về nhà mình. Nàng San Hô khi ấy mới cùng mẹ chồng chậm rãi nhặt sạch những thỏi vàng nhỏ mà cô ta bỏ lại. Họ nghĩ, dù sao thì bấy nhiêu đây cũng đã thừa sức giúp họ trở nên giàu có, dư ăn dư để...

Túy Hoa cùng chồng khệ nệ khiêng về cả một thúng vàng ròng. Ấy lập tức mang ngay một số đến mấy nhà giàu trong xóm bán bớt để lấy tiền tiêu pha hưởng thụ. Ngờ đâu, sau khi mua vàng xong họ gọi thợ vàng đến thử mới biết đó toàn là vàng giả. Mấy người nhà giàu bị lừa gạt thì tức tối lắm, lập tức rủ nhau bẩm báo lên quan huyện. Quan huyện sau khi xác nhận sự việc liền sai người đến lục soát trong nhà Túy Hoa, quả nhiên vẫn còn rất nhiều khối vàng giả chưa đem bán. Chứng cứ lừa bịp đã rõ ràng, cả hai vợ chồng Túy Hoa lập tức bị tổng giam vào ngục, còn bị hành hạ khổ sở vì nhà lại không tin vào lời khai của họ là đào được vàng giả trong vườn. Họ bị khép tội cố ý làm vàng giả để lường gạt, phải giam vào ngục để chờ ngày xử tội.

Thật không ai có thể ngờ được ả Túy Hoa vì tham mà thâm. Hóa ra những khối vàng lớn đều là vàng giả, có lẽ đã được trộn lẫn vào để đánh lừa kẻ trộm, còn những thỏi vàng nhỏ thì đều là vàng thật. Khi ấy, nàng San Hô thấy em chồng gặp nạn như vậy thì rất buồn rầu, cố năn nỉ với mẹ chồng xin tìm phương giải cứu. Bà Mã Ôn trong lòng đầy căm tức oán hận, thấy việc này xảy ra lại hả hê vui sướng, làm sao có thể đồng ý cho San Hô ra tay giúp đỡ? Dù nàng thuyết phục cách gì bà cũng nhất quyết không chịu. Bà nói:

– Quân ngỗ nghịch đó cũng nên để nó ném mùi đau khổ, nếu có chết đi cũng là rảnh bớt nợ đời, lẽ nào con còn muốn thấy nó trở về đây để chửi mắng hành hạ mẹ con mình nữa hay sao?

Nàng San Hô theo năn nỉ thuyết phục nhiều lần mà mẹ chồng vẫn không chịu, buồn rầu không ăn không ngủ, chỉ mấy hôm đã sa sút như người bệnh nặng. Bà Mã Ôn thấy

con dâu ngã bệnh thì lo lắng vô cùng, trong ý cũng xiêu lòng muốn cho phép nàng tìm phương giải cứu vợ chồng Mã Vỗ.

Mã Văn biết ý mẹ, lại gần thưa:

– Chuyện vợ chồng hai em con, chỉ do Túy Hoa ngu dại hung dữ nên lỗi đạo với mẹ, nhưng dù sao chúng nó cũng là con và dâu của mẹ, là em của con. Nếu chúng ta thấy vợ chồng nó bị tù tội mà không ra tay giải cứu, e rằng cũng không phải đạo, không khỏi mang tiếng xấu với đời! Huống chi San Hô là người trọng tình nghĩa, rất thương chúng nó, con sợ nàng buồn rầu sinh bệnh mà chết thì thật tội nghiệp, xin mẹ nghĩ lại.

Bà Mã Ôn nghe nói San Hô có thể vì chuyện này mà bỏ mạng thì lấy làm hốt hoảng, lập tức gật đầu ưng thuận. Nàng San Hô nghe mẹ đồng ý cho phép, mừng quá hết bệnh, vội bàn tính với mẹ bán vàng lấy tiền chuộc tội cho em. May thay cho hai vợ chồng ả Túy Hoa, nhờ có nàng San Hô dùng tiền bạc lo liệu, lại thêm Mã Văn văn hay chữ tốt được nhiều người ở công đường nể nang nên quan huyện đồng ý xét lại sự việc. Sau khi xác nhận số vàng đó chỉ tình cờ đào được trong vườn, không phải do họ cố ý làm ra để lường gạt, quan huyện liền ra lệnh phóng thích hai vợ chồng họ.

Túy Hoa được trở về từ chốn lao ngục, chịu đựng biết bao đắng cay khổ nhục, đau đớn khôn cùng, liền nhận ra rằng sự việc xảy đến với mình chính là quả báo hiện tiền, do sự tham lam và hung dữ của chính mình chứ không do ai đưa đến. Từ đó nàng ta hết sức ân hận, hối lỗi, đêm ngày suy xét hổ thẹn trăm bề. Hơn thế nữa, Túy Hoa còn được

cảm hóa bởi chính sự nhân từ độ lượng của nàng San Hô, dù trải qua bao nhiêu việc cay đắng, bị xúc phạm hành hạ rất nặng nề mà chẳng những không giận ghét, còn nghĩ tình chị em hết lòng ra tay giải cứu.

Bởi vậy, từ đó về sau Túy Hoa bỗng nhiên thay đổi hẳn tâm tính, mỗi ngày đều sang thăm viếng mẹ chồng, đối xử thuận thảo, hiếu nghĩa, hết lòng thờ kính, lại cũng trở nên mềm mỏng dịu ngọt với chồng, không còn giữ thói hung dữ ngang ngạnh như ngày trước nữa. Đặc biệt, đối với San Hô nàng hết lòng kính phục, không bao giờ còn dám tỏ thái độ hung dữ, lấn lướt như xưa. Chỉ ít lâu sau, nàng lại xin phép bà Mã Ôn được dọn về ở chung nhà như cũ, để được sớm hôm lo lắng việc nhà và chăm sóc mẹ chồng thay chị. Nhờ đó, nàng San Hô mới được rảnh tay lo phát triển việc mua bán khắp gần xa, khiến cho nhà họ Mã ngày càng phát đạt, còn phần Mã Văn cũng được chuyên tâm đèn sách nên việc học của chàng tiến bộ rất nhanh.

Sau đó khoảng nửa năm thì bà Mã Ôn lâm bệnh qua đời. Cả vợ chồng Mã Văn và Mã Võ cùng chung lo ma chay thật trang nghiêm long trọng. Tội nghiệp cho Túy Hoa, vì nàng thật lòng cải hối nên thấy mẹ sớm ra đi, cứ nghĩ mình chưa đền trả hết được những tội lỗi với mẹ trước đây, nàng đập mình đập mảy, ngã lăn xuống bên cạnh quan tài khóc lóc thảm thiết, tưởng như chỉ còn một cách chết theo chứ không sao sống nổi! Nàng thống thiết kể lể:

– Mẹ ơi! Sao mẹ không sống trọn trăm tuổi cùng con, để con được nuôi dưỡng đáp đền, chuộc lại cái tội ngỗ nghịch bất hiếu xưa kia. Sao mẹ nỡ bỏ con mà đi sớm vậy!

Cô khóc kể bi thảm suốt ngày đêm, không màng ăn uống, ai nấy đều động lòng rơi lệ. Thật không thể ngờ được rằng đứa con dâu ngỗ nghịch hung dữ ngày nào giờ đây lại có thể được cảm hóa thay đổi trở thành như thế!

Than ôi! Đời người có ai không làm lỗi, nhưng có lỗi mà biết ăn năn sám hối như Túy Hoa tưởng cũng là ít có, thật đáng trân trọng biết bao!

Sau ba năm để tang mẹ, chàng Mã Văn gặp lúc triều đình mở khoa thi liên ứng thí, đỗ hàng cử nhân. Năm sau đến kỳ thi hội, chàng lại đỗ bảng nhãn, làm quan đến chức Thượng trụ quốc công, quyền cao chức trọng, bổng lộc tràn đầy. Một nhà họ Mã từ đó về sau vinh hoa phú quý chẳng ai bằng, lại càng cố công vun bồi cội phúc.

(Trích Càn Long Ký – Bích Liên chuyện)

PHẦN 5

32. NIỆM PHẬT CỨU MẸ

Thiền sư Tông Trách sống vào đời Tống, người Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, từ nhỏ đã sớm mồ côi cha. Mẹ thầy là Trần thị liền đưa thầy về nương nấu với người cậu, nuôi dưỡng lớn khôn. Thuở thiếu thời thầy thông suốt sách Nho, đọc hiểu khắp sách vở thế gian.

Năm lên 29 tuổi, thầy nhận ra được sự vô thường của kiếp người, liền lập chí nghiên cứu và thực hành Phật pháp. Từ đó tìm đến thiền sư Viên Thông Pháp Tú ở chùa Trường

Lô thuộc Trần Châu xin xuất gia tu học, tham cứu thông suốt nghĩa lý huyền diệu, thấu rõ tông yếu.

Sau đó, thầy nghĩ đến ân sâu nuôi dưỡng dạy dỗ của mẹ, muốn tìm cách báo đáp, liền đón mẹ về cùng ở trong chùa, sửa dọn một căn phòng để bà ở về phía đông phương trượng, sớm chiều đều sang hầu hạ phụng dưỡng. Ngoài việc lo cung phụng vật chất đầy đủ ra, thầy còn khẩn thiết khuyên nhủ, hướng dẫn mẹ chuyên tâm niệm Phật cầu vãng sinh về Tây phương Tịnh độ. Mẹ thầy tin nhận lời thầy, hết lòng tu tập theo pháp môn Tịnh độ.

Bảy năm sau, mẹ thầy an nhiên vãng sinh trong tiếng niệm Phật. Thiền sư còn có trước tác “Khuyến hiếu văn” lưu truyền hậu thế. Toàn bộ bài văn có 120 thiên; 100 thiên đầu nói rõ cách phụng dưỡng cha mẹ bằng vật chất; 20 thiên sau hướng dẫn việc nên khuyên cha mẹ thực hành pháp môn Tịnh độ, cầu được vãng sinh Tây phương Cực Lạc. Cách báo hiếu trọn vẹn như ngài dạy trong văn này chính là ý nghĩa báo hiếu mà tất cả những người con Phật đều phải noi theo.

(trích Tịnh độ thánh hiền lục)

33. HIẾU NGHĨA THÀNH DANH

Vào triều Thanh, tại làng An Phước, quận Quế Dương có một nho sĩ tên Phan Thanh Quý, nhà nghèo, cha mất sớm, mẹ là Lý thị hằng ngày vất vả chấp bông kéo vải dành dụm nuôi con ăn học.

Phan Thanh Quý học hành thông minh sáng suốt, lại rất có hiếu với mẹ. Mỗi khi đi học về, chàng đều vội cất sách vở chạy đến bên mẹ thưa rằng:

– Mẹ có việc gì để con làm giúp cho!

Lý thị thấy con ngoan ngoãn, hiếu thảo như vậy, trong lòng rất mừng, nhưng bà luôn tự làm hết mọi việc, không nỡ sai bảo con, muốn con dành trọn thời gian cho việc học hành. Hàng xóm láng giềng thấy Phan Thanh Quý hiếu thuận, ai cũng khen bà Lý thị có phúc.

Lý thị là người tin sâu Phật pháp, đã quy y Tam bảo từ thuở nhỏ, thường lên chùa cúng dường Tam bảo. Hơn nữa, bà còn rất thuần thành tin tưởng vào Bồ Tát Quán Thế Âm, thường xuyên trì niệm danh hiệu của ngài.

Hằng tháng, cho dù việc chi tiêu trong nhà có vừa đủ hay thiếu thốn, bà cũng đều dành ra một số tiền để mua hương đèn hoa quả, rồi sai Phan Thanh Quý mang lên chùa Hưng Duyên ở gần đó dâng hương lễ Phật. Phan Thanh Quý luôn vâng lời mẹ, mỗi khi lên chùa đều chí thành lễ Phật. Do được mẹ dạy bảo từ nhỏ như vậy nên chàng trai này cũng hết sức tin sâu Phật pháp, mỗi một việc làm đều luôn biết suy xét nhân quả thiện ác.

Một hôm, Phan Thanh Quý theo lệ thường lên chùa dâng hương lễ Phật, vừa bước ra thì chợt nhìn thấy một tiểu thư trạc tuổi trăng tròn, dung nhan xinh đẹp, thướt tha hiền dịu, đang dắt tay một em bé từ cổng chùa đi vào. Hai người tình cờ gặp nhau, không ai bảo ai mà cùng dừng chân nhìn nhau, dường như đã có chút nhân duyên từ đời trước, khiến cho tuy mới gặp mà cả hai đều thấy trong lòng xao xuyến như đã quen biết nhau từ thuở nào, quả thật là “tình trong như đã, mặt ngoài còn e”.

Phan Thanh Quý đã mấy lần muốn ngỏ lời chào hỏi nhưng còn ngại ngùng không biết ý nàng thế nào. Còn nàng thì cứ lấy tay vò đầu em, dánh vè e lệ, cứ nhóm gót như muốn đi nhưng lại dằn dả mãi vẫn không cất bước... Mãi một lúc sau, chàng mới đánh bạo lên tiếng trước:

– Tiểu thư, xin phép được cho kẻ thư sinh này thưa hỏi đôi lời. Chẳng hay nàng ở đâu đến chùa này lễ Phật, sao trước giờ tôi chưa được gặp bao giờ?

Cô gái nghe hỏi, e lệ đỏ bừng mặt, cúi đầu thỏ thẻ đáp:

– Nhà em cũng ở gần đây thôi, nhưng gia phụ vốn giữ nếp nhà nghiêm cẩn nên rất ít khi cho phép em ra ngoài. Hôm nay là lần đầu tiên được đến chùa lễ Phật.

Thấy nàng vui vẻ trả lời, chàng Phan Thanh Quý trở nên bạo dạn hơn, bắt đầu lân la trò chuyện. Hai bên gặp nhau chưa bao lâu mà đã tỏ ra thật là tâm đầu ý hiệp, quyến luyến không rời. Chàng Phan trước khi chia tay liền bạo gan dò hỏi chuyện lương duyên. Cô gái bẽn lẽn nói:

– Tuy đã có nhiều nơi đến dạm hỏi, nhưng cha mẹ thiếp chưa hứa gả nơi nào.

Chàng nghe như vậy thì không giấu được vẻ vui mừng, liền hỏi tiếp:

– Như ta muốn nhờ người đến dạm hỏi, không biết có chút hy vọng nào chăng?

Cô gái e thẹn cúi đầu im lặng. Chàng nhân dịp đó liền tiếp tục dò hỏi về gia thế, tên tuổi... trong ý đã quyết sẽ nhờ người dạm hỏi để kết duyên Tần Tấn. Nàng chỉ lặng

thinh nghe chàng nói, hai gò má càng lúc càng đỏ rần lên... Cuối cùng nàng mới bộc bạch:

– Em tên là Tiêu Bích Hà, thân phụ là Tiêu Nhượng Đức, nhà ở làng Ngọc Thanh. Cha em có người bạn thân tên là Châu Khuyển Thành, ở kế bên nhà, nếu chàng đến nhờ ông ấy mai mối chắc sẽ có nhiều hy vọng.

Phan Thanh Quý nghe được lời ấy thì mừng rỡ vô cùng, lập tức ghi nhớ kỹ trong lòng, nhất định sẽ về thưa với mẹ tiến hành ngay việc dạm hỏi. Hai bên bịn rịn hồi lâu rồi mới chia tay nhau, chàng quay về nhà, còn nàng dắt em vào chùa lạy Phật.

Ngờ đâu ngay sau hôm đó thì mẹ chàng nhận được tin tức về một người em xa cách bất tin đã lâu, nghe nói ông đã về nhậm chức tri huyện ở Linh Lăng. Bà mừng quá liền lập tức sai Phan Thanh Quý lên đường tìm đến Linh Lăng thăm cậu.

Chàng đi ròng rã suốt cả tháng trời mới đến nơi, nào ngờ người cậu ấy đã qua đời cách đó vài tháng, bà mợ đã đưa cả gia đình về quê, không còn ai ở đó cả! Lúc ấy, Phan Thanh Quý phải lâm vào tình trạng hết sức thảm hại. Muốn quay về nhà thì tiền bạc, lương thực mang theo đều đã cạn; còn ở lại thì bơ vơ đất khách quê người, không một người quen biết, không nơi ăn chốn ở, thậm chí cũng chẳng biết phải làm gì để kiếm miếng cơm ăn qua ngày. Thật khôn đốn thay!

Than ôi, chuyện đời vẫn thường là “họa vô đơn chí”. Trong khi chàng còn chưa biết tính cách nào để nuôi thân qua ngày tạm thời chờ đợi kiếm tiền về quê, thì bỗng đâu

nghe tin giặc giã nổi lên khắp chốn, đường về quê cũ giờ đây không một khách bộ hành nào dám đi qua nữa vì giặc cướp ngăn trở nhiều nơi...

Thật may, khi ấy chàng lại gặp được một người hào trưởng tốt bụng, hỏi qua biết chàng là thư sinh, liền mời về nhà để dạy học cho mấy đứa con nhỏ ở nhà ông. Sau đó lại có các nhà hàng xóm cũng mang con đến gửi, thế là chẳng mấy chốc đã hình thành một lớp học nhỏ, chàng Phan Thanh Quý bắt buộc phải làm một thầy đồ gõ đầu trẻ để sống tạm qua ngày chờ khi thời cuộc tạm yên ổn sẽ lên đường về quê.

Những người trong xóm ấy thấy chàng diện mạo khôi ngô, phong thái nho nhã, lại rơi vào cơn khốn bách như thế nên ai cũng động lòng thương xót, liền bàn nhau cất một ngôi nhà nhỏ, vừa làm nơi trú ngụ cho chàng, vừa làm trường học để tiện bề dạy dỗ con cháu của họ. Tuy đã có thể tạm sống yên, nhưng chàng vẫn không một phút nào không nghĩ đến mẹ già nơi quê cũ, lại nhớ đến mối duyên kỳ ngộ đành phải lỡ làng thì trong lòng sầu muộn khôn nguôi.

Một hôm, Phan Thanh Quý đang ngồi buồn nhớ đến mẹ già ở quê nhà, bỗng nghe ngoài ngõ có tiếng người rao lớn rằng:

– Ai mua lão thì lão bán cho!

Nghe tiếng rao kỳ lạ, chàng vội chạy ra ngoài xem thử, nhìn thấy một bà lão tuổi ngoài 60, gương mặt giống hệt mẹ mình. Chàng mừng quá, liền hỏi:

– Bà lão định bán giá bao nhiêu?

– Nếu thật lòng mua lão về làm mẹ thì lão theo về, không cần tiền bạc.

Thấy lạ, Phan Thanh Quý đứng yên nhìn bà dò xét hồi lâu, nhưng thấy bà không có vẻ gì là đùa cợt. Chàng liền nói:

– Con vốn đang xa mẹ, nếu thật vậy thì con xin nhận bà về làm mẹ.

Từ đó, Phan Thanh Quý chăm sóc phụng dưỡng bà lão như mẹ ruột của mình, còn bà cũng xem chàng như con đẻ. Bà tuy đã lớn tuổi nhưng vẫn có sức khỏe lạ thường, lại siêng năng làm nghề bông vải, đủ kiếm tiền nuôi chàng ăn học cho kịp khoa thi sắp tới. Chàng thấy bà lão khổ cực không đành lòng, muốn đỡ đàn cho bà, nhưng lần nào cũng bị bà la rầy không cho.

Mặc dù vậy, cứ thỉnh thoảng bà lại có những lần đau ốm, mỗi lần kéo dài đến năm mười ngày hoặc cả tháng không chùng, khiến chàng phải chăm sóc rất vất vả, song chàng vẫn vui vẻ hết lòng thức khuya dậy sớm, chăm sóc cơm cháo, giặt giũ quần áo cho bà, không bao giờ lộ vẻ chán nản hay mệt mỏi. Chàng thương yêu chăm sóc cho bà không khác chi mẹ ruột của mình. Nhiều lúc bà cố tình giận dữ, rầy la quát mắng những việc rất vô lý nhưng chàng vẫn vui vẻ nhận chịu, chưa bao giờ tỏ ra bực dọc hoặc nhăn mặt chau mày.

Cứ thế, mẹ con sống bên nhau được hơn nửa năm. Một hôm bà lão bảo chàng:

– Con đã lớn rồi, để mẹ kiếm một nơi thích hợp định chuyện đôi bạn cho con.

Phan Thanh Quý giật mình vội thưa:

– Không... không, thưa mẹ! Con phiêu bạt đến đây đã gần năm trời, không biết mẹ ruột con ở nhà thế nào, có được mạnh khỏe an ổn hay không... thật không lòng dạ nào nghĩ chuyện cưới vợ!

Bà lão vẫn nằng nặc nài ép, lại nói:

– Nếu con biết nghĩ đến mẹ già, càng phải sớm lo bề gia thất, mai kia gặp lại có cháu nội ẵm bồng, chẳng phải mẹ con sẽ vui mừng lắm sao? Nếu con trì hoãn việc này, đến lúc mẹ con trăm tuổi vẫn chưa biết mặt dâu con, chưa được thấy tông đường có người nối dõi, chẳng hóa ra là bất hiếu lắm hay sao?

Bấy giờ, chàng Phan Thanh Quý hết đường chống chế, đành phải nói thật:

– Thưa mẹ! Chuyện lương duyên của con vốn lẽ ra đã định từ năm trước, lúc con tình cờ gặp được nàng Tiêu Bích Hà tại chùa Hưng Duyên, chúng con đã có lời hẹn ước. Do hoàn cảnh trở trêu bất ngờ nên phải bất đường tin tức, nhưng dù sao con cũng không nỡ phụ nàng!

Bà lão nghe chàng nói, gật gật đầu ra chiều thông cảm, rồi không nói thêm gì nữa.

Từ lúc bà lão nhắc chuyện lương duyên, khiến chàng chạnh lòng nhớ đến người xưa, trong lòng ngổn ngang trăm mối, chẳng biết đến bao giờ mới có thể về lại quê xưa, phần nhớ thương lo lắng cho mẹ già, phần băn khoăn không biết người xưa giờ đã thế nào...

Trở lại nơi quê hương của chàng Phan Thanh Quý, sau khi mẹ chàng sai con đi Linh Lăng tìm cậu, chờ mãi không thấy trở về, cũng không nghe tin tức. Ngày nào bà cũng lo lắng, thắp hương cầu nguyện Bồ Tát Quán Thế Âm xin cho mẹ con được gặp lại nhau.

Không bao lâu thì giặc giã nổi lên khắp chốn, chúng cướp bóc giết hại dân lành, đốt phá làng mạc... không một ngày nào còn được yên ổn. Bà con xóm làng lũ lượt rủ nhau chạy trốn giặc, nhưng cũng chẳng biết chạy về đâu. Thật đáng thương thay cho tình cảnh của những người dân nghèo trong cơn biến loạn.

Bà mẹ Phan Thanh Quý cũng không thể một mình ở lại xóm làng, đành phải gắng gượng lê tấm thân già yếu cố sức chạy theo mọi người. Bà chạy từ trưa đến gần tối, té ngã nhiều lần, sức cùng lực kiệt không thể nào theo kịp mọi người được nữa, đành nằm nghỉ lại dưới một gốc cây bên đường, miệng vẫn không ngừng trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, cầu ngài cứu khổ cứu nạn...

Trời vừa sụp tối, bà đang lo lắng giữa cảnh núi rừng cô tịch thì bỗng thấy có một bà già cũng đang băng đường chạy đến. Nhìn thấy bà, bà lão kia nói:

– Trời đã tối rồi, sao bà vẫn còn ở đây! Nếu không biết chỗ nghỉ thì mau đi theo tôi, tôi biết có một nơi có thể nghỉ tạm qua đêm.

Bà lão ấy nói rồi nắm lấy tay bà dắt đi, mỗi lúc một nhanh, mà bà cũng không hiểu sao mình lại vẫn thấy khỏe khoắn lạ thường, bước đi nhẹ như lướt trên mây gió, chẳng

mấy chốc mà ước chừng đã vượt qua cả mấy chục dặm đường... Họ cứ thế mà băng đường đi tới.

oo0oo

Nhắc lại việc nàng Tiêu Bích Hà, từ khi gặp chàng Phan Thanh Quý tại chùa Hưng Duyên, về nhà được mấy hôm thì cha nàng bất ngờ lâm bệnh qua đời. Cảnh nhà rối rắm, đôi vai gầy của nàng phải gánh chịu bao nỗi lo toan, lại thêm buồn đau thương nhớ, thật là một cảnh thảm thương không bút nào tả xiết!

Lần hồi rồi việc nhà cũng tạm được yên, nhưng nhớ lại mối duyên kỳ ngộ nơi chùa Hưng Duyên nàng luôn băn khoăn tự hỏi không biết người xưa có nhớ đến mình hay không, sao từ lúc chia tay đến nay vẫn biệt vô âm tín... Nàng không khỏi đêm ngày trầm thương trộm nhớ, đã hơn một năm qua vẫn chưa khuây lã được. Đã vậy, những công tử quyền quý khắp vùng vì say mê nhan sắc của nàng nên liên tục cậy người mai mối tới dạm hỏi. Mẹ nàng thấy con đã đến tuổi trưởng thành, nhiều lần giục nàng hãy chọn lấy một nơi, nhưng lúc nào nàng cũng lựa lời từ chối, viện cớ là chưa thấy ai thích hợp với mình.

Một hôm, có tên Trương Thủ Hùng là con nhà giàu có ở làng bên, đã nhiều lần cậy người mai mối mà không được, biết là khó được nàng ưng thuận nên liền lập kế đem tiền của mua chuộc người bác của nàng là Tiêu Nhượng Nghĩa, lừa ông này cùng chúng đến nhà nàng gọi cửa vào ban đêm. Mẹ nàng nghe tiếng ông Tiêu Nhượng Nghĩa liền bảo con dậy ra mở cửa cho bác vào. Ngờ đâu bè đảng Trương Thủ Hùng đã chuẩn bị sẵn kiệu nhẹ bốn người khiêng, nàng vừa mở cửa thì chúng lập tức xông đến bắt

lấy nà^{ng} đư^a l^{ên} kiệ^u, khoá cửa lại rồi ào ào khiē^{ng} chạ^y như bay.

Mẹ nà^{ng} chắ^{ng} biế^t vì sao con mình bị bắt nên nhào lắⁿ khóc lóc, còn nà^{ng} ở trong kiệ^u giấ^y giũa k^{êu} cứ^u, nhưng mấy tên bắt lương vẫn cứ thẳng đư^ờng mà chạ^y, không đ^ểm x^ỉa gì đ^{ến} tiế^{ng} k^{êu} khóc của nà^{ng}.

Không ngờ trời xanh có mắ^t, chắ^{ng} giú^p kẻ gian manh. Mấy tên lưu manh này vốn là bọn đầu trộm đ^uoi cướp đ^ược Trương Thủ Hùng tìm thuê từ xa đ^{ến} nên không rành đ^ường sá trong vùng. Trương Thủ Hùng đã chỉ đ^ường cho bọn chúng, bảo chúng khiē^{ng} chạ^y ch^ừng một canh giờ thì sẽ gặp người đ^{ón} đ^ường đ^ưa về nhà hắⁿ và nhận tiēⁿ thù lao. Nhưng phần vì trời tối, phần vì bọn chúng hốt hoắ^{ng} sợ người đ^uoi theo, nên mắ^t nhắ^m mắ^t m^ở th^ể nào lại chắ^{ng} nhìn thấy chỗ ngã ba r^ẽ về nhà Trương Thủ Hùng, cứ một l^{èo} theo đ^ường lớn chạ^y riết. Chạ^y đ^{ến} lúc trời đã sáng r^õ mà không thấy ai ra đ^{ón} cả, bọn chúng không biế^t tíⁿh sao đ^{àn}h hạ kiệ^u xuố^{ng} đ^ể bên l^ề đ^ường rồi kéo nhau bỏ đi mắ^t.

Mấy hôm sau, chúng tìm đ^{ến} gần nhà Trương Thủ Hùng rình rậ^p, đ^{ợi} lúc tên này vừa đi chơi về gần tối thì n^{ên} cho một trậⁿ thi^{ếu} sống thừa ch^{ết} đ^ể rửa m^{ôi} hận bắt bọn chúng khiē^{ng} kiệ^u chạ^y suốt đ^{êm} mà chắ^{ng} đ^ược gì! Quả thật là làm ác gặp ác, đ^{áng} đ^{ời} cho tên công tử nhà gi^{àu} gian manh háo sắ^c.

oo0oo

Buổi sáng hôm ấy, chàng Phan Thanh Quý tâm trạ^{ng} không vui nên bước ra ngoài dạo chơi một lát. Chắ^{ng} biế^t

thế nào lại vui chân đi mãi theo con đường trước nhà một quãng khá xa. Đến lúc chàng vừa định quay về thì bỗng nghe có tiếng người khóc than vắng vắng từ xa vọng đến. Chàng liền theo hướng ấy mà tìm đến, liền nhìn thấy một chiếc kiệu đặt bên đường, cửa khóa chặt, có tiếng một người con gái than khóc vọng ra từ trong ấy. Nhìn quanh nhìn quất lại chẳng thấy người khiêng kiệu đâu cả.

Thấy lạ, Phan Thanh Quý liền bước đến sát bên rồi lên tiếng hỏi:

– Cô nương con cái nhà ai? Vì sao kiệu bỏ ở đây lại không có người khiêng? Hay có chuyện gì không may đã xảy ra chăng?

Cô gái nghe tiếng người hỏi thì nín bật một lúc, rồi lên tiếng hỏi lại:

– Chàng là ai? Nghe câu hỏi của chàng thì xem ra chắc không thuộc bọn người đã bắt tôi đến đây. Nếu quả đúng vậy thì xin ra ơn cứu giúp, đưa tôi về nhà.

Chàng Phan Thanh Quý vừa nghe tiếng nói bỗng như bủn rủn cả tay chân, tim đập liên hồi thành thịch. Đúng là giọng oanh vàng thỏ thẻ ngày xưa, dù xa cách mấy năm nhưng chàng chưa lúc nào quên được. Chàng đánh bạo hỏi thẳng:

– Trời ơi! Có phải là cô nương Tiêu Bích Hà đó chăng?

Nàng nghe giọng nói cũng đã nhận ra là quen thuộc, nhưng còn e dè chưa dám vội vã, liền hỏi lại:

– Người là ai sao lại biết tên tôi?

Phan Thanh Quý mừng rỡ kêu lên:

– Đúng là cô nương rồi. Cô nương không nhớ lúc gặp nhau nơi sân chùa Hưng Duyên năm xưa đó sao?

Đôi bên nhận biết được nhau, mừng mừng tủi tủi. Chàng Phan Thanh Quý lập tức phá kiêu cho cô ra ngoài, lại đưa về nhà để giới thiệu với bà mẹ nuôi của mình.

Nhưng hai người về nhà thì không thấy bà cụ đâu cả. Chàng Phan Thanh Quý mời nàng ngồi nghỉ một lát trong gian nhà tranh, rồi nhân dịp đó hai bên cùng kể lể tâm sự những nỗi nhớ nhung mong chờ trong mấy năm qua... Khi hiểu ra được những trắc trở của nhau, đôi bên càng thêm yêu quý, kính mến lẫn nhau, mối duyên kỳ ngộ bỗng chốc trở nên nồng nàn tha thiết hơn cả buổi ban đầu...

Đang lúc vui chuyện, chợt nghe có tiếng người nói lớn trước sân:

– Nhà này có thể nướng nấu được, bà hãy vào nghỉ lại ở đây, tôi còn có việc phải đi.

Phan Thanh Quý nghe vậy liền mở cửa bước ra xem. Ô kìa! Một bà lão gầy ốm đang đứng trước sân, thân hình tiều tụy, dáng người khắc khổ, nhìn kỹ hóa ra chính là mẹ ruột của chàng! Chàng mừng quá chạy bay ra ôm chầm lấy mẹ rồi òa khóc:

– Mẹ ơi! Con quả thật là đứa con bất hiếu, bỏ mẹ mà đi suốt mấy năm nay. Nhưng sao mẹ lại đến được nơi này?

Bà mẹ chàng cũng mừng vui nghẹn ngào không nói được nên lời, hồi lâu mới lắp bắp nói:

– Đúng là Bồ Tát ra ơn cứu độ. Mẹ đang trên đường chạy giặc, gặp một bà già dắt mẹ cùng đi. Bà ấy đưa mẹ đi suốt đêm qua, sáng nay thì đến đây, lại bỏ mẹ ở đây mà đi mất rồi!

Chàng Phan Thanh Quý vội hỏi xem bà lão ấy dung mạo thế nào. Mẹ chàng vừa tả lại, chàng nhận biết ngay đó là bà mẹ nuôi của mình. Chàng vội chạy khắp quanh nhà tìm kiếm, không còn thấy mẹ nuôi đâu cả. Đến đây thì cả hai mẹ con đều hiểu ra mọi chuyện, tin chắc rằng suốt mấy năm qua họ đã luôn được Bồ Tát Quán Thế Âm âm thầm gia hộ che chở.

Kể ra cũng thật lạ kỳ! Từ quê chàng Phan Thanh Quý đi đến nơi đây đường xa diệu vợi, chỉ ít cũng mất cả tháng trời. Vậy mà bà lão kia nắm tay mẹ chàng dắt đi chỉ qua một đêm thì đến! Lại nữa, mấy tên lưu manh khiêng kiệu chẳng biết đường xá chỉ nhắm mắt đi bừa cả đêm, chẳng hiểu sao lại đưa được nàng Tiêu Bích Hà đến đúng chốn này. Quả thật là “hữu thành tất ứng”, nhờ có sự nguyện cầu tha thiết thành khẩn nên cảm ứng được mọi sự tốt lành như thế.

Hôm sau, Phan Thanh Quý lập tức mượn thêm mấy người hàng xóm, cùng khiêng kiệu đưa Tiêu Bích Hà trở về nhà, đồng thời mang lễ vật đến xin hỏi cưới nàng.

Trải qua sự việc kinh hoàng con gái bị cướp đi, bà mẹ nàng Tiêu Bích Hà không hỏi han gì nhiều nữa, lập tức gật đầu ưng thuận, chỉ mong nàng có nơi gửi gắm, có chỗ yên thân để không còn bị bọn lưu manh côn đồ dòm ngó nữa.

Thế là bà Lý thị nhanh chóng thu xếp tổ chức lễ cưới ngay cho con trai. Buổi lễ tuy chẳng có trà lang rượu cúc, đĩa ngà chén ngọc như các đám sang giàu, nhưng người trong xóm đến dự rất đông, vì hầu như ai cũng có con em được Phan Thanh Quý hết lòng dạy dỗ. Thật là một mối duyên lành, người người đến dự đều mừng thay cho họ, cùng nhau hoan hỷ chuyện trò, nói cười vui vẻ.

Từ đó về sau, mẹ con sum vầy, chồng vợ hòa thuận. Năm sau, nàng Bích Hà sinh được một đứa con trai, diện mạo khôi ngô, giống tạc như cha. Sau đó, chàng Phan Thanh Quý thi đậu cử nhân, ra làm quan, xây dựng nhà cửa thênh thang, giàu sang vinh hiển.

34. CON HIẾU KHÔNG DỐI CHA

Cổ Hùng là người rất hiếu thuận. Ông là con trưởng trong nhà, còn có hai người em hầy còn nhỏ dại. Người cha rất mực thương yêu các con, nhưng cảnh nhà không được dư giả nên lúc nào cũng thiếu trước hụt sau.

Cổ Hùng đi dạy học ở xa, nhận được tiền lương chỉ giữ lại vừa đủ chi tiêu cần yếu, còn bao nhiêu gửi cả về cho cha để lo cho gia đình, nuôi dưỡng các em.

Mùa xuân năm Canh Tý, Cổ Hùng nhận lời mời đến nhà bà họ Trương làm gia sư. Ngày mới đến dạy, bà Trương biết Cổ Hùng là con nhà nghèo, việc chi tiêu cá nhân thường eo hẹp, liền trả đủ tiền lương trọn một năm, đồng thời bảo ông:

– Số tiền hôm nay tôi đưa cho thầy, chắc chắn cha thầy không biết đến. Ở đây có người vừa rao bán một ruộng lúa non, vậy thầy hãy dùng số tiền này mà mua. Đến mùa thu

hoạch có thể kiếm được số tiền lời cũng khá khá. Như vậy thì tiền lương thầy vẫn gửi đủ về nhà, mà cũng có thêm được một số tiền để chi dụng.

Cố Hùng hết lời cảm ơn ý tốt của bà Trương, song ông nghiêm nghị đáp:

– Tôi không thể làm như thế. Cha tôi vẫn còn đó, dù việc lớn hay nhỏ đều phải do ý cha tôi quyết định. Tôi nay tuy đã lớn khôn ra ngoài kiếm sống, nhưng vẫn không dám vượt quyền cha. Tiền kiếm được xin gửi trọn về nhà, tùy ý cha tôi định liệu. Cho dù làm theo lời bà có kiếm được thêm tiền, nhưng giấu giếm cha tôi là chuyện tôi không thể làm.

Thế là, sau khi nhận đủ tiền lương cả năm, Cố Hùng liền gửi trọn hết về cho cha.

Do Cố Hùng tự mình nêu gương hiếu thuận, nên con cái ông về sau đều có phẩm hạnh tốt. Con trai ông là Tế Minh thi đậu tiến sĩ từ khi còn trẻ, làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ.

(trích Đức Dục Cổ Giám)

35. XIN ĂN NUÔI CHA MẸ

Dương Hiếu Tử người làng Vu Kiều, huyện Võ Tiến, tỉnh Giang Tô; cảnh nhà hết sức nghèo khổ, cha mẹ lại ốm yếu, thường xuyên bệnh tật, quanh năm lúc nào cũng cần đến thuốc thang. Vì thế, ngoài việc lo cơm cháo còn phải chi tiêu rất nhiều cho việc khám bệnh và mua thuốc men.

Trong hoàn cảnh khó khăn như thế, lại gặp lúc thời cuộc biến loạn, muốn đi làm thuê cũng chẳng ai thuê, Dương Hiếu Tử không biết làm sao để lo chu toàn cho cuộc sống của cha mẹ, vạn bất đắc dĩ chỉ còn cách chịu nhục đi ăn xin để về nuôi cha mẹ mà thôi.

Mỗi ngày xin được bao nhiêu thức ăn, chàng Dương đều mang cả về để cha mẹ dùng trước. Nếu thấy cha mẹ vẫn còn chưa no, cho dù bản thân đói đến hoa mắt đi chăng nữa cũng không dám ăn, luôn chờ đến khi nào cha mẹ ăn no xong, nếu còn dư thừa thì ăn, nếu không còn thì vẫn vui vẻ uống nước qua bữa, hái rau dại cầm hơi, không bao giờ để lộ cho cha mẹ biết mình đói thiếu. Hôm nào được chút thức ăn ngon, dù chưa đến bữa cũng chạy bay về dâng lên cho cha mẹ dùng ngay.

Nhưng Dương Hiếu Tử không chỉ lo việc phụng dưỡng cha mẹ bằng miếng ăn thức uống. Dù trong hoàn cảnh khốn cùng phải sống nhờ sự bố thí của mọi người, ông vẫn luôn quan tâm đến việc làm cho cha mẹ vui lòng. Mỗi ngày khi về nhà ông đều tìm những chuyện vui để kể cho cha mẹ nghe, lại tự mình học lấy những trò ca múa chôn dân gian, thỉnh thoảng lại vừa hát vừa nhảy múa để làm trò tiêu khiển cho cha mẹ...

Dương Hiếu Tử đi xin về nuôi cha mẹ theo cách ấy đến hơn mười mấy năm trời. Mọi người trong làng đều khuyên ông đi xa lập nghiệp, gửi tiền về nuôi cha mẹ, không phải sống quá khổ nhọc tội tày như thế. Dương Hiếu Tử cười đáp:

– Quả thật nếu tôi đi xa làm ăn thì có thể kiếm được tiền, nhưng vì cha mẹ tôi rày đau mai yếu, nếu không có tôi bên cạnh thì biết lấy ai chăm sóc hầu hạ.

Mọi người nghe ông nói như vậy đều cảm động, cho rằng ông đúng là một người con hiếu thảo xưa nay ít có.

(trích Đức Dục Cổ Giám)

36. HIẾU DƯỠNG MẸ SINH CON TRAI QUÝ

Thôi Miện từ nhỏ đã hết sức hiếu thuận. Cha ông qua đời từ khi ông còn tấm bé, mẹ ông vì quá đau lòng, khóc lóc đến nổi mù cả hai mắt. Thôi Miện bán cả ruộng vườn, đi khắp nơi tìm thầy hay thuốc tốt về chữa trị cho mẹ, nhưng các danh y được mời đến đều lắc đầu bó tay không chữa được.

Từ khi mẹ trở nên mù lòa, mỗi ngày Thôi Miện đều lo việc phụng dưỡng hết lòng, chí thành cung kính, chăm lo tất cả mọi vấn đề sinh hoạt hằng ngày của mẹ, lúc nào cũng nghiêm cẩn hết mực, không bao giờ thay đổi. Từ những thứ như y phục, đồ ăn, thức uống và tất cả mọi nhu cầu cần thiết trong đời sống hằng ngày của mẹ, Thôi Miện đều tùy theo thời tiết trong năm mà thay đổi sao cho thích hợp, lúc nào cũng làm cho mẹ được cảm thấy vui vẻ, thỏa mái, không thiếu thốn thứ gì.

Những ngày thời tiết tốt đẹp, Thôi Miện dìu mẹ ra ngoài đi dạo hóng mát, hít thở không khí trong lành của đất trời, tận hưởng những làn gió mát thoang thoảng chút hương thơm của mạ non.

Tuy hai mắt của mẫu thân đã mù, không thể thưởng thức phong cảnh đẹp như tranh của làng quê yên bình, nhưng Thôi Miện thường đi cạnh bên miêu tả cảnh vật bên ngoài cho mẹ nghe, làm cho mẹ ông cũng có cảm giác như đang được tận mắt thưởng thức. Mỗi ngày, trước khi đi ngủ Thôi Miện luôn dành thời gian kể cho mẹ nghe những việc xảy ra trong ngày, để bà không có cảm giác cách biệt với mọi sinh hoạt xã hội.

Về sau, Thôi Miện làm quan ngày càng thăng tiến, song lúc nào cũng vẫn giữ một mực cung kính đối với mẹ già, luôn tự mình chăm sóc phục dịch mọi sinh hoạt hằng ngày chứ không bao giờ để cho gia nhân làm thay. Ngoài ra, ông còn tự tay trồng rất nhiều loại cây ăn trái trong vườn nhà mình như đào, mận, quýt... Do đó mà suốt bốn mùa trong năm lúc nào cũng có trái cây tươi ngon ngọt để dâng lên mẹ.

Sau khi mẹ già trăm tuổi, Thôi Miện lại phát tâm ăn chay trường, tụng kinh niệm Phật hồi hướng phước lành cầu cho mẫu thân được vãng sinh về Tịnh độ.

Bởi suốt một đời Thôi Miện luôn nêu cao tấm gương hiếu hạnh, nên con cháu của ông cũng đều rèn luyện được nhân cách hơn người. Thôi Miện làm quan đến chức Trung thư thị lang, con trai được phong làm Hữu phủ, là một trong những danh tướng thời bấy giờ.

(trích Đức Dục Cổ Giám)

37. CHU THỌ XƯƠNG HẾT LÒNG TÌM MẸ

Chu Thọ Xương triều Tống là con của quan Hình bộ thị lang Chu Tốn. Mẹ ông là Lưu thị, xuất thân thấp hèn.

Năm Thọ Xương lên 7 tuổi, cha mẹ chia tay nhau không còn sống chung. Về sau mẹ ông tái giá rồi theo chồng, biệt vô âm tín.

Sau khi Thọ Xương lớn lên, thường luôn nhớ nghĩ đến mẹ, song không còn chút manh mối nào để có thể biết được hiện giờ mẹ đang lưu lạc nơi đâu. Ông vì thương nhớ mẹ mà trong lòng không lúc nào nguôi được nỗi buồn. Cuối cùng, ông quyết định từ quan, nhất định lên đường tìm gặp cho được mẹ.

Ông trải qua vạn dặm đường đời, nếm đủ trăm cay ngàn đắng, lưu lạc khắp nơi nhưng vẫn chưa đạt được ý nguyện. Mỗi khi dò la được chút tin tức gì ở nơi đâu, dù rất mơ hồ, ông cũng lập tức băng đèo lội suối tìm đến tận nơi, hy vọng tìm gặp lại được người đã mang nặng đẻ đau ra mình.

Sự tìm kiếm của Chu Thọ Xương quả thật chẳng khác nào mò kim đáy bể! Thời gian trôi qua đã xóa hết đi mọi dấu vết mong manh mà mẹ ông để lại. Những lần dò hỏi tìm tòi của ông phần lớn chỉ nhận được những cái lắc đầu ngơ ngác và những câu trả lời không manh mối. Dù vậy, ông vẫn nuôi hy vọng sẽ gặp lại được mẹ hiền, vẫn không mỗi một đêm ngày tìm kiếm khắp nơi.

Chu Thọ Xương vốn từ nhỏ đã tin theo Phật giáo, thường đến chùa lễ Phật, cúng dường Tam bảo, cứu giúp người nghèo khó. Trên đường gian nan tìm mẹ, ông càng vững lòng tin hơn nữa, lúc nào cũng cầu nguyện chư Phật gia hộ cho việc tìm mẹ của mình sớm được kết quả. Hơn thế nữa, ông còn phát nguyện tự mình sao chép trọn bộ Thủy sám thành rất nhiều bản, truyền rộng ra khắp nơi để

làm lợi ích cho nhiều người. Bản thân ông cũng thường trỉ tụng không mệt mỏi và luôn đề tâm tự xét những lỗi lầm của mình để sám hối và tu dưỡng.

Quả nhiên, sự quyết tâm và những nỗ lực của Chu Thọ Xương cuối cùng rồi cũng được đền đáp. Một hôm, ông phiêu bạt đến vùng Đồng Châu thuộc tỉnh Thiểm Tây, hết sức tình cờ gặp lại được mẹ. Tuy tóc bà đã bạc trắng, khuôn mặt khô gầy thay đổi rất nhiều qua thời gian, nhưng ông vẫn còn nhớ rõ như in và lập tức nhận ra ngay khi nhìn thấy bà đang chậm rãi bước đi trên đường. Kể cũng lạ, lúc bà ra đi thì Thọ Xương chỉ là đứa bé 7 tuổi, hôm nay đã lớn khôn trưởng thành, trải qua hơn hai mươi năm dài, thế mà hình dáng của mẹ vẫn được ông ghi khắc kỹ trong lòng, vừa thoáng nhìn là đã nhận ra được ngay.

Nhưng mẹ ông thì không tài nào nhận biết được ông. Ông vội vàng chạy đến gọi mẹ, vẫn thiết tha như ngày còn bé:

– Mẹ ơi, mẹ ơi! Con là Thọ Xương con của mẹ đây!

Bà mẹ đứng sững lại, ngẩn người kinh ngạc:

– Trời ơi! Thật là con của mẹ đó sao! Làm sao con biết mẹ ở nơi này mà tìm đến?

Hai mẹ con đã hai mươi mấy năm không gặp, ôm nhau òa khóc giữa đường, quả thật là mừng chảy nước mắt! Rồi bà mẹ khóc nức nở, hỏi han việc những năm qua con sống thế nào. Thọ Xương đem việc lang thang khắp nơi tìm mẹ kể lại, khiến bà không khỏi ngậm ngùi rơi nước mắt.

Thế là Chu Thọ Xương liền rước mẹ về nhà, hết lòng hiếu dưỡng. Từ đó ông mới nhận làm chức quan Tư nông thiếu khanh, ngoài việc triều chính ra thì dành hết thời gian để chăm sóc, phụng dưỡng mẹ già, dốc lòng hiếu thuận.

Không bao lâu, câu chuyện tìm mẹ của Chu Thọ Xương đã trở thành một giai thoại được truyền đi khắp nơi, ai nghe thấy cũng hết lòng ngưỡng mộ, kính phục.

(trích Mộng Khê bút đàm)

38. TU THÂN VÀ GIÚP NGƯỜI ĐỂ BÁO ÂN

Lâm Thừa Mỹ người Phúc Kiến, từ nhỏ đã sớm mồ côi cha, mẹ ông phải hết sức gian khổ mới nuôi dưỡng dạy dỗ ông được nên người. Ngờ đâu, đến lúc ông công thành danh toại thì mẹ hiền cũng sớm lìa trần, khiến ông không khỏi buồn đau thương tiếc. Lâm Thừa Mỹ ngày đêm nghĩ nhớ đến ơn sâu của cha mẹ, chẳng biết làm sao đáp đền, vì thế mà ngày đêm khóc thương rơi lệ.

Một hôm, tình cờ gặp được một vị thiền sư, biết được nỗi khổ tâm của ông liền khuyên rằng:

— Người con hiếu nghĩ nhớ đến ơn sâu của cha mẹ phải nghĩ cách báo đáp, nếu chỉ khóc thương thì cũng chẳng ích gì. Nay ông cần biết việc báo đáp công ơn cha mẹ phải làm như thế nào. Người xưa có dạy: “Làm điều lành, mẹ cha được phần lợi ích; làm điều ác, mẹ cha phải chịu tổn hại.” Nếu ông muốn báo đáp ơn sâu của cha mẹ thì chỉ có một cách duy nhất là tu hành giới sát, chấm dứt những khổ đau do sự giết hại gây ra, đồng thời phát tâm mua rất nhiều vật mạng về phóng sinh, hồi hướng mọi công đức về cho cha

mẹ. Đây chính là phương cách báo hiếu cao cả và chân chính hơn hết.

Lâm Thừa Mỹ nghe qua lời dạy của vị thiền sư, hết sức mừng rỡ, liền lập tức vâng làm theo. Từ đó về sau phát nguyện ăn chay giới sát, từ bỏ sự giết hại, đồng thời thường xuyên bỏ tiền mua vật mạng về phóng sinh, lại làm rất nhiều việc lành, cứu giúp mọi người.

Việc làm của ông nêu lên một tấm gương sáng về hiếu hạnh cho tất cả những người làm con. Cuối đời, ông hưởng thọ đến 96 tuổi, tiếng thơm lưu truyền khắp chốn.

(trích Âm chất văn quảng nghĩa)

39. HIẾU THUẬN THOÁT NẠN SÉT ĐÁNH

Ngô Nhị là một người dân nghèo ở huyện Lâm Xuyên, tỉnh Giang Tây, hầu hạ chăm sóc mẹ già hết sức hiếu thuận, luôn cố gắng làm cho mẹ được vui lòng. Một hôm, có thầy tướng số đi ngang qua nhà, chăm chú nhìn ông hồi lâu rồi nói:

– Cứ theo sát khí hiện thấy thì đúng giờ Ngọ ngày mai ông sẽ bị sét đánh chết.

Ngô Nhị nghe như vậy thì vô cùng hốt hoảng. Tuy ông không hề sợ chết nhưng lại sợ không có ai chăm sóc hầu hạ mẹ già, liền theo khẩn khoản van xin thầy tướng số chỉ cho một phương cách cứu nạn. Thầy tướng lắc đầu nói:

– Ta cũng chỉ là thầy sao nói vậy. Chuyện nghiệp duyên nhân quả của mỗi người đều tự làm tự chịu, ta cũng không có cách nào hóa giải được.

Nói rồi dứt áo đi thẳng.

Ngô Nhị lại nghĩ, nếu mình bị sét đánh chắc chắn sẽ làm cho mẹ kinh hãi. Vì thế, sáng hôm sau ông chuẩn bị thức ăn điểm tâm cho mẹ xong liền thưa với mẹ:

– Thưa mẹ! Hôm nay con có chút việc phải ra ngoài, xin mẹ hãy qua ở tạm bên nhà của hàng xóm.

Nhưng người mẹ không chịu đi, lại khẳng khẳng muốn giữ ông ở nhà. Ông còn đang bận bịu chưa dứt ra đi thì bỗng thấy mây đen kéo đến che kín cả bầu trời, sấm sét nổi lên ầm ầm, chớp nháng rực trời. Ngô Nhị càng thêm lo lắng, sợ nếu mình ở đây thì sét đánh xuống sẽ làm cho mẹ kinh hãi, vội vàng đóng chặt cửa lại rồi chạy thẳng ra ngoài đồng, ngồi đó chờ sét đánh.

Không ngờ chỉ trong chốc lát mây tan mưa tạnh, bầu trời lại trong sáng trở lại, Ngô Nhị vẫn không bị sét đánh, bình an trở về nhà.

Hôm sau, thầy tướng số đi ngang nhà nhìn thấy Ngô Nhị thì kinh hãi nói:

– Ông làm sao có thể thoát được đại nạn đó vậy?

Ngô Nhị trả lời “Không biết”, rồi kể lại cho thầy tướng số nghe tường tận mọi việc. Thầy gật đầu nói:

– Ta đã rõ rồi. Đó là lòng hiếu thảo của ông cảm động thấu trời xanh, nên mới trải qua đại nạn không chết.

Từ đó về sau, Ngô Nhị càng hết lòng hiếu kính với mẹ già, xóm giềng trông thấy không ai là không kính phục.

(trích Đức Dục Cổ Giám)

40.CON HIẾU XẢ THÂN CỨU CHA

Hứa Thản được mọi người tôn xưng là một người con chí hiếu vào đời Đường. Câu chuyện về ông là một câu chuyện có thật nhưng hết sức ly kỳ và khó tin.

Năm Hứa Thản vừa lên mười, một hôm theo cha lên núi hái thuốc. Đi được nửa đường bỗng có một con báo từ trong lùm cây phóng ra, há miệng đỏ như chầu máu, vồ bắt lấy người cha. Trước tình huống hết sức nguy cấp đó, tuy Hứa Thản chỉ là một đứa trẻ nhưng lại hết sức bình tĩnh không chút sợ hãi, vừa lớn tiếng kêu cứu, vừa cúi xuống nhặt ngay một khúc cây dài rồi xăm xăm chạy tới đuổi đánh con báo.

Thật là kỳ lạ! Không biết vì con báo kia bất ngờ trước sự tấn công của cậu bé, hay vì nó khiếp sợ trước lòng dũng cảm của cậu, nhưng sự thật là nó lập tức chùng bước lại rồi quay đầu chạy thẳng mất dạng vào núi.

Cha con Hứa Thản vừa thoát khỏi nanh vuốt thú dữ trong gang tấc, lập tức ba chân bốn cẳng chạy bay về làng, bỏ cả việc hái thuốc.

Câu chuyện này sau đó được lan truyền đi khắp nơi, ai nghe cũng lấy làm thán phục lòng dũng cảm của một cậu bé lên mười đã dám liều thân cứu cha, đuổi được thú dữ. Không bao lâu, câu chuyện đến tai vua Đường Thái Tông. Nhà vua tỏ ra hết sức ngạc nhiên, liền nói với triều thần:

– Hứa Thản chỉ là một đứa trẻ lên mười lại dám xả thân cứu cha, đuổi được mãnh thú, lòng hiếu như thế thật

khiến cho người khác phải cảm động, nên ban thưởng thật nhiều để nêu gương tốt cho mọi người.

Liên hạ lệnh ban thưởng rất nhiều cho gia đình Hứa Thản. Về sau, nhà vua lại phong cho Hứa Thản làm quan Văn lâm lang, cả nhà cùng hưởng vinh hoa phú quý.

(trích Lịch sử cảm ứng thông ký)

41. NÀNG DÂU HIẾU THẢO MẸ CHỒNG

Triều Tống có một người phụ nữ hiền lương là Trần thị, năm 20 tuổi xuất giá về nhà chồng, sống một cuộc sống hết sức vui vẻ, tràn đầy hạnh phúc. Ngờ đâu chưa được một tháng sau, người chồng đã phải sung vào quân ngũ, lên đường ra trận. Tình cảnh vợ chồng vừa mới cưới đã ly biệt, thật buồn rầu ử rữ biết dường nào. Trước lúc chia tay, người chồng ân cần nắm tay vợ nói:

– Sau khi ta đi rồi, nhờ nàng ở nhà chăm sóc phụng dưỡng mẹ già thay ta!

Trần thị cũng cố tỏ ra cứng rắn, ôn tồn an ủi chồng, hứa là sẽ hết lòng chăm sóc nuôi dưỡng mẹ già.

Sau đó không bao lâu thì nhận được hung tin, người chồng không may tử trận. Trần thị đau buồn khôn xiết kể, nhưng muốn quyền sinh theo chồng nhưng vẫn phải gắng gượng sống để còn lo chăm sóc nuôi dưỡng mẹ chồng.

Người cha của Trần thị thấy con gái mình tuổi mới đôi mươi đã rơi vào cảnh góa bụa, liền hết lời khuyên nàng nên tính chuyện tái giá. Song Trần thị kiên quyết nói với cha:

– Thừa cha, con biết cha khuyên như vậy cũng chỉ vì muốn tốt cho con. Nhưng chồng con tuy đã bỏ mình, nhưng mẹ chồng còn đó không người chăm sóc. Nay nếu con bỏ mẹ mà đi lấy chồng khác, đã không vẹn tình nghĩa với chồng, lại không tròn chữ hiếu với mẹ chồng, như vậy chẳng phải là để tiếng xấu cho cả gia đình mình đó sao. Xin cha cho phép con thủ tiết thờ chồng, hết lòng nuôi dưỡng chăm lo cho mẹ.

Cha nàng thấy ý con gái đã quyết nên cũng thôi không khuyên con tái giá nữa. Từ đó về sau, Trần thị siêng năng làm việc, may thuê vá mướn, kiếm được chút tiền nào đều dành dụm lo cho mẹ chồng. Trải qua nhiều năm như thế, trước sau vẫn không một chút lười biếng mệt mỏi. Đến khi mẹ chồng qua đời, cô còn lo việc chôn cất ma chay đàng hoàng tươm tất.

Lòng thủy chung với chồng và tấm gương hiếu thảo của người con dâu Trần thị đã khiến rất nhiều người cảm động và kính phục. Hoàng đế đương thời biết chuyện liền ban thưởng cho rất nhiều tiền bạc và phong tặng danh hiệu là “người con dâu hiếu thảo”.

(trích Nữ phạm)

42. ĐÔI TUỔI THỌ CHO CHA

Hoàng Đạo Hiền được tôn xưng là một người con chí hiếu vào triều Nguyên. Từ nhỏ ông đã bất hạnh mất mẹ, bao nhiêu nỗi nhọc nhằn gian lao đều do một tay cha ông lo liệu, nuôi dưỡng dạy dỗ ông nên người.

Cảm nhận được công ơn sâu nặng của cha, Hoàng Đạo Hiền luôn hết lòng chăm lo săn sóc phụ thân, mỗi ngày hai

buổi sáng tối đều thành khăn hỏi thăm xem cha có được khỏe mạnh không, ăn ngủ có ngon không, xưa nay chưa một ngày xao nhãng.

Một năm nọ, người cha mắc phải một chứng bệnh trầm kha, đã mời khắp các danh y đến chữa trị song bệnh tình vẫn không thuyên giảm, ngày càng trầm trọng hơn, đến nỗi thần thức hôn mê, nằm liệt trên giường. Tất cả danh y đều đã bó tay đầu hàng.

Hoàng Đạo Hiền thấy bệnh tình của phụ thân rất nguy cấp, ngày đêm buồn rầu lo lắng, quên ăn mất ngủ. Bấy giờ, ông không còn biết làm sao được nữa, bèn thắp hương khấn nguyện giữa đất trời, xin đổi 12 năm tuổi thọ của chính mình để tăng thêm tuổi thọ cho cha.

Quả thật là “tâm thành tất ứng”, ông thành tâm cầu nguyện như vậy suốt mấy ngày đêm, thần thức của cha ông liền dần dần tỉnh lại, bệnh tật cũng lui dần. Rất nhiều danh y thấy người cha của Hoàng Đạo Hiền không dùng thuốc nữa mà lại dần dần bình phục đều ngạc nhiên cho là kì tích.

Sau cơn bệnh ngặt nghèo ấy, quả nhiên cha ông sống thêm được đúng 12 năm nữa rồi mới qua đời. Còn Hoàng Đạo Hiền, tuy tự nguyện xin đổi tuổi thọ cho cha, nhưng ngược lại vẫn sống rất thọ, hơn nữa lại có một cuộc sống giàu sang sung túc, đến lúc lâm chung thân không bệnh khổ, an nhiên lìa trần. (trích Vạn thiện chi nguyên)

43. THAY NHAU NUÔI CHA MẸ

Vào triều Thanh, tại huyện Sùng Minh, tỉnh Giang Tô có người họ Ngô sinh được bốn đứa con trai. Vì gia đình

quá nghèo khổ không đủ sức nuôi dưỡng nên đành phải cho đi làm tôi tớ cho một người nhà giàu.

Mặc dù vậy, nhờ siêng năng cần mẫn nên khi lớn lên thì cả 4 người con trai ấy đều dần dần thoát khỏi cảnh tôi tớ và tự lập thân mình. Sau khi cưới vợ, họ xây dựng được một căn nhà lớn và cả đại gia đình cùng chung sống.

Lúc đầu, họ bàn nhau rằng bốn anh em phải thay phiên nhau phụng dưỡng cha mẹ, mỗi người lo trong một tháng. Nhưng có một người con dâu lại nói:

– Nếu mỗi gia đình phụng dưỡng trong một tháng, hóa ra phải chờ đến 3 tháng sau mới lại có cơ hội hầu hạ phụng dưỡng cha mẹ. Như vậy tình cảm đối với cha mẹ chẳng phải sẽ phát sinh khoảng cách hay sao? Chi bằng mỗi người chỉ lo phụng dưỡng trong một ngày sẽ tốt hơn!

Nhưng rồi những người con dâu khác cũng không chịu. Một người nói:

– Nếu mỗi người phụng dưỡng một ngày, như vậy cũng phải đến 3 ngày sau mới đến lượt mình, cũng là quá lâu. Thôi thì mỗi người hãy phụng dưỡng cha mẹ trong một bữa mà thôi.

Và tất cả mọi người đồng ý thỏa thuận với nhau từ đó về sau cứ mỗi người lo việc phụng dưỡng chu đáo cho cha mẹ một bữa ăn trong ngày, sau đó đến người khác, cứ luân phiên như vậy.

Thật là kỳ thú, cái vòng xoay luân phiên phụng dưỡng cha mẹ như thế kéo dài qua nhiều năm mà vẫn trước sau như một, không có ai trong bọn họ tỏ ra chán nản hay mệt

mỏi. Cho đến khi Ngô lão ông đã được 99 tuổi, lão bà cũng đã 97 tuổi, con trai trưởng 77 tuổi, con trai thứ 76 tuổi, còn con trai thứ ba và tư cũng đều bạc tóc, mà cả đại gia đình họ vẫn sống chung âm êm hòa thuận.

Gia đình họ Ngô này cả năm thế hệ cùng sống chung dưới một mái nhà, cháu chắt đông đúc, cả thấy đến hơn 20 người, thật là hiếm có trên đời. Đó đều là do nơi lòng hiếu thuận của những người con và dâu của Ngô lão, tất cả đều đồng lòng lo việc đáp đền công ơn cha mẹ. Thật đáng kính phục lắm thay, rất đáng làm tấm gương sáng để mọi người cùng noi theo. (trích Ngự Dương dạ đàm)

PHẦN 6

44. CẦN SÁM HỎI KỊP THỜI

Có một chàng thư sinh kia rất dũng cảm. Một đêm nọ, khi trời vừa tạnh mưa và mặt trăng chiếu sáng vàng vạc, anh ta mang một bình rượu lớn tới nghĩa địa. Anh ta nhìn xung quanh và hô lớn: “Đêm nay thật đẹp, nhưng ta chỉ có một mình, vô cùng cô đơn, hỡi những bằng hữu ở thế giới bên kia, có ai muốn cùng ta uống rượu không?”

Trong chốc lát, anh ta thấy lân tinh lấp lánh ẩn hiện trong đám cỏ. Có khoảng 10 cái bóng. Đám ma quỷ lại còn hô hoán, vù vù vây vòng quanh anh ta, dừng lại cách anh ta một trượng mà không tiến tiếp lên nữa. Chàng thư sinh đi vòng quanh, vừa đi vừa vẩy rượu từ trong một cái vại lớn xuống đất. Lũ quỷ cúi đầu xuống đất hít hít mùi

rượu. Một con quỷ khen rượu này rất ngon, lại còn xin thêm nữa.

Chàng thư sinh vừa vẫy thêm rượu vừa hỏi: “Tại sao các người không luân hồi?” Một con quỷ nói: “Những người làm việc thiện thì đều đã chuyển sinh hết rồi. Những kẻ tội ác tà trời thì đều bị đọa xuống địa ngục chịu trừng phạt. Mười ba người chúng tôi, bốn người sau khi chịu tội xong sẽ được luân hồi; chín người còn lại, do nghiệp báo trầm luân nên không thể luân hồi nữa.”

Chàng thư sinh tò mò hỏi: “Tại sao các người không sám hối cầu giải thoát?” Một con quỷ trả lời: “Người ta phải sám hối lúc còn sống. Sau khi chết thì không còn sám hối được nữa.”

Chàng thư sinh dốc bình rượu xuống, tỏ ý là rượu đã uống cạn sạch rồi. Lũ quỷ đều loạn choạng rời đi. Một con trong đám quỷ quay đầu lại căn dặn: “Ngạ quỷ được uống rượu ngon như thế, chẳng có gì để báo đáp lại nhà người, chỉ có một câu này tặng người thôi – nếu có sám hối thì nhất định phải làm lúc còn sống!”

(Theo “Duyệt vi thảo đường bút ký”)

45. TƯ MÃ QUANG SỬA CHỮA SAI LẦM

Tư Mã Quang (1019-1086) là một nhà sử học, một học giả, và là Thừa tướng thời nhà Tống. Ông là người biên soạn chính cuốn sách Tư trị thông giám, một cuốn biên niên sử quan trọng của Trung Quốc, hoàn thành vào năm 1084. Tư Mã Quang từng kể cho mọi người một câu chuyện thuở nhỏ của ông:

“Khi còn nhỏ, có một lần ta và chị gái muốn bóc vỏ quả hồ đào còn xanh mà không làm được. Khi chị ta đi ra ngoài, một tì nữ đã giúp ta bóc vỏ bằng cách ngâm hồ đào vào trong nước sôi. Sau khi chị của ta trở lại, chị ấy muốn biết ai đã bóc vỏ hồ đào, ta liền nói: ‘Tự em đã làm đấy.’ Phụ thân ta vô tình nghe thấy, ông liền trách mắng ta: ‘Làm sao mà một tiểu hài tử lại có thể nói dối chứ?’ Từ đó trở đi ta không bao giờ dám nói dối nữa. (Theo “Đức dục cổ giám”)

46. QUỶ DƯỚI ĐỊA NGỤC ĂN GÌ?

Tác giả: Dư Nhân, Dajiyuan

Dịch giả: Việt Nguyên

Trong “Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký” của Kỷ Hiểu Lam, có một đoạn kể về câu chuyện ở dưới địa ngục, đó là vào triều đại Thanh, tại chùa Hoành Ân nằm ở phía tây nam Trung Quốc có một lão tăng – Minh Tâm hòa thượng đã thuật lại một câu chuyện, Kỷ Hiểu Lam đã đích thân ghi lại, sau đó truyền lại cho chúng ta.

Vị hòa thượng Minh Tâm kể rằng:

“Trong một lần tọa thiền, nguyên thần (linh hồn) tôi đã rời khỏi cơ thể, đến thế giới âm phủ, và cũng chính là đến địa ngục. Tôi thấy những bộ mặt dữ tợn của các quỷ cai ngục, chúng đang xua đuổi mấy nghìn tù nhân, tập trung họ lại tại quảng trường ngay trước điện châu Diêm Vương, hơn nữa các tù nhân liên tiếp tăng thêm. Những người này bất kể là nam hay nữ đều bị tước bỏ hết quần áo, hai tay bị trói lại sau lưng, đang đợi để được gọi đến tên. Có một quan viên chính ngồi ở phía trên, nghe một

viên cai ngục lấy bảng danh sách tên ra điểm danh. Viên quan chính bắt đầu việc lựa chọn và phân loại các tù nhân được gọi tên. Tiêu chí để lựa chọn là xem thân thể có khỏe mạnh không? Già hay trẻ? Béo hay gầy? Điều này khiến cho người ta có cảm giác như đi chợ chọn mua lợn, gà, bò và dê ... nói chung là không khác là mấy. Những tù nhân bị chọn lựa ra rồi, từng nhóm từng nhóm tại hiện trường chờ đợi hung thần rất ác tợn như ma vương mang đi khỏi hiện trường.

Tôi cảm giác rất rõ sự kỳ quái lạ lẫm không thể giải thích được, rõ ràng là người, mà tại sao lại bị đối xử như thế này? Tôi thấy một cai ngục đứng xa vị chủ quản quan viên một chút, liền đi qua đó hỏi thăm vài câu. Vừa nhìn một cái thì hóa ra là vị thí chủ đã từng quen trước đây, cả hai chúng tôi chào hỏi lẫn nhau. Tôi chấp tay chử thập và hỏi:

- Đây là những người đã làm gì?

Quan cai ngục đáp:

- Áp giải các tù nhân đi là thiên ma nằm trong các tầng của tam giới, các tù nhân bị áp tải sẽ bị họ ăn thịt, chúng đều lấy người làm thực phẩm để ăn, ăn thịt người cũng như là ăn cơm và bây giờ chúng đang phân chia đồ ăn đó”.

Nhìn thấy khuôn mặt kinh hãi của tôi, viên cai ngục tiếp tục giải thích:

- Phật Tổ Như Lai đã vận dụng đại thần thông để hàng phục Ma Vương quy y và đồng thời thuyết pháp bao gồm việc không uống rượu, không ăn thịt trong “Ngũ giới

luật”, từ đó trở đi không được lấy người làm thực phẩm. Có một vài thiên ma kể từ đó đã chấp hành theo “Ngũ giới”, không còn phạm vào giới ăn thịt người nữa; tuy nhiên, có nhiều bộ tộc trong Ma giới, tốt xấu lẫn lộn, đối với Phật Chỉ của Như Lai tồn tại khá nhiều ý kiến đối lập khác nhau, chúng nói: “Không ai có thể nói rõ ràng, từ khi nào ma giới bắt đầu ăn thịt người, cũng như con người khi nào bắt đầu ăn lương thực ngũ cốc. Phật Tổ nếu như ngài có thể làm cho con người không ăn lương thực thì chúng tôi cũng sẽ không ăn thịt người nữa.” Những tiếng kêu sợ hãi vẫn vang vọng, không dứt khỏi lỗ tai tôi.

Ngay cả Ma Vương cũng không thể ngăn chặn lại được.

Lúc này, Đức Phật với lòng từ bi và sự uy nghiêm cũng ở đó. Ngài quyết định đưa ra một chỉ lệnh khiến cho ba cõi đều phải kính phục:

- Đối với những kẻ tội ác ghê tởm, không xứng đáng được luân hồi chuyển sinh, nơi nào ở địa ngục cũng đều không thể dung nạp những kẻ gian ác này, loại này có thể cho các thiên ma thuộc các tầng trời ăn. Như thế các thiên ma này đã có cái để ăn rồi, cũng có thể ngăn ngừa bọn chúng gây đau khổ cho sinh linh các giới.

Thập Đại Diêm Quân vì thế đã cùng bàn bạc về Phật Chỉ, và sau đó đã đưa ra quyết định:

- Vì lo nghĩ cho hạnh phúc và lợi ích của dân chúng, chúng ta nên tuân theo ý chỉ của Đức Phật, nên vì dân mà tạo phúc, không thể nghe bất cứ sinh mệnh tà ác nào mà gây họa cho chúng sinh! Các Diêm Quân đã cân nhắc hết

lần này đến lần khác, cuối cùng chọn ra bốn loại người mà địa ngục không thể thu giữ lại được, nghiêm trọng nhất đó là loại người gây tai họa cho dân chúng. Những loại người này vốn có phúc phận ở cõi người, nhưng lại không biết ghi ơn báo đáp, không biết thận trọng từ lời nói cho đến việc làm, trái lại còn không ngừng làm việc ác, làm thế gian ngày thêm bại hoại như lửa cháy thêm dầu, tội trạng đều đã rõ ràng, tội nghiệp tày trời, có thể được sử dụng như thức ăn của ma. Đây là những loại người đó.

1. Loại người đầu tiên là quan lại
2. Loại người thứ hai là phục dịch cho quan lại
3. Loại người thứ ba là họ hàng thân thuộc của quan lại
4. Loại người thứ tư là tay sai tôi tớ của các quan lại

Tại sao lại chọn ra bốn loại người này? Mặc dù những người này không trực tiếp chịu trách nhiệm chính thức, nhưng vẫn có quyền hạn nhất định. Làm quan thì nên chú ý đến chức trách, thanh danh của bản thân, vậy mà những người này chỉ biết trục lợi, dựa vào quyền hành của mình, làm mưa làm gió, ỷ thế hiếp người, đối với dân chúng ra sức bóc lột thậm tệ, cường đoạt ngang tàn hết khả năng có thể. Khiến cho dân chúng phải nuốt lệ, khóc chảy máu mắt, tội lỗi chồng chất, có chặt hết tre làm sách cũng không ghi chép hết tội lỗi, thậm chí thần người đều phần nộ.

Nhìn chung trong thiên hạ, duy chỉ có bốn loại người này là thường tạo ác nghiệp nhiều nhất. Vì vậy, để làm trong sạch địa ngục, thì để cho những người này vào chảo

đun sôi! Còn như đối với các phương pháp ăn cụ thể, vẫn còn rất nhiều điều thứ đáng được chú ý. Các ma vương thường chỉ ăn những loại người da dẻ trắng trẻo, mềm mại mà lại béo tốt đầy đặn, còn đối với những kẻ mà da thô, đen, già, gầy – bốn loại người này thì để lại cho các quỷ đói ma đói.

Bốn loại người tội lỗi này trong quá trình bị chúng ma ăn, khiến người ta phải sờn tóc gáy, đây cũng là căn cứ vào quá trình tự bản thân tạo ác nghiệp nhiều hay ít mà bị trừng phạt và chịu đựng:

Đối với bốn loại người mà có nghiệp xấu nhẹ một chút, một khi bị chặt, cắt, hằm, nấu thì ngay lập tức liền biến mất, cái gì cũng không còn nữa;

Nghiệp xấu nặng hơn một chút, thì đem tàn cốt của xương còn sót lại tiếp tục thổi Nghiệp Phong vào, lập tức lại trở về hình dạng vốn có, sau khi hồi sinh, người này lại một lần nữa bị cúng cho mâm của ma đao. Khi đang ở thế gian, con người có thể nói sau khi tử vong, đã chết rồi thì dường như đều không biết gì; trong khi đó linh hồn xuống địa ngục sau khi chết, thông thường đều là trường sinh bất tử. Vì vậy, loại hình phạt tàn khốc này, phải lặp đi lặp lại nhiều lần, có một số người chết đi sống lại hai hoặc ba lần, trong khi những người khác phải lặp đi lặp lại hàng ngàn lần không giống nhau;

Loại người mà có nghiệp ác nặng nhất, trong vòng một ngày thì bị hóa hình dạng hiện tại của nó nhiều lần, phải chịu hình phạt thịt thái nhỏ, bị cắt, thiêu, nướng dài bất tận. Kỳ thực, đây đều là những gì được nhắc đến trong Kinh Phật, đối với những kẻ tội ác tà trời sẽ phải “chịu

tội khổ và hình phạt này vĩnh viễn”. Chỉ bất quá tại đây, là một quá trình thực hiện cụ thể. Tất nhiên, mỗi một lần quá trình cắt, lóc (thịt), thiêu, nướng đối với người ấy đều là một lần chết đi sống lại rất sinh động và chân thực, là một quá trình cực kỳ đau đớn và khủng khiếp. Vì vậy mà âm thanh la hét của bốn loại người này tràn ngập khắp âm phủ, vang vọng khắp địa ngục.

Quan cai ngục nói đến đây, tôi không thể kiềm nổi sự khiếp sợ thốt lên rằng:

- Thế thì thà xuất gia làm hòa thượng còn hơn, như vậy sẽ không bao giờ phải gánh chịu hậu quả tai hại ấy.”

Quan coi ngục nói rằng:

- Căn bản không phải là đạo lý này. Nắm giữ trong tay người chính là quyền lực có thể hại người, tuy nhiên, cái quyền lực này cũng có thể giúp đỡ người khác! Khi Phật Thích Ca Mâu Ni triệu tập Linh Sơn Hội, trong đó có một vị thân làm ở phủ tể tướng, không hơn không kém 4 loại người này. Nhưng ông ta một lòng hướng thiện, trợ giúp người nghèo, làm nhiều việc thiện, luôn tích thiện đức, người xem ông ta lúc này đang ở Linh Sơn Phật Giới thanh thân ung dung tự tại đây thôi!”

Âm thanh của quỷ sứ vừa mới hạ xuống, tất cả các hình ảnh liền biến mất. Tôi cũng như vừa thức tỉnh ra khỏi tình trạng của thiên ngộ. Nhưng cuộc đối thoại với quan cai ngục, tôi vẫn nhớ được rất rõ ràng, có thể nói suốt đời khó có thể quên được.”

Kỷ tiên sinh nghe xong câu chuyện của lão tăng tự thuật, cũng cảm thấy xúc động, ông nói:

- Những điều mà Lão tăng kể, chúng tôi không có cách nào để kiểm chứng, nó giống như một câu chuyện ngụ ngôn, nhưng đối với Lão tăng mà nói, đây là một sự việc tồn tại một cách chân thực khách quan.

47. TRỜI XANH KHÔNG PHỤ LÒNG NGƯỜI TỐT

Kỷ Hiểu Lam là một học giả nổi tiếng đời nhà Thanh, là Tiến sỹ đời vua Càn Long, làm quan tới chức Thượng thư bộ Lễ, Hiệp biện Đại học sỹ. Ông từng kể một câu chuyện “Trời xanh không phụ người hảo tâm”, vẫn có ý nghĩa to lớn đối với thời nay. Chuyện kể rằng:

Chuyện thứ nhất

Huyện Uyển Bình có một người tên là Trần Vĩnh Niên. Gia cảnh nhà ông ban đầu khá sung túc, nhưng về sau thì dần suy sụp. Em trai ông tên là Trần Vĩnh Thái qua đời. Người em dâu tính tham lam, đặt chuyện muốn ra ở riêng. Trần Vĩnh Niên khuyên không nên ra riêng, nhưng bà ta khăng khăng muốn như thế, nên ông bèn miễn cưỡng chấp thuận.

Đến khi phân chia tài sản, người em dâu lại nói:

- Anh là nam giới có thể kinh doanh mưu sự. Tôi là góa phụ, con cái còn nhỏ, xin chia cho tôi 2/3 gia tài.

Người trong gia tộc đều nói bà ta ngang ngược vô lý quá, cần phải chia đôi công bằng. Nhưng Trần Vĩnh Niên lại nói:

- Em dâu thật sự nên được 2/3, làm theo ý bà ấy vậy”.

Không ngờ sau đó bà ta lại nói:

- Gia đình vốn là chủ của rất nhiều nợ cũ, ở bên ngoài có không ít khoản tiền người ta còn nợ mình, anh là đàn ông tiện việc ra ngoài đòi nợ. Tất cả các khoản tiền nợ đều tính vào tài sản, trả về dưới tên anh. Như thế, anh phải chia phần lớn tài sản hiện giờ cho tôi.

Trần Vĩnh Niên lại nhẫn nhịn, nghe theo lời bà ta.

Như thế sau khi ra ở riêng, Trần Vĩnh Niên có được chẳng là bao. Ông nhiều lần ra ngoài đòi nợ, nhưng luôn thu không được tiền. Thế là ông đành phải mang con trai Trần Tam Lập theo, sống một cuộc đời bần hàn. Thế mà các em dâu của ông lại có cuộc sống rất sung túc.

Những người trong gia tộc đều rất bất bình thay cho Trần Vĩnh Niên, đề nghị ông cùng với người em dâu một lần nữa phân chia gia sản lại cho công bằng hợp lý. Trần Vĩnh Niên luôn luôn lắc đầu không đồng ý.

Mấy năm trôi qua, không ngờ Trần Tam Lập con trai ông vui đầu khổ công học tập, thành tích rất tốt. Trong kỳ thi Đình anh đỗ Trạng Nguyên. Từ đó về sau cá chép hóa rồng, danh tiếng và phúc lộc dồi dào, cuộc sống tốt đẹp hơn xưa bội phần.

Các bà con của ông lúc trước rất bất bình thay Trần Vĩnh Niên. Giờ đây họ lại hết sức mừng vui cho ông, vô cùng phấn chấn nói rằng: “Đúng là Trời xanh không phụ người hảo tâm rồi!”.

(Chuyện lấy trong bộ sách “Duyệt vi thảo đường bút ký” – tập 19)

Chuyện thứ hai

Cô Du là vợ của một người tên Hàn Thủ Lập, bình thường rất có hiếu với bà của mình. Vào năm Canh Thìn đời vua Càn Long, bà của cô 2 mắt bị mù, cô tìm mọi cách để trị bệnh cho bà, nhưng đều không trị được. Cô còn cầu nguyện Thần Phật một cách thành kính nhưng cũng không có kết quả. Lúc ấy, có một tên lưu manh lừa gạt cô, bảo rằng: *“Cô cắt thịt của mình rồi thắp hương đốt nén cầu Thần linh, thì mắt của bà cô sẽ khỏi bệnh”*. Cô Du tính tình đôn hậu chất phác, không biết người nọ cố ý lừa gạt trêu cợt mình. Cô thực sự đã cắt thịt của mình, đốt đèn rồi cầu khẩn thần linh. Tên bịp bợm kia thấy thế thì vô cùng giễu cợt chế nhạo. Nhưng không ngờ hơn 10 ngày sau, hai mắt của bà cô đã thực sự sáng tỏ trở lại!

Kỷ Hiểu Lam biết chuyện này, phân tích bình luận như sau: *“Cô Du bị lừa gạt mà cắt thịt cầu khẩn thần linh, là một hành động rất dại dột. Nhưng mà, trong sự ngu muội đó có bao hàm lòng thành kính và đạo hiếu của cô, nên cuối cùng đã cảm động đến Thần Phật. Thần Phật đã trợ giúp cho cô một chút, giúp cô hoàn thành tâm nguyện của mình. Chuyện này nhìn có vẻ như vô lý, không có khoa học, nhưng bên trong lại bao hàm những điều chí lý!”*...

“Đối với những người không tin Thần Phật mà xét, thì điều này là không thể xảy ra được, nhưng trên thực tế thì thật sự là chuyện này đã diễn ra như thế. Ngẫm kỹ lại: câu chuyện thực tế này chắc chắn là có đạo lý. Bởi vì Thần Phật luôn có năng lực siêu phàm. Chỉ là có một số người quá cố chấp rằng phải tự mình nhìn thấy thì mới tin mà thôi”.

Chuyện thứ 3

Có một người ăn mày tên là Vương Hy Thánh, hai chân bị liệt không đi đứng được. Ông ta dùng đôi tay để chống đi, lết từng lết trên mặt đất.

Có một ngày, ông ta nhặt được một gói đồ ở trên đường, bên trong có 200 lạng vàng. Ông ta ôm gói đồ nấp vào trong bụi cỏ bên đường, ngồi bất động chờ đợi người mất của đến. Chờ một lúc lâu, có một thương nhân tên là Trương Tế Phi hoảng loạn chạy tới tìm kiếm. Vương Hy Thánh hỏi ông ta đang tìm kiếm cái gì. Đi qua hỏi han, thì những gì người ấy kể nói rất tương ứng với vật bị mất, Vương Hy Thánh bèn trả lại bao tài vật đó cho ông ta. Trương Tế Phi muốn cho ông một nửa số vàng trên, nhưng Vương Hy Thánh không chịu nhận lấy. Trương Tế Phi bèn mời ông về nhà mình, bày tỏ ý nguyện muốn phụng dưỡng ông cả đời.

Vương Hy Thánh nói:

- Thân thể của tôi tàn phế, là ông Trời căn cứ theo lỗi lầm từ kiếp trước của tôi mà trừng phạt tôi. Nếu tôi làm trái với ý Trời, ở lại đây hưởng phúc, ăn không ngồi rồi, thì sẽ phải gánh chịu sự trừng phạt còn nặng nề hơn nữa.

Thế là ông dứt khoát rời đi.

Sau này, có một ngày Vương Hy Thánh mệt mỏi nằm ngủ trong một cái miếu Thần. Trong cơn mơ ông nhìn thấy một người say rượu tới nắm chặt 2 chân của mình, vừa kéo vừa lắc rất đau. Người say rượu kia bỏ đi, thì tự nhiên Vương Hy Thánh lại có thể đi đứng và sinh hoạt bình

thường trở lại. Vương Hy Thánh sống đến năm Kỷ Mão đời vua Càn Long mới qua đời.

Kỷ Hiểu Lam còn đặc biệt nói rõ: Trương Tế Phi là người quen thân của một vị trưởng bối trong nhà ông, và chính ông đã từng gặp Trương Tế Phi rồi. Chuyện này chính là Trương Tế Phi tự mình kể lại cho Kỷ Hiểu Lam, một cách hết sức chi tiết.

Tiếp theo, tác giả lại viết:

“Việc thiện mà Vương Hy Thánh làm đáng ra phải được thiện báo. Nhưng ông ta lại muốn an mệnh, không chịu để cho người ta báo đáp. Thần Phật xét thấy thành tâm của ông là vô cùng đáng trân trọng, cho nên dùng người say rượu để lôi kéo đôi chân của ông, từ đó cấp cho ông phúc báo. Chuyện này và câu chuyện ở trên xem ra đều vô lý, thực tế không phải là cũng hàm chứa những điều chí lý bên trong đó sao?”.

Kỷ Hiểu Lam có ý nói rằng: Có một số người không tin những chuyện Thần kỳ giống như thế này, còn gạt bỏ cho rằng câu chuyện này là vô lý. Kỳ thực chúng đều là sự thật, lại còn hàm chứa cái Lý to lớn ở bên trong. Đó là vì **“Thiện ác chắc chắn có báo ứng”** là Luật trời, cho nên chuyện đó là chí lý).

Tiếp theo, với tài năng văn chương sắc sảo của mình, Kỷ Hiểu Lam viết:

Có một vị tiên bối tên là Qua Giới Chu, ông ta phê bình nhân viên biên soạn ở Cơ quan biên soạn bộ sách “Huyện chí” tại sao lại đem 2 sự kiện trên chép vào trong

sách “Huyện chí”, nói là hết sức hoang đường, là làm trái ngược với nguyên tắc viết sử.

Kỷ Hiệu Lam nghiêm chỉnh chỉ rõ rằng: sách “Huyện chí” tả lại những câu chuyện điển hình có thật đã phát sinh ở trong huyện, *“Toàn bộ sách đều tuân thủ các thể lệ và nguyên tắc viết sử một cách rất nghiêm túc. Ông ta ghi lại 2 câu chuyện này, đó thực sự là chuyện về những người dân tâm thường đã làm xúc động được đến Thần linh. Câu chuyện có thể dùng để khơi dậy tâm Thiện, khuyến khích những thuần phong mỹ tục đã bị mai một. Đây không phải là tiểu thuyết hoang đường, mà là ghi lại những câu chuyện chân thật có ý nghĩa giáo dục vô cùng to lớn”*.

Trong chương ấy, Kỷ Hiệu Lam chọn dùng thủ pháp văn chương là vừa ghi chép vừa nghị luận. Ông thả bút tung hoành, sáng khoái bác bỏ quan điểm cho rằng đó là câu chuyện thần kỳ hoang đường, tức là bác bỏ quan điểm của Thuyết vô thần. Qua Giới Chu là bậc tiền bối, nhưng Kỷ Hiệu Lam kiên quyết nói chuyện phải trái, lý lẽ rõ ràng. Ông biểu hiện niềm tin kiên định vào Thần Phật, cùng với tấm lòng mong muốn cứu người cứu đời của mình. Kỷ Hiệu Lam muốn “Khơi dậy Thiện tâm, khuyến khích những thuần phong mỹ tục đã bị mai một”. Đó chính là trình bày tâm nguyện của những người có niềm tin vào Thần Phật, muốn tất cả mọi người hiểu được nguyên lý “Thiện ác đều có báo ứng”, từ đó làm cho nhân tâm hướng thiện, khuyên bảo người đời chớ làm điều xấu. Ông có tư tưởng *“nỗ lực ngăn chặn sự suy đồi của đạo đức, còn bản thân tuân theo tiêu chuẩn đạo đức cao trong khi các tiêu chuẩn đạo đức toàn xã hội đã thoái hóa”*. Ngoài ra, *“2 câu chuyện (trong bộ sách “Huyện chí” kể trên) kể lại chân*

thực những chuyện mắt thấy tai nghe về những thường dân đã làm cảm động Thần linh” cũng là câu nói hết sức sâu sắc và có sức lay động mạnh mẽ.

Tóm lại, thiên văn chương này của Kỷ Hiểu Lam nếu dùng câu chữ hiện đại ngày nay mà diễn đạt, thì chủ đề tư tưởng chính là:

“Toàn bộ các câu chuyện trên đều là Sự thật. Tin tưởng vào Thần Phật và tuyên truyền Phật Pháp đều là những việc làm đúng đắn!”.

48. HÌNH BÓNG THAY ĐỔI KÌ DI DO ÁC NIÊM

“Duyệt vi thảo đường bút ký” có ghi chép, Lâm Sinh Bái ở Phủ Điền kể câu chuyện như sau:

Tuyền Châu có người bỗng nhìn thấy hình bóng của mình dưới ánh đèn, cảm thấy không giống với hình dáng của mình chút nào. Nhìn kỹ lần nữa, cái bóng kia chuyển động bốn phía hoặc lắc lư trái phải, tuy đều nhất nhất ăn khớp với thân hình của mình, nhưng đầu của cái bóng lại to như cái đầu. Đầu bù tóc rối, giống như dùng lông chim cắm vào trong nghi thức lễ hội, tay chân đều cong queo như chân chim, trông giống như một con quỷ hình thù kỳ lạ. Ông lớn tiếng gọi vợ đến xem. Bà vợ đến xem cũng thấy y hệt như vậy. Từ đó, hình bóng vào buổi tối mỗi ngày đều là hình dạng như vậy cả, không minh bạch là chuyện gì, thấp thỏm lo âu không biết phải làm thế nào.

Hàng xóm có một thầy đồ, nói:

- Những thứ yêu ma sẽ không xuất hiện một cách vô duyên vô cớ, đều là do nguyên nhân bản thân mỗi người

mà sinh ra. Phải chăng ông có ác niệm nào đó trong đầu, mới khiến cho quỷ La Sát cảm giác được mà hiện hình đây?

Người này rất kinh ngạc mà thừa nhận, nói:

- Quả thật là có một mối thù xưa, muốn giết chết cả nhà ông ta, để ông ta tuyệt hậu, sau đó đi đầu quân ‘Áp Mâu’. Bây giờ yêu quái hiện hiện như vậy, há chẳng phải Thần đang cảnh tỉnh tôi sao? Tạm thời dứt bỏ ác niệm này, xem những gì ông nói có linh nghiệm không.

**Ghi chú: Cuối những năm Khang Hy, Đài Loan có Chu Nhất Quý tập hợp mọi người tạo phản. Nhất Quý đã từng sống bằng nghề nuôi vịt, vậy nên người Phúc Kiến đều gọi ông ta là ‘Áp Mâu’.*

Buổi tối hôm đó, hình bóng ma quỷ không còn thấy nữa. Đây quả thật là thay đổi trong một niệm, thì có thể quyết định là họa hay là phúc.

Người xưa có câu: “Một niệm thiện lành, Phúc Thần đi theo; một niệm xấu xa, vạ quỷ bám gót. Là Phúc Thần hay quỷ quái thì chính là tự bản thân mình chiêu mời mà đến”.

Phải chăng trong câu chuyện này, chính là bởi ác niệm mà chiêu mời phải ma quỷ, lời của người xưa thật có đạo lý thay.

(Tiểu Thiện, dịch từ Epochtimes.com)

4[1]. Ăn trộm phải trả nợ

Xưa có một người tên là Triệu Tam, đi ở cùng với mẹ cho nhà họ Quách. Sau khi mẹ Triệu Tam qua đời hơn một năm, vào một buổi tối nợ, Triệu Tam có một giấc mộng thấy mẹ về nói với ông: “Ngày mai tuyết rơi lớn, bên dưới tường nhà sẽ có một con gà chết cứng vì lạnh, chủ nhân nhất định sẽ thưởng cho con, nhưng con chó có ăn. Ta đã từng trộm ba trăm đồng tiền của chủ nhân, Diêm vương nay phán ta chuyển thành gà để trả nợ. Ta đã đẻ đủ trứng trong đời này để trả hết số nợ, nên có thể đi được rồi”.

Hôm sau, quả đúng như lời nói trong giấc mộng, có một con gà mái chết cứng dưới bức tường nhà. Chủ nhân thưởng cho Triệu Tam, nhưng Triệu Tam nhất quyết không ăn, mà khóc lóc mang gà mái đi chôn. Chủ nhân cảm thấy rất lạ, mới gặng hỏi. Không còn cách nào khác, Triệu Tam đành đem sự thật kể lại với chủ nhân.

5[2] Nhờ bố thí giải được tội

Thủ Huồng tên thật Võ Hữu Hoằng, theo chuyện kể thì ông là người châu Đại Phố (tức Cù lao Phố), huyện Phước Chính, phủ Phước Long, nước Đại Nam (nay là Biên Hòa, Việt Nam). Theo Đại Nam nhất thống chí, ông có tên Võ Hữu Hoằng. Nhưng có nơi gọi là Thủ Huồng, Thủ Hoằng, Võ Thủ Hoằng.

Khoảng năm 1755, ở châu Đại Phố có một người tên là Võ Hữu Hoằng. Ông xuất thân làm thơ lại. Trong hai mươi năm làm việc trong nha môn, ông đã thu được nhiều

tiền của. Sau khi vợ mất sớm lại không con, mà tiền bạc thì quá thừa thãi, Thủ Huồng xin thôi việc về nhà.

Thủ Huồng rất yêu vợ, cho nên khi nghe người mách rằng ở chợ Mãnh Ma (Quảng Yên) là chỗ người sống và người chết có thể gặp nhau, ông quyết đi tìm vợ. Gặp nhau, trong lúc trò chuyện, Thủ Huồng ngỏ ý muốn xuống âm phủ chơi. Ở cõi âm, ông tận mắt nhìn thấy những cực hình dành cho những kẻ phạm nhiều tội ác khi còn sống. Và ông cũng đã nhìn thấy một cái gông to, mà cai ngục cho biết là để dành cho ông vì ông phạm tội ăn cắp.

Khi trở lại cõi dương, Thủ Huồng sợ bị đọa vào địa ngục, liền đem toàn bộ tài sản dùng vào việc bố thí, xây dựng những công trình phúc lợi, đặc biệt là làm nhà để giúp dân nghèo tránh nước triều dâng ở ngã ba sông.

Sách Gia Định thành thông chí có ghi:

“Thuở ấy, dân cư còn thưa thớt, ghe đò hẹp nhỏ, hành khách thổi cơm, đun trà rất khổ, vì vậy có người phú hộ ở tổng Tân Chánh tên là Võ Thủ Hoàng kết tre lại làm bè, trên che lợp phòng ốc, sắm đủ bếp núc, gạo, củi, và đồ ăn để dưới bè cho hành khách tùy ý dùng mà không bắt phải trả tiền. Sau đó khách buôn cũng kết bè nổi bán đồ ăn nhiều đến 20, 30 chiếc, nhóm thành chợ trên sông, nên mới gọi xứ ấy là Nhà Bè. Sau này đường thủy, đường bộ lưu thông, dân cư đông đúc, người qua lại đều dùng ghe nhà nên đò dọc phải dẹp bỏ... Vì kỵ húy tên vua Hoàng Lịch (Càn Long) nhà Đại Thanh nên phải đọc trại đi là Võ Thủ Huồng. Chiếc cầu Thủ Huồng giữa Tân Vạn

và chợ Đồn (Biên Hòa) tương truyền do Võ Thủ Huồng xây dựng đến nay vẫn còn.

Sau, Thủ Huồng được vợ đưa xuống cõi âm lần nữa, và thấy cái gông ngày cũ đã nhỏ lại rất nhiều. Từ đó, ông tiếp tục làm việc thiện, việc nghĩa cho đến khi mất. Khá lâu sau, có ông vua nhà Thanh (Trung Hoa) tên là Đạo Quang (1782-1850) lúc mới lên ngôi (1820) có cho sứ sang Việt Nam hỏi lai lịch một người ở Gia Định. Số là khi mới sinh, trong lòng bàn tay vua đã có mấy chữ “Đại Nam, Gia Định, Thủ Hoằng”. Khi rõ chuyện, nhà vua có gửi cúng chùa Chúc Thọ (chùa Thủ Huồng) ở Biên Hòa một bộ tượng Phật Tam Thế bằng gỗ trầm hương. Do việc này, mà có người bảo rằng: Nhờ thành thật hối lỗi, Thủ Huồng chẳng những làm tiêu tan cái gông đang chờ ông ở cõi âm, mà còn được đi đầu thai làm vua ở Trung Hoa.

6[3]. Tà dâm phải đền tội

Ngày xưa ở Động Đình có một người tên là Trần Sinh, nhà rất nghèo nên ông ta đưa vợ và em trai đến đất Châu Kinh làm ăn sinh sống. Ở đây khách buôn bán lui tới tấp nập. Trần Sinh tính tình cởi mở hay chiêu khách, lại khéo mua bán, nên chẳng bao lâu công việc buôn bán làm ăn phát đạt, nhà rất giàu có.

Rồi một ngày kia, ông bị bệnh nằm liệt giường. Được vài hôm, ông bỗng trỗi dậy gọi vợ cùng em đến bảo rằng: “Ba người chúng ta kiếp trước đều là tu sĩ mắc tội chung nhau gian dâm với một thiếu phụ rồi giết người chồng. Kẻ cầm giao giết người chồng chính là tôi. Nay vì tội gian

dâm và giết người nên Minh vương cho quý đến bắt, oan trái tất phải đền trả. Bây giờ tôi đi trước, còn hai người chắc cũng không thoát khỏi đâu!”. Nói xong, tự nhổ râu tóc, lấy dao cắt lưỡi mình, lại lấy hai ngón tay tự móc mắt mình, ít phút sau tắt thở. Người vợ và em mấy ngày sau cũng chết.

7. Ngoại tình gánh nghiệp nặng

Hoàng L. là người Thái Bình. Cha anh ta là một người bạn tốt của một vị Hòa thượng danh tiếng và tu luyện tốt, ông cũng giỏi về thơ văn và xem thuật tướng. Trước đó, vị Hòa thượng này đã xem thuật tướng cho Hoàng L. và bảo rằng anh ta có một tướng mạo làm giàu, sau này sẽ rất thành đạt trong đường đời của anh ta.

Vào tuổi 20, Hoàng L. đã cưới một cô vợ xinh đẹp. Vài năm sau, anh ta đã được bổ nhiệm làm việc như một viên chức chính phủ tại thủ đô nhưng vợ của anh ta thì ở quê nhà. Ít năm sau đó, Hoàng L. gặp lại vị Hòa thượng, ông rất đỗi ngạc nhiên về những gì mà ông ta đã nhìn thấy ở anh ta và ông nói, “Cách đây nhiều năm, tôi đã thấy anh có một diện mạo làm giàu nhưng tại sao điều đó đã lại thay đổi? Trán của anh lúc đó đầy đặn nhưng bây giờ nó dường như đã sụp xuống, cằm của anh đã rất tròn nhưng giờ đây nó lại rất nhọn. Ngoài ra, lại có khí đen xung quanh trung tâm của lòng bàn tay của anh. Điều này có nghĩa có tai họa đang chờ đợi anh, anh cần phải cẩn thận. Thuật tướng của anh đã thay đổi rất nhiều. Tôi thắc mắc anh đã làm điều gì không đúng luân thường đạo lý?”

Hoàng L. đã ngẫm nghĩ lại những hành vi của anh ta trong vài năm qua và chỉ một điều mà anh có thể nghĩ đến là việc ngoại tình của anh ta với nhiều phụ nữ khác trong thời gian anh ta làm việc ở thủ đô. Sau khi nghe điều này, vị hòa thượng đã thở dài và nói, “Ban đầu anh được duyên cơ có một cuộc đời tốt, nhưng anh đã không quý nó và đã có hành vi dâm ô với những phụ nữ khác. Đó là một điều hổ thẹn mà anh đã hủy diệt chính sự may mắn của anh trong hành vi này”. Không lâu sau đó, Hoàng L. quả thật đã gánh tai nghiệp vào mình như vị Hòa thượng đã được tiên đoán. Một hôm, trong khi Hoàng L. đang tắm, người cấp dưới của anh đã hại anh ta. Anh đã bị giết bởi một thanh kiếm. Bụng anh ta bị cắt đi và tất cả các nội tạng lọt ra ngoài.

8. Nói dối phải đền tội

Kinh Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên có kể câu chuyện như sau: Có năm vị tỳ kheo giả làm người tu hành đắc đạo. Họ đến một vùng đất lạ, cất một cái chòi cao, che phướn, lộng, rồi một người lên ngồi nghiêm trang, mắt lim dim, còn bốn người kia đi vào làng kêu gọi mọi người đến xem có một vị tiên tu hành đắc đạo, nếu ai đến lễ lạy, cúng dường sẽ được nhiều phước báu. Cứ thế mà họ thay phiên nhau đi quảng cáo để được cúng dường.

Kiếp sau đó, vào thời Đức Phật còn tại thế, có bốn người khiêng kiệu và một người bảo vệ kiệu của một vị Hoàng hậu đến nghe Phật thuyết pháp. Khi Hoàng hậu đi nghe pháp thì cởi bỏ vòng vàng, nữ trang để trong kiệu. Năm người phụ trách kiệu xe nằm ngủ, kẻ ăn trộm đến ăn cắp tất cả nữ trang của Hoàng hậu. Quân lính cho tra

khảo đánh đập tàn nhẫn. Hoàng hậu đến thỉnh ý Phật về nhân duyên gì mà có chuyện như thế. Đức Phật đáp rằng: Năm ông đó kiếp trước là năm thầy tu giả mạo, còn bà là một tín nữ sùng đạo, hết lòng cung kính cúng dường họ. Bây giờ họ phải làm lính khiêng kiệu cho bà để đền nợ trước. Nghe xong, Hoàng hậu vô cùng kính hãi, sợ mang tội với thầy nên bảo tha và không cho họ khiêng kiệu nữa. Nhưng họ khóc lóc, quì lạy, năn nỉ: Xin lệnh bà rủ lòng thương xót, cho chúng con tiếp tục hầu hạ lệnh bà. Chúng con hứa từ nay sẽ cẩn thận không bao giờ dám ngủ quên như thế. Hoàng hậu thỉnh ý Phật thì Đức Thế Tôn trả lời: Nghiệp báo, họ trả nợ chưa dứt thì làm sao mà họ ra đi dễ dàng được.

9. Lở lười vì nói sai sự thật

Ngày xưa ở Trung Quốc có người tên là Vũ Quý Sang. Hắn thích bề cong sự thật, chế nhạo, đùa bỡn những lỗi lầm và trêu chọc người khác.

Khi Vũ Quý Sang gặp người xấu xí, hắn cười anh ta, khi gặp người đẹp trai, hắn nhạo anh ta, khi gặp người trí thức hắn nạt anh ta, khi gặp người tinh ranh hắn cố tìm lỗi lầm và chỉ trích anh ta, khi gặp người nghèo khổ hắn coi thường anh ta, khi gặp người giàu có hắn vu khống anh ta, khi gặp quan chức hắn moi móc đời tư của vị này cho mọi người biết, khi gặp một học giả, hắn loan truyền bí mật của người này, khi gặp người hoang phí tiền bạc, hắn ca tụng anh ta là người rộng rãi; khi gặp kẻ nham hiểm chuyên lừa lọc, dĩ tợn, độc ác với mọi người, hắn ca tụng gã này là cao cả. Khi gặp người nào nói về giáo lý của nhà Phật, hắn nhạo báng và gọi vị này là Sư;

khi gặp người nào nói về Lão Giáo và tu đức hạnh, hấn cười và gọi anh ta là đạo đức giả. Khi thấy ai nói lời tử tế hấn phê bình “Chỉ được lời nói hay”. Khi gặp người làm việc thiện, hấn chỉ trích: “Thật là kỳ cục, tại sao anh làm việc tốt này mà không làm việc tốt kia?”. Đi tới đâu hấn cũng bình luận và nói trái sự thật.

Về sau Vũ Quý Sang bất ngờ bị lở lưỡi. Hấn luôn phải đâm vào lưỡi, để máu chảy đầy miệng, làm như vậy mới bớt đau đớn. Hằng năm hấn bị đau từ năm đến bảy lần. Hấn quần quai rên siết cực độ khi muốn nói. Cuối cùng hấn chết vì lưỡi bị teo. Đó là nghiệp báo do nói sai sự thật.

10[4] Lời dối trá tạo ra vận mệnh

Ở phủ Hà Giang có người tên là Phùng Thụ Nam, thông minh và viết văn hay. Nhưng anh ta đã lưu lạc ở kinh thành suốt hơn 10 năm trường mà vẫn không thành công. Mỗi khi gặp được cơ duyên thì cuối cùng luôn luôn bị tan vỡ. Khi anh ta nhờ người khác giúp, thì ngoài mặt họ bằng lòng nhưng thực tế là không hề quan tâm gì đến anh ta cả. Cuộc sống của anh ta rất khó khăn, trong lòng vô cùng thất vọng và buồn rầu. Có một lần, anh ta vào miếu khấn cầu Thần linh gợi ý và hướng dẫn cho vận mệnh của mình.

Đêm đó, anh ta mơ thấy một vị Thần nói với mình: "Anh chớ oán giận đường đời gian khổ. Thực ra, vận mệnh cả đời anh đều là tự anh tạo thành cả, oán hận có ích gì? Kiếp trước anh thích dùng lời dối trá để giành được tiếng thơm là một vị trưởng lão trung hậu. Thấy người khác gặp việc khó khăn, anh biết rõ việc đó không

thể thành công, nhưng lại cực lực xúi bẩy người khác làm, khiến người ta cảm ơn anh đã tán thành và gợi ý cho họ. Thấy kẻ ác phạm pháp, biết rõ hành vi tội lỗi của người đó là không thể tha thứ được, anh lại nhiều lần biện bạch cho họ, làm cho người khác cảm kích anh. Anh làm như thế, khiến bao nhiêu những lời cảm ơn tốt đẹp đều dành cả cho anh, còn bao nhiêu oán thù phần hận toàn quy kết hết cho người khác. Tâm anh hiểm ác như thế, còn cần phải chỉ ra hay sao? Bởi vậy có thể thấy, người khác đối với anh có vẻ như thân thiết, thực ra là xa cách, tưởng như quan tâm, thực ra là lạnh nhạt thờ ơ, đó cũng là lẽ tất nhiên. Anh tự ngẫm lại xem, như thế có xứng đáng hay không? Đối với một con người, nếu người đó vô tình phạm vài lỗi lầm nào đó, thì có thể dùng một việc thiện nào khác để bồi thường lại. Nhưng nếu một người rắp tâm làm điều sai trái, đó chính là vi phạm đạo đức, không thể tha thứ được. Nếu anh cố gắng làm việc tốt mới có thể được may mắn mà thôi!"

Phùng Thụ Nam nghe xong vô cùng hối hận, sau đó không lâu thì bệnh chết.

11. Không nên coi thường nói đùa

Vào thời Đông Chu liệt quốc, Tống Mẫn Công có người tướng tên là Nam Cung Trường Vạn. Một hôm đi đánh nước Lỗ, Nam Cung sa cơ thất thế bị giặc bắt. Cũng chính lúc ấy, nước Tống bị thiên tai, Lỗ Trang Công không nghĩ đến thù xưa, còn sai người sang cứu giúp. Tống Mẫn công thấy thế cho sứ giả đến tạ ơn và xin tha cho Nam Cung Trường Vạn. Nam Cung được thả về nước, Tống Mẫn Công ra nói đùa: "Trước kia ta rất coi

trọng người, bây giờ đã là tù nhân thì ta không còn trọng nữa đâu”. Thấy Nam Cung ngậy ra, mặt đỏ tía tai, hết sức hổ thẹn, Đại phu Cừu Mục nói với Tống Mẫn Công: “Vương công chớ nên coi thường sự đùa dõn mà sinh ra lòng khinh nhờn hay dẫn đến sự phản nghịch. Tống Mẫn Công trả lời: “Ta với Nam Cung Trường Vạn rất thân thiết, khanh chớ có sợ”. Một hôm Tống Mẫn Công đánh cờ thắng Nam Cung Trường Vạn nên đắc ý nói đùa dõn: “Người là tên tù chẳng làm được việc gì, làm sao đánh thắng được ta”. Nam Cung Trường Vạn tức giận đứng lên nói: “Kẻ tù này tuy đánh cờ không thắng được vua, nhưng có thể giết vua”. Nói xong, lấy bàn cờ đập vỡ đầu Tống Mẫn Công chết ngay tại chỗ, rồi làm loạn.

Sự nói đùa dẫn đến nghiệp báo như thế.

12. Nói ác khẩu bị đọa làm khi

Đây là câu chuyện Đức Phật dạy về việc Ác Khẩu và quả báo của nó:

Ngày xưa trong thành Xá Vệ có một người nhà rất giàu, tên gọi là Sư Chất, đã hơn 40 tuổi rồi mà chưa có con. Hai vợ chồng rất lo lắng, đến nhà Bà La Môn xin bốc một quẻ bói xem sau này có sinh được đũa con trai hay con gái nào không? Nhưng họ vô cùng thất vọng nghe thầy bói trả lời rằng suốt đời họ sẽ không có con. Sư Chất nghe thế không chịu tin, lại đi tìm một ông thầy tướng số khác, cao tay ấn hơn, nhiều kinh nghiệm hơn xin bốc quẻ. Lạ thay, vị thầy tướng này vốn được mọi người tôn kính và khen ngợi là bói linh như thần, lại cũng làm cho Sư Chất thất vọng.

Sư Chát đi về mà lòng phiền muộn, bỗng sực nhớ đến bậc đại thánh Thích Ca Mâu Ni, tự nghĩ: Đức Phật là giáo chủ của trời và người, là bậc Nhất thiết trí, không có gì là Ngài không biết, không có gì là Ngài không hiểu, tại sao ta lại không đến gặp Ngài xin chỉ giáo?

Nghĩ đến đây ông bèn nhắm hướng Kỳ Viên tỉnh xá mà đi. Cung kính đánh lễ Đức Phật xong, ông chấp tay bạch: “Bạch Đức Thế Tôn đại bi, xin Ngài thương xót chúng sinh ngu si mà chỉ giáo: con có chút ưu tư, năm nay đã hơn 40 mà chưa có đứa con trai nối dõi, đó là do nhân duyên gì, cúi xin Đức Phật khai thị”.

Đức Phật trả lời: “Không lâu nữa ông sẽ có một đứa con trai, vừa có phúc lại vừa có đức, chỉ có điều là khi nó vừa lớn nó sẽ xin xuất gia”.

Nghe tin này Sư Chát rất đổi vui mừng, thành tâm đánh lễ chân Phật, rồi thỉnh cầu: “Cầu xin Thế Tôn và chư tăng cho phép chúng con được cúng dường vào trưa mai, để chúng con được kết thêm thiện duyên và trồng chủng tử vào ruộng phước của Như Lai”.

Đức Phật nhận lời rồi, Sư Chát hoan hỉ quay về chuẩn bị đàn trai. Hôm sau ông dẫn đầu gia nhân, chân thành cúng dường những món ăn thức uống ngon lành đẹp mắt nhất.

Đức Phật nhận cúng dường xong, thuyết một thời pháp rồi dẫn đầu tăng chúng quay về tịnh xá. Đi được nửa đường, Đức Phật và tăng chúng ngồi dưới một gốc cây bên bờ sông nghỉ ngơi. Bỗng từ trên cây, một con khỉ nhảy xuống xin mượn bình bát của Đức Phật. Nó ôm bình

bát chạy đi thật xa rồi quay về, trong bình bát chứa đầy mật ngọt. Nó dùng hai tay kính cẩn dâng bình bát lên Đức Phật, Ngài nhận lấy và chia cho chư tăng dùng, để con khi được nhiều phúc đức. Con khi thấy thế mừng rỡ nhảy nhót.

Không lâu sau nó đến ngày tận số, đầu thai làm người, sinh vào nhà của Sư Chát. Lúc nó sinh ra, trong nhà phàm có vật dụng gì có thể chứa đựng thức ăn, thì vật dụng ấy bỗng đầy ắp mật và đường. Vợ chồng Sư Chát thấy điều quái dị, bèn do nhân duyên này đặt tên con là Mật Thắng.

Thời gian vùn vụt trôi mau như tên bắn, hơn mười năm trôi qua như trong nháy mắt, Mật Thắng nay đã lớn khôn. Chú bé chán ngán chuyện thế tục, xin phép cha mẹ cho mình được xuất gia, cha mẹ hết sức vui mừng mà trả lời: “Lúc con chưa ra đời, Đức Phật đã biết sẽ có ngày hôm nay. Bây giờ con muốn xuất gia, cha mẹ rất hoan hỉ. Không bao giờ cha mẹ ngăn chặn con một cách vô lý”.

Được cha mẹ hoan hỉ cho phép rồi, Mật Thắng đến Kỳ Viên tinh xá xin xuất gia với Đức Phật. Nhờ có tiền duyên, Mật Thắng chứng quả rất mau.

Một hôm, thầy đang trên đường đi độ hóa với các bạn đồng tu, cảm thấy vừa nóng vừa khát lạ thường, ai nấy đều ao ước có một cái gì uống. Tỳ kheo Mật Thắng bèn cầm bát tung lên trời rồi sau đó dùng hai tay tiếp lấy bát trở về. Bấy giờ trong bát đựng đầy mật ngọt, Mật Thắng bèn chia cho chúng tăng giải khát. Về tới tinh xá, một vị tỳ kheo đi tìm Đức Phật xin thỉnh giáo: “Trong quá khứ tỳ kheo Mật Thắng đã tu được phúc đức gì mà

bây giờ bất cứ lúc nào, ở đâu cũng có thể có đường và mật?”. Đức Phật trả lời: “Các ông có nhớ có một lần lâu lắm rồi, có một con khỉ đem mật ngọt đến cúng dường Như Lai và chúng tăng không? Nhờ bố thí với thiện tâm, chết rồi nó được sinh ra làm người và nhờ nó chân thành cúng mật ngọt cho Phật nên kiếp này nó có thể được mật bất cứ lúc nào và ở đâu”. Đức Phật nói xong, vị tỳ kheo nọ hỏi tiếp: “Bạch Thế Tôn! Thế thì tiền kiếp Mật Thắng do nhân duyên gì mà bị đọa xuống làm khỉ?”. Lúc ấy xung quanh Đức Phật có rất nhiều đệ tử vân tập, Ngài nhìn họ một lúc rồi đáp: “Thầy ấy bị đọa xuống làm khỉ là do một nhân duyên xảy ra cách đây 500 kiếp trước, thời Ca Diếp Như Lai còn tại thế. Lúc đó có một vị tỳ kheo trẻ tuổi, tình cờ thấy một vị tỳ kheo khác đang băng qua một con suối nhỏ, vị trẻ tuổi bèn cười chế nhạo, bảo là dáng điệu của vị tỳ kheo kia giống hệt như con khỉ. Vị tỳ kheo trẻ tuổi đã phạm tội ác khẩu nên bị đọa xuống làm khỉ, nhưng sau đó thầy ấy biết lỗi lầm của mình, đến xin sám hối với vị tỳ kheo mà mình đã chế nhạo. Nhờ thắng duyên ấy mà kiếp này mới được gặp Phật và được Phật độ, chứng quả A La Hán một cách mau chóng.

Nghe đức Phật giảng xong, các vị Tỳ kheo đều nhận ra rằng một câu nói ác cũng có thể chiêu cảm nghiệp khổ, vì thế không còn ai dám ác khẩu, ngay cả đến một câu nói đùa cũng không dám nói.

Nhưng chuyện về thiên ác nghiệp bao và đau thai kiếp sau-Hình-2

13. Nói lời bịa đặt gây nghiệp ác

Ngày xưa có một ông trưởng giả rất giàu có, tiền muôn bạc triệu, tài sản dùng suốt đời không hết, lại có người vợ vừa xinh đẹp vừa hiền đức, nên đã hạnh phúc lại càng hạnh phúc hơn. Nhưng niềm vui của ông ngắn ngủi, Ông lập gia đình một thời gian lâu mới sinh được một đứa con trai, ngày đứa bé ra đời ông vui mừng khôn kể xiết. Nhưng bất hạnh thay, đứa con ông chỉ mới khóc oe oe chào đời đã vương bệnh nặng. Theo lời thầy thuốc chẩn bệnh thì đó là những mụn nhọt độc hại mọc trên da đứa bé khiến nó khóc cả ngày, thế nhưng danh y nào mời đến cũng đều lắc đầu chịu thua. Tội nghiệp đứa bé, rất nhiều thầy thuốc đã bó tay rồi, mà nó vẫn cứ đêm ngày khóc la vì đau đớn, cuộc sống thật là khổ sở.

Tiếng khóc gào rên rỉ của nó làm náo động tới bà con làng xóm, nên người ta đặt tên cho nó là thằng “Khóc Gào”. Gần nhà cậu có một ông hàng xóm già, nghe tiếng rên la đau đớn của Khóc Gào, trong lòng thấy bất nhẫn, bèn tìm đến nhà cậu thăm hỏi và nói với cậu rằng: “Tôi nghe rất nhiều người về khen ngợi tán thán rằng tại Tinh xá Kỳ Viên có một vị Đại Y Vương, bệnh trên thân hoặc bệnh trong tâm của chúng ta Ngài đều có thể chữa trị được hết. Ngài có phương tiện thần thông nhiệm mầu, bệnh của cậu có trầm trọng đến đâu cũng sẽ tức khắc lành, cậu nên mau mau tìm đến Ngài cầu xin chữa bệnh. Khóc Gào nghe nói thế, vui mừng vô kể, vội mang tám thân bệnh hoạn tìm đến Tinh xá Kỳ Viên xin được gặp đức Phật.

Khi Khóc Gào nhìn thấy 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trên thân uy nghi sáng chói của Phật, cậu hân hoan tán thán

ngay. Những đau đớn khổ não của cậu giảm thiểu đi rất nhiều, lập tức gieo cả năm vóc xuống đất lễ bái đức Phật.

Đức Phật từ bi chưa từng bỏ rơi bất cứ chúng sinh bệnh khổ nào, nên khi thấy Khóc Gào tới, Ngài rất hoan hỉ, bèn tuyên thuyết cho cậu những pháp môn thù thắng có năng lực diệt trừ tất cả mọi khổ não. Khóc Gào nghe Đức Phật thuyết pháp xong bèn sám hối tội lỗi. Lúc ấy nhọt độc đã hành hạ cậu trên mười năm qua lập tức tan biến, bệnh khổ của cậu hoàn toàn được tiêu trừ, nên tâm cậu sinh khởi niềm cung kính hoan hỉ chân thành, cậu bèn cầu xin đức Phật cho phép cậu được xuất gia làm tỳ kheo. Cậu tu hành tinh tiến, chẳng bao lâu đắc quả A la hán.

TIN TÀI TRỢ

Mỗi đêm, bạn sẽ bị mất 1kg, nếu bạn làm điều này trước khi ngủ

Các vị tỳ-kheo khác thấy tình cảnh của Khóc Gào như thế, thấy đó là điều rất hy hữu, bèn thỉnh Thế Tôn nói về nhân duyên khiến cho cậu phải chịu quả báo lúc trước. Đức Phật giảng cho các đệ tử nghe rằng: “Vô lượng kiếp về trước, ở thành Ba La Nại có hai vị phú ông nọ. Bình thường hai người đã không ưa nhau và đố kỵ nhau, nên một trong hai người đem rất nhiều vàng bạc châu báu lên dâng tặng nhà vua. Khi nhà vua nhận những vật cống hiến của ông này rồi thì rất quý trọng ông. Vì thế khi ông này gièm siểm ông kia trước mặt nhà vua rằng “người ấy vô cùng hiểm ác, thường dùng mưu độc ám hại tôi, xin Đại vương hãy nghiêm trị người ác để bảo vệ dân lành”, thì nhà vua vốn đã nhận vật cống hiến nên không còn

sáng suốt nhận định, nhất nhất tin lời ông này và ra lệnh bắt giam, không đếm xỉa tới những lời biện hộ của người kia, còn đem ra tra tấn tàn khốc. Người này phải chịu tất cả những hình phạt đau đớn nhất, thương tích đầy thân như vẩy cá, phải nhờ gia đình xuất tiền chuộc tội mới được thả về nhà. Về tới nhà ông suy nghĩ không ngừng, thấy rằng con người vì có thân cho nên mới có khổ, mới bị lăm tai nhiều họa. Mình và người kia không hề có oán thù chi mà họ lại có thể hại mình đến mức thân tàn ma dại như thế này. Không lâu sau, ông bỏ gia đình vào núi tu hành và thành Bích Chi Phật.

Vị Bích Chi Phật phát tâm đại từ bi, sợ rằng người kia kiếp sau sẽ chịu quả báo đau khổ nên tới nhà người ấy thị hiện đủ loại thần thông, khiến người kia thấy những biến hóa bất khả tư nghì như thế, sinh tâm kính ngưỡng, lập tức thỉnh Bích Chi Phật lên tòa ngồi và chuẩn bị đủ loại thực phẩm đặc biệt để cúng dường và sám hối tội cũ của mình đối với Ngài.

Đức Phật nói đến đây, ngừng một lúc rồi nói tiếp: “Các ông phải biết, người sàm tấu với vua chính là tỳ kheo Khóc Gào đã chịu khổ trong kiếp này. Sau, nhờ ân huệ của Bích Chi Phật, sám hối tội lỗi cũ, và nhờ công đức thành kính quy y Tam Bảo nên ngày nay được Như Lai cứu độ, mau đắc quả thánh. Đừng nghĩ rằng những lời sàm tấu nói ra mà không ai biết. Nghiệp tội không trốn được, dấu trong đường tơ kẽ tóc. Nhưng đã phạm tội như thế rồi mà biết sám hối thì có thể được cứu độ.

14. Rắn độc

Trong Chư kinh yếu tập[5] có ghi một chuyện như sau: Luận Đại Trang nghiêm[6] ghi: “Ta từng nghe, có lần Đức Phật và A Nan đi qua một cách đồng hoang ở nước Xá Vệ. Thấy bên bờ ruộng có một khối vàng, Đức Phật bảo A Nan: “Đó là rắn độc”. A Nan bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Đúng là rắn độc!”. Bấy giờ có một người đang cày ruộng, nghe Đức Phật và A Nan nói có rắn độc, liền nghĩ: “Ta đến xem thế nào mà sa môn nói là rắn độc”. Ông ta liền đến xem thì thấy một khối vàng ròn, liền nghĩ: “Sa môn nói rắn độc, nhưng đây chính là vàng ròn”. Vì lòng tham, ông liền gom lấy tất cả số vàng kia mang về nhà. Người này trước kia rất nghèo, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, nhưng từ khi nhặt được vàng thì trở nên giàu có, ăn mặc dư giả.

Vua và các quan rất kinh ngạc về sự giàu có của ông, bèn đến tra xét và bắt giam vào ngục. Cho dù ông ta giao nộp tất cả số vàng lấy được lúc trước, nhưng vẫn không khỏi tội. Khi sắp bị xử chém, ông ta thốt lên: “Rắn độc, A Nan! Rắn độc, Thế Tôn!”. Người đứng bên cạnh nghe nói như thế, liền tâu lên vua. Vua liền cho gọi ông ta đến hỏi: “Tại sao người nói: Rắn độc, A Nan! Rắn độc, Thế Tôn”. Ông ta tâu: “Ngày trước, thần đang cày ruộng thì nghe Đức Phật và A Nan gọi vàng là rắn độc, nay thần mới hiểu”. Vua nghe nói thế liền thả cho ông ta về.

15. Phải trả nghiệp do tham lam

Trong một lần Đức Phật đang thuyết pháp, có một ông già bần cùng mà thọ đến hai trăm tuổi, lông mày dài đẹp, hai lỗ tai rộng lớn, răng trắng và đều đặn, hai tay dài quá gối, dung mạo tựa như người có phước tướng

nhưng chịu phải cảnh nghèo khổ, quần áo không đủ để che thân, rách nát lố lổ, lại thường bị cảnh đói khát, kéo lê từng bước, vừa đi vừa thở một cách mỗi mệt. Đã trải qua mười năm, ông nghe có Phật tại thế, trong lòng rất vui mừng, ngày đêm luôn luôn phát nguyện được gặp Phật.

Ông chống gậy lần hồi tìm đến, cầu mong được yết kiến Ngài. Chẳng may vừa đến ngõ Tịnh Xá, ông lại gặp phải các vị Phạm Thiên, Đế Thích chặn lại không cho vào. Uất ức, ông già mới kêu than. Ở trong, Phật đã biết việc gì đang xảy ra giữa ông già và Phạm Thiên Đế Thích ở ngoài ngõ tịnh xá, Phật mới quay sang bảo A Nan hãy ra cho ông ấy vào.

Bấy giờ ông già lồm cồm đi vào, vừa trông thấy Phật, ông rung rung hai hàng nước mắt, vừa mừng vừa khóc, cúi đầu sụp lạy đấng Phật, rồi quỳ thẳng, chắp tay sùt sùi kính bạch: “Con sinh ra đời bất hạnh, chịu cảnh bần cùng khốn khổ, đói khát lạnh lẽo. Cầu chết không được, sống thì không biết nhờ cậy ai. Con nghe Thế Tôn là một bậc nhân từ yêu thương che chở khắp tất cả. Muôn vật đều được nhờ ân đức của Thế Tôn. Tâm con vui sướng, đêm ngày phát nguyện, mong được một phen chiêm ngưỡng tôn nhan từ mười năm qua, nay mới được kết quả như nguyện.

Phật dạy: “Phàm làm người ở cõi đời, sinh tử đều do nhân duyên. Do nhiều nhân duyên tạo ra gốc rễ tội lỗi. Ta sẽ nói cho ông rõ nguồn gốc của tội lỗi mà ngày nay ông đã gánh chịu: Đời trước ông sinh vào nhà Minh Huệ Vương là một ông Vua cai trị một đại cường quốc. Khi đó

ông là Thái tử Kiêu Quý. Trên được Phụ Vương và Mẫu Hậu quý trọng, dưới được thần dân kính phục. Vì thế nên ông hết sức kiêu căng, tự cao, tự đại, tâm ý buông lung, khinh ngạo mọi người, xem thường tất cả. Giàu có cự phú, tài sản muôn ức, đều là chiếm đoạt của dân. Trăm họ nghèo cùng bởi vì thuế khóa thu hết.

Ông chỉ biết gom góp, chứ không biết bố thí. Bấy giờ có một vị Sa môn tên là Tịnh Chí từ xứ xa đi đến. Vì thiếu một cái pháp y, nên tìm đến ông, mong ông bố thí một cái mà thôi, chứ không mong cầu gì nhiều. Nhưng ông tuyệt nhiên không cho, lại còn đối xử một cách quá tệ ác, đã không cho pháp y, lại cũng không cho ăn. Ông bắt vị Sa môn vô tội ngồi mãi trước nhà, muốn đi ông vẫn không cho. Qua bảy ngày đêm không thí cho một hớp nước. Thân thể đã ngất xỉu, hơi thở thoi thóp, tánh mạng sắp nguy kịch. Coi đó như một trò vui, cho tập trung nhiều người đến xem, ông lấy làm vui thích lắm! Lúc ấy có vị cận thần khuyên can ông rằng: “Thái tử chớ nên làm như vậy. Đây là một Sa môn hiền từ, khiêm tốn, bên trong mang cả tinh thần đạo đức. Sự lạnh lẽo bên ngoài, đối với con người ấy không có gì đáng gọi là lạnh lẽo, và sự đói khát cũng không đáng là đói khát. Sở dĩ đến đây xin là muốn gây phước đức cho kẻ khác thế thôi. Thái tử đã không bố thí cho thì thôi, đừng nên gây cùng bức cho người ta. Tốt hơn là Thái tử trả tự do cho vị Sa môn này đi. Đừng nên gây thêm điều gì tội lỗi!”. Thái tử đáp rằng: “Đây là người gì mà giả xưng là đạo đức. Ta cho chịu khổn khổ thử chơi, chứ ai để cho chết làm gì? Khanh đừng lo. Thôi Khanh thả cho ông đi.” Nói xong liền cho thả vị Sa môn đi ra khỏi thành.

Vị Sa môn đi cách thành khoảng mười dặm, lại gặp phải bọn giặc cướp bị đói lâu ngày muốn bắt vị Sa môn giết ăn thịt. Tình cờ có Thái tử đi đến, thấy sự kiện như thế, tự nhủ rằng: “Ta đã không cho cơm áo vị Sa môn ấy thì thôi, chớ đâu lại nỡ để cho bọn giặc đói giết hại! Ta phải cứu người.” Bọn giặc đói thấy Thái tử can thiệp, nên cả bọn đều sụp lạy xin tha tội và thả vị Sa môn đi.

Vị Sa môn lúc đó nay là Bồ Tát Di Lặc đây, Thái tử Kiêu Quý lúc đó, nay là ông đây. Sở dĩ nay ông chịu phải tội bản cùng khốn khổ là do đời trước tham lam bỏn xẻn. Lý do nay ông được trường thọ là bởi cứu mạng sống vị Sa môn. Tội phước báo ứng như bóng theo hình! Ông già bạch Phật: “Việc quá khứ đã rõ ràng như vậy. Con xin nguyện được giữ sạch từ đây mà nguyện đem mạng sống thừa này được làm Sa môn, về sau đời đời được hầu bên Phật.”

16. Oan oan tương báo

Thuở xưa vào thời chánh pháp của Đức Phật Thích Ca, có một vị trưởng giả giàu có. Vị này có hai người vợ, người vợ lớn không con, người vợ nhỏ sinh được một đứa con trai khôi ngô tuấn tú, cả gia đình nhờ thế mà vui vẻ.

Khi ấy người vợ lớn sinh lòng sân hận, đố kỵ, luôn tìm cách để hại đứa bé con người vợ nhỏ, nhưng bên ngoài bà tỏ ra hết lòng thương yêu, chiều chuộng, không một chút ganh tỵ nào.

Một hôm người vợ nhỏ đi vắng, người vợ lớn lén lấy cái kim ghim vào đỉnh đầu đứa bé. Đứa bé từ ấy phát bệnh la khóc suốt ngày, bỏ ăn, bỏ uống, thân hình tiêu

tụy, qua bảy hôm thì chết. Trong nhà ai cũng sầu khổ. Người vợ lớn cũng tỏ ra đau đớn, tiếc thương. Còn người vợ nhỏ thì vật mình xuống đất, khóc than thảm thiết suốt cả ngày đêm. Nhưng cả nhà chẳng ai biết được vì sao đứa bé ấy chết. Về sau bà vợ nhỏ biết được do lòng ganh tị của người vợ lớn và chính bà ấy giết. Bà vợ nhỏ lập tâm báo thù. Bà đến chùa hỏi các thầy tỳ kheo: “Bạch đại đức, muốn toại nguyện lòng mong cầu, phải làm công đức gì?” Các thầy tỳ kheo đáp: “Muôn toại nguyện lòng mong cầu thì phải thọ trì bát quan trai giới, điều cầu xin sẽ được như ý.

Nghe xong, bà xin thọ bát quan trai giới. Sau đó bảy ngày bà chết đầu thai làm con gái bà vợ lớn, thân tướng đẹp đẽ. Bà vợ lớn thương yêu, quý trọng hơn vàng, nhưng oan nghiệt thay, đứa bé ấy chỉ sống được một năm rồi chết khiến cho người mẹ khổ sở đau đớn khôn cùng, khóc lóc thảm thương, bỏ ăn quên ngủ. Oan oan tương báo như thế đến bảy lần, bà vợ lớn đoán biết đây là sự báo oán của người vợ nhỏ.

Cho đến lần cuối cùng, bà vợ lớn sinh được một bé gái lại càng đẹp đẽ, thân thể đoan trang hơn mấy lần trước, nhưng lần này đứa bé sống được 14 tuổi, sắp có gia đình. Một hôm đang đêm nàng bước ra khỏi cửa, liền ngã lăn ra chết. Bà mẹ khóc lóc kêu gào la hét suốt ngày, lòng thương con cùng cực, khiến bà phát cuồng, không còn biết gì nữa. Bà để xác con giữa nhà, chẳng chịu liệm càng nhìn xác con càng thấy đẹp lạ thường.

Một buổi sáng nọ, các thầy tỳ kheo thiên định, dùng từ tâm quán khắp tâm chúng sinh, thấy người đàn bà ấy

bị một chuỗi oan nghiệt nối dài và nay chính là lúc nhờ sự đau khổ cùng tột có thể làm tâm bà bừng sáng. Sau khi dùng từ tâm quán sát, thầy tỳ kheo liền khoác y ôm bát, đến nhà bà vợ lớn khát thực. Đến nơi trước nhà vắng vẻ, bên trong nghe tiếng khóc than quần quai, thầy rung tích trượng, hồi lâu có kẻ đẩy tờ mang cơm ra cúng: “Bạch Ngài, bà chủ con bận việc không thể ra, xin Ngài từ bi nạp thọ”. Thầy sa môn im lặng, không mở bát ra mà nói: “Ta muốn gặp thí chủ”.

Người đẩy tờ trở vào thưa cùng bà vợ lớn rằng thầy sa môn muốn gặp bà. Bà chủ nói: “Ta có chuyện buồn khổ, chỉ muốn chết thôi, ta không muốn gặp ai cả, mày hãy mang cơm ra cúng dường thầy sa môn ấy và xin Ngài hãy đi đi. Nhưng khi người giúp việc mang cơm ra, Ngài cũng không nhận và nói như trước. Bà vợ lớn tự nghĩ: “Ta đang lúc khổ sở mà vị sa môn này chẳng hiểu được tâm ta, sai người đem cúng dường mà chẳng nhận, quyết muốn gặp ta, không biết Ngài muốn gì?” Khi bà bước ra, thầy sa môn vừa trông thấy liền hỏi: “Này thí chủ, vì sao bà có vẻ sầu khổ, đầu tóc rối bù, mặt mày hốc hác tiêu tụy đến thế?”. “Bạch Ngài, từ ngày tôi có gia đình đến nay, sinh bảy đứa con gái đứa nào cũng đẹp đẽ dễ thương, nhưng khi đến một hoặc hai ba tuổi thì chết, duy chỉ có đứa con này đến 14 tuổi, đêm hôm vừa bước ra khỏi nhà liền té xuống đất chết ngay. Tôi quá khổ sở, chỉ có muốn chết nữa mà thôi”. Nói xong bà khóc nức nở. Thầy sa môn bảo: “Hãy rửa mặt, chải đầu rồi ta sẽ nói cho bà nghe”. Nhưng bà ta vẫn khóc, thầy sa môn nói: “Này bà, người vợ nhỏ của ông chủ nhà này vì sao chết?”. Bà vợ lớn nghe nói trong lòng bối rối sợ hãi, tự nghĩ sao vị sa môn này lại biết được việc nhà ta?

Thầy sa môn nói: “Người vợ nhỏ của nhà này sinh được một đứa con trai, vì sao đứa con ấy lại chết đi?”. Bà vợ lớn nghe nói trong lòng càng sợ hãi, run rẩy chẳng nói nên lời. “Này bà, do bà giết đứa bé ấy, nên người mẹ của nó đau khổ rồi chết theo, vì oan oan tương báo, người mẹ của đứa bé quyết báo thù, nên bảy lần sinh làm con của bà rồi lại chết, để bà phải đau khổ mà chết theo như bà đã gây ra cho người vợ nhỏ. Giờ đây đứa con bà vừa mới chết, bà hãy xa ra thì sẽ biết đứa con ấy thế nào?”. Nghe vị sa môn nói, bà quay lại thì toàn thân đứa con ấy tan rã, hơi thổi vô cùng. Trong lòng cảm thấy hổ thẹn khủng khiếp, bà cúi đầu đánh lễ vị sa môn cầu xin cứu độ.

“Ngày mai bà hãy đến chùa ta sẽ làm lễ qui y cho”. . Ngay khi ấy, xác đứa con gái liền biến thành rắn độc, biết được bà vợ lớn sẽ đi thọ giới, nên rắn nằm ngang chặn giữa đường. Thầy sa môn nói với rắn: “Oan nghiệt đã trải qua mấy đời. Người vợ lớn chỉ giết có một người con của nhà người, tại sao nhà người lại làm khổ người ta đến bảy lần. Tội nhà người rất lớn, hôm nay lại muốn cản đường không cho người ta đi quy y tam bảo nữa, tội này đời đời sẽ đọa vào địa ngục, hiện tại nhà người chỉ là thân rắn đâu được thân người”.

Rắn nghe nói, liền nhớ lại kiếp trước, đau đớn trong lòng, vặn mình uốn khúc, đập đầu xuống đất, hướng về vị sa môn mà sám hối. Vị sa môn nói: Hai người đời trước đã tạo oan nghiệt gây khó cho nhau. Vậy kể từ nay tội lỗi mỗi người sẽ được chấm dứt, đời đời không được có ý niệm giết hại nhau nữa. Cả hai đều ăn năn, rắn độc nhờ sức chú nguyện của vị sa môn liền được thác sinh làm thân người.

Phạm Đình Nhân